BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀO DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỐ 353/2025/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tổ chức lấy ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số. Kết quả như sau:

1. Bộ KH&CN nhận được văn bản góp ý của 14 Bộ và cơ quan ngang bộ, 30 địa phương. Bộ KH&CN cũng đã lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và nhận được ý kiến 05 doanh nghiệp và 03 trường đại học, học viện (trong tổng số 92 doanh nghiệp, viện, trường). Trong tổng số 52 đơn vị góp ý, có 23 đơn vị nhất trí/không có ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định, cụ thể: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các địa phương: Tuyên Quang, Thanh Hóa, Cần Thơ, Lào Cai, Thái Nguyên, Đồng Tháp, Hưng Yên, Huế, Lạng Sơn, An Giang, Đắk Lắk, Bắc Ninh, Quảng Trị, Nghệ An, Sơn La, Điện Biên, Đồng Nai, Khánh Hòa và Cà Mau.

2. Ý kiến của các đơn vị còn lại cụ thể như sau

TT	CHỦ THỂ GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. BỘ- NGÀNH				
1	Bộ Công Thương		Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ cơ chế quản lý, hệ quả pháp lý và việc sử dụng nguồn lực của Nhà nước trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát, bao gồm trường hợp sử dụng tài sản công, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ, dữ liệu và các nguồn lực khác do cơ quan nhà nước quản lý hoặc được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Theo đó, đề nghị làm rõ điều kiện, thẩm quyền cho phép sử dụng; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý nguồn lực và tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm; cơ chế bảo đảm an toàn, bảo vệ dữ liệu, quản lý chi phí và xử lý các vấn đề phát sinh như mất mát, hư hỏng tài sản, sự cố kỹ thuật, thiệt hại và khắc phục hậu quả khi kết thúc hoặc chấm dứt thử nghiệm. Việc sử dụng các nguồn lực này cần tuân thủ pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và không làm phát sinh cơ chế ưu đãi hoặc miễn trừ trách nhiệm trái quy định của pháp luật.	**Giải trình** Điểm g khoản 1 Điều 16a dự thảo chỉ yêu cầu xác định nguồn lực bảo đảm triển khai khu vực thử nghiệm, không phải quy định trao quyền cho doanh nghiệp sử dụng tài sản công, hạ tầng, dữ liệu nhà nước hoặc tự động nhận ngân sách, hỗ trợ từ quỹ. Việc giao, sử dụng, khai thác tài sản công, thanh toán, bố trí dự toán, vận hành hạ tầng và xử lý thiệt hại tiếp tục thực hiện theo pháp luật về ngân sách, tài sản công và pháp luật chuyên ngành; việc quyết định khu vực không thay thế thẩm quyền của cơ quan quản lý nguồn lực. Do đó, chưa cần bổ sung một cơ chế tài chính, tài sản công song song vào Nghị định này; Phương án tổ chức khu vực phải dự kiến rõ nguồn lực hợp pháp và trách nhiệm quản lý.

				Đối với đề nghị về tài sản công và dữ liệu nhà nước: việc chấp thuận sử dụng, quản lý chi phí, bồi thường, bảo mật và xử lý tài sản phải do chủ thể có thẩm quyền quyết định theo chế độ riêng, không được coi quyết định xác định khu vực là quyết định giao tài sản hoặc miễn trách nhiệm.
2	Bộ Tài chính	Báo cáo tổng kết thi hành	1. Theo dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 353/2025/NĐ-CP, Bộ KHCN đang đánh giá cách diễn đạt tại Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Nghị định có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau trong quá trình xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Tuy nhiên, tại dự thảo Báo cáo chưa làm rõ số lượng cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí quy định tại Nghị định kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành (01/01/2026). Do đó, đề nghị bổ sung số liệu thực tế, đánh giá tác động liên quan để làm rõ sự cần thiết của việc quy định điều khoản chuyển tiếp. Trường hợp cần thiết, đề nghị quy định cụ thể thời hạn áp dụng điều khoản chuyển tiếp, bảo đảm không kéo dài thời	**Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, các chính sách đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao đang trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện. Do thời gian triển khai chưa dài, việc tổng hợp, thống kê số lượng cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và thực tế thụ hưởng các chính sách ưu đãi chưa có đủ dữ liệu để đánh giá đầy đủ, toàn diện.

			gian hưởng chính sách đã được xác định hoặc làm phát sinh quyền lợi vượt quá quy định của pháp luật hiện hành.	Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định chủ yếu được ghi nhận thông qua quá trình trao đổi, làm việc với các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan. Qua rà soát, tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp, đặc biệt là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và Công ty TNHH Amkor Technology Việt Nam, cho thấy quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP còn một số bất cập, có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Cụ thể, việc xác định tiêu chí thu nhập theo quốc tịch chưa phản ánh đúng điều kiện thu nhập tại quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhân sự làm việc; quy định nhân sự phải "tham gia trực tiếp" vào hoạt động công nghiệp công nghệ số chưa rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau khi xác định các vị trí nhân sự trong doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh

				vực công nghiệp bán dẫn; việc sử dụng khái niệm quốc gia phát triển theo phân loại của Liên hợp quốc (UN) hoặc Ngân hàng Thế giới (WB) chưa thống nhất về phương pháp phân loại, chưa phù hợp với đặc thù thu hút nhân lực từ một số nền kinh tế có thế mạnh về công nghệ số, bán dẫn; đồng thời, chưa có quy định về cách xác định tiêu chí thu nhập đối với nhân sự làm việc tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trong 02 năm gần nhất. Để khắc phục các bất cập nêu trên, dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 6 theo hướng xác định tiêu chí thu nhập căn cứ vào quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhân sự làm việc, không phân biệt quốc tịch; thay cụm từ "tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số" bằng "tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số"; sử dụng phân loại nền kinh tế tiên tiến của Quỹ

				Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhằm bảo đảm tính chọn lọc, đồng thời bao quát các nền kinh tế có thế mạnh về công nghệ số, bán dẫn như Singapore, Đài Loan; bổ sung phương pháp xác định tiêu chí thu nhập đối với nhân sự làm việc tại từ hai quốc gia, vùng lãnh thổ trở lên trên cơ sở bình quân tỷ lệ thu nhập so với ngưỡng tối thiểu tương ứng, có tính đến thời gian làm việc tại từng quốc gia, vùng lãnh thổ. Đồng thời, tiếp tục duy trì ngưỡng thu nhập tối thiểu bằng 03 lần GDP bình quân đầu người đối với nhóm nền kinh tế tiên tiến và 05 lần đối với các trường hợp còn lại, nhằm bảo đảm tính chọn lọc và mục tiêu thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Đối với quy định chuyển tiếp tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định, quy định này nhằm bảo đảm tính ổn định,

				liên tục trong áp dụng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trước thời điểm Nghị định sửa đổi có hiệu lực. Quy định chuyển tiếp không làm phát sinh chính sách ưu đãi mới, không kéo dài thời gian hưởng chính sách hoặc làm phát sinh quyền lợi vượt quá quy định của pháp luật hiện hành. Việc tiếp tục áp dụng các tiêu chí đã được xác định trước đây chỉ được thực hiện trong thời gian hưởng chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, không cần thiết quy định thêm thời hạn chuyển tiếp riêng.
			2. Pháp luật về thuế hiện hành (khoản 1, 2 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026) đã quy định về miễn thuế TNCN và dẫn chiếu các tiêu chí, điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật công nghiệp công nghệ số. Tuy nhiên, tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị	**Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định các đối tượng, tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao tại Điều 5 đến

			định sửa đổi, bổ sung cũng chưa có quy định về việc xác định hồ sơ, giấy tờ để làm căn cứ đối chiếu với các tiêu chí, điều kiện cụ thể. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định để xác định hồ sơ làm căn cứ đối chiếu với các tiêu chí, điều kiện cụ thể để cơ quan thuế có căn cứ xác định miễn thuế TNCN theo quy định.	Điều 10, làm căn cứ áp dụng các chính sách ưu đãi. Đối với chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP đã dẫn chiếu đến các tiêu chí tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; việc kê khai, chứng minh điều kiện miễn thuế được thực hiện theo pháp luật về thuế và quản lý thuế. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm hướng dẫn quy trình, thủ tục áp dụng chính sách ưu đãi của các bộ, ngành theo phạm vi quản lý (nếu có). Do đó, không cần thiết bổ sung quy định về hồ sơ riêng tại Nghị định này nhằm tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính.
		Tại mục 4 của nội dung 4 - Bổ sung Điều 16a	3. Tại mục 4 của nội dung 4 - Bổ sung Điều 16a (trang 4): Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép và thực hiện

			kiểm soát gồm các trường hợp sau: (a) khu vực thử nghiệm có những thay đổi về chủ thể dẫn đến những thay đổi về mục tiêu, lĩnh vực hoặc hoạt động được thử nghiệm tại khu vực thử nghiệm; (b) khu vực thử nghiệm phát sinh những tranh chấp, xung đột kéo dài gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động chung.	các thẩm quyền liên quan đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn; quyết định việc xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định, quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung sửa đổi Điều 16 tại dự thảo Nghị định đã bao quát hết thẩm quyền liên quan đến sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ số và khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.
		Tại điểm a, mục 10. Bổ sung khoản 8 Điều 25	4. Tại điểm a, mục 10. Bổ sung khoản 8 Điều 25 (trang 7): Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc sửa cụm từ "Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có

			công nghệ số có kiểm soát" thành "Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố ban hành Quyết định về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này" nhằm chỉ rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cũng như thống nhất với tên gọi Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục. Theo đó, sửa cụm từ tại điểm d) "Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này" thành "Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố xem xét, ban hành Quyết định về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này" để đảm bảo thống nhất giữa các quy định.	kiểm soát đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, bao gồm hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực thử nghiệm (khoản 1 Điều 16). Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, dự thảo không còn quy định Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực; việc ban hành Quyết định cấp phép được thực hiện theo thẩm quyền tại Điều 16 và Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.
			5. Đề nghị thống nhất nội dung liên quan đến Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tại	**Tiếp thu**

			Tờ trình và Dự thảo Nghị định, lý do, hiện tại Tờ trình ghi Chủ tịch UBND cấp tỉnh "tiếp nhận, thẩm định và quyết định cấp phép" (mục 3.3.a) và Dự thảo Nghị định ghi Sở KH&CN tiếp nhận, thẩm định; Chủ tịch chỉ quyết định (Điều 16).	Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 1 Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, tổ chức thẩm định và quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tờ trình Chính phủ đã được chỉnh lý tương ứng, bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị định.
			6. Đề nghị quy định thống nhất thuật ngữ: "Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh", "Sở Khoa học và Công nghệ", "Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố", "Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố". Lý do,	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định và Tờ trình đã được chỉnh lý thống nhất theo hướng giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm

			hiện nay cách gọi chưa thống nhất tại tờ trình cũng như Dự thảo Nghị định đối với tên gọi Sở KHCN.	quyền quyết định cấp phép thử nghiệm và xác định khu vực thử nghiệm; đồng thời sử dụng thống nhất cụm từ "cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 3 Điều 16, không quy định cụ thể tên gọi Sở Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với việc phân công nhiệm vụ của địa phương.
3	Thanh tra Chính phủ	Điểm c khoản 1 Điều 16a khoản 2 Điều 22a	1. Điểm c khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định "Các vấn đề pháp lý cần xử lý và cơ chế pháp lý áp dụng đối với hoạt động thử nghiệm, bao gồm quy định được áp dụng, quy định được phép không áp dụng, quy định được áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế trong khu vực thử nghiệm". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý của việc trao thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ngoại lệ đối với việc	**Giải trình** Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; trong đó, khoản 6 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc quy định chi tiết và xử lý các vấn đề phát sinh theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị

			không áp dụng pháp luật, áp dụng khác quy định của pháp luật. Việc xác định phạm vi, giới hạn các quy định được phép không áp dụng, được áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế trong khu vực thử nghiệm phải phù hợp với quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan. Tương tự như vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ căn cứ pháp lý của việc quy định tại khoản 2 Điều 22a, đảm bảo có cơ sở pháp lý, đúng chủ thể, đúng thẩm quyền cho phép áp dụng.	định đã được chỉnh lý tại điểm c khoản 1 Điều 16a theo hướng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Việc xác định khu vực thử nghiệm không đồng nghĩa với việc mọi tổ chức, doanh nghiệp trong khu vực được tự động áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù. Theo khoản 1 Điều 22, các quy định được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác phải được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý của khu vực thử nghiệm (nếu có). Đồng thời, dự thảo đã thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định xác định khu vực thử

				nghiệm, phê duyệt Phương án tổ chức khu vực và cấp phép thử nghiệm tại Điều 16; không còn quy định Điều 22a. Việc áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù phải thực hiện trong phạm vi thẩm quyền và giới hạn được pháp luật cho phép, bảo đảm quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro.
		Điểm c khoản 1 Điều 16	Điểm c khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền "Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, quản lý, giám sát khu vực thử nghiệm". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc chỉ quy định trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra mà chưa đề cập đến việc chỉ đạo thanh tra đối với hoạt động tổ chức, quản lý và thực hiện thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm, nhất là việc tuân thủ các điều kiện, giới hạn và cơ chế pháp lý đặc thù được áp dụng trong quá trình thử nghiệm; bảo đảm cơ chế kiểm soát phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động thử nghiệm và quy định của pháp luật về thanh tra.	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 2 Điều 16 theo hướng quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo công tác tổ chức, quản lý, giám sát và rà soát, đánh giá hằng năm hoạt động của khu vực thử nghiệm. Đồng thời, trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp phép đã được quy định tại Điều 21 và Điều 33 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đối với hoạt động thanh tra, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện theo pháp luật

				về thanh tra và pháp luật chuyên ngành có liên quan, không phụ thuộc vào việc quy định lại tại Điều 16. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên phương án tại dự thảo Nghị định, tránh trùng lặp quy định về thẩm quyền thanh tra.
4	Bộ Nội vụ		1. Tại khoản 3 Điều 2 (sửa đổi, bổ sung Điều 16), khoản 4 Điều 2 (bổ sung Điều 16a) dự thảo Nghị định hiện quy định cụ thể thẩm quyền của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nghiên cứu, cân nhắc quy định nội dung này, nên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định để bảo đảm quyền tự chủ của địa phương theo Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được

				giao; không quy định cụ thể thẩm quyền của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm tính chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện.
			2. Tại khoản 4 Điều 16 (được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 2) quy định "Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao." Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định cụ thể trách nhiệm, thẩm quyền của từng chủ thể (bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tránh quy định chung chung dẫn đến chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện.	**Tiếp thu, làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm và xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; đồng thời quy định việc phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định, quản lý, giám sát. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

				trong xử lý các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm. Khoản 5 Điều 16 bổ sung quy định về phân định thẩm quyền cấp phép theo địa bàn và phối hợp giữa các địa phương đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên. Việc quy định trách nhiệm phối hợp theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền đã được pháp luật quy định, tránh chồng chéo và không làm thay đổi thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Tờ trình	Tại điểm 1.2 khoản 1 mục I viện dẫn trường hợp cấp bách tại Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bổ sung căn cứ, chủ thể quyết định và lý do cấp bách; làm rõ nội dung thực hiện nhiệm vụ cắt giảm thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo hướng bỏ nội dung đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Việc xem xét, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện riêng

			29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và nội dung bổ sung về khu vực thử nghiệm để thuyết minh đầy đủ phạm vi áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.	theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
		Nghị định	Tại khoản 3 và khoản 6 Điều 2, đề nghị làm rõ đầu mối và trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương trong cấp phép, giám sát, xử lý sự cố đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn nhiều tỉnh, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm quản lý. Đề nghị quý Bộ tiếp tục rà soát hồ sơ nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, đúng quy định của pháp luật	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý, bổ sung khoản 5 Điều 16 theo hướng: đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương xem xét, quyết định cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc phạm vi địa bàn quản lý; các địa phương có liên quan có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố phát sinh trong quá trình thử nghiệm. Việc cấp phép của từng địa phương không phụ thuộc vào kết quả cấp phép của địa phương khác. Quy định này nhằm phân định rõ thẩm

				quyền, trách nhiệm theo địa bàn, tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của pháp luật có liên quan; nội dung được thuyết minh tại Tờ trình Chính phủ và các tài liệu kèm theo.
6	Bộ Công an	khoản 1 Điều 2	Đề nghị nghiên cứu, làm rõ nội hàm của khu vực có "giới hạn kỹ thuật", "không gian số"; đồng thời, bổ sung quy định xác định thẩm quyền quyết định đối với trường hợp khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát có tính chất liên tỉnh, liên ngành, liên lĩnh vực để bảo đảm rõ ràng, thống nhất khi áp dụng.	**Tiếp thu, làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 1 Điều 15a theo hướng xác định khu vực thử nghiệm trong phạm vi địa bàn một tỉnh, không sử dụng các khái niệm "giới hạn kỹ thuật", "không gian số" để tránh cách hiểu khác nhau về phạm vi khu vực và thẩm quyền quản lý; đồng thời chỉnh lý Điều 16a và Điều 18 để bảo đảm thống nhất. Đối với hoạt động thử nghiệm triển khai trên địa bàn nhiều tỉnh, dự thảo Nghị

				định quy định mỗi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương tại Điều 16. Đối với hoạt động thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực, Điều 15b cho phép tổ chức nhiều hoạt động thử nghiệm thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng khu vực; Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
		khoản 3 Điều 2	Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP) về thẩm quyền đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, dự thảo đã bỏ thẩm quyền cấp phép thử nghiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ (quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP); theo thuyết	**Tiếp thu, làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; không duy trì cơ chế cấp phép thử

			minh tại hồ sơ, đối với hoạt động thử nghiệm có phạm vi liên tỉnh, từng địa phương quyết định đối với phần hoạt động thuộc địa bàn quản lý; tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa xác định rõ trường hợp này. Đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền cấp phép và cơ chế phối hợp giữa các địa phương đối với hoạt động thử nghiệm có phạm vi liên tỉnh để thuận lợi cho việc áp dụng, thi hành pháp luật.	nghiệm liên tỉnh của bộ, cơ quan ngang bộ. Đồng thời, đã bổ sung quy định tại Điều 16 về trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương trong quá trình triển khai hoạt động thử nghiệm trên địa bàn nhiều tỉnh.
		Mẫu số TNCNS01	Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và Mẫu số TNCNS02: Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trường thông tin về Thẻ căn cước tại nội dung "Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu)", viết lại là "Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/CC/Hộ chiếu)" để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định.
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Về thẩm quyền và phân cấp	Tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 dự thảo, đề nghị rà soát, phân định rõ nhiệm vụ tham mưu, thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ với thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở; làm rõ căn cứ, chủ thể, phạm vi và trách nhiệm phân cấp, bảo đảm phù hợp	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và

			với Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Chỉnh lý đồng bộ các quy định tại Điều 17a, khoản 8 Điều 25 dự kiến bổ sung và các biểu mẫu liên quan.	xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, dự thảo đã được chỉnh lý đồng bộ tại Điều 17a, khoản 4 Điều 25 và các biểu mẫu có liên quan, bảo đảm thống nhất về thẩm quyền cấp phép và trình tự, thủ tục thực hiện.
		Về phối hợp quản lý chuyên ngành và kiểm soát rủi ro	Tại khoản 3, khoản 4 và khoản 10 Điều 2 dự thảo, đề nghị bổ sung trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành khi xác định khu vực và thẩm định cấp phép thử nghiệm có tác động trực tiếp đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tài nguyên,	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 16 về thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong

			môi trường. Quy định rõ nội dung, trách nhiệm phối hợp và việc tổng hợp, xử lý ý kiến trong thời hạn giải quyết hồ sơ; không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng. Phương án tổ chức khu vực và nội dung cấp phép cần cụ thể hóa yêu cầu bảo vệ môi trường, an toàn sinh học, phòng ngừa thiên tai, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và khắc phục hậu quả phù hợp với từng hoạt động. Việc miễn, loại trừ trách nhiệm và bồi thường thiệt hại thực hiện theo pháp luật có liên quan.	việc cấp phép, xác định, quản lý, giám sát khu vực thử nghiệm và phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định. Khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 quy định cơ quan có thẩm quyền cấp phép phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ thử nghiệm. Điểm d, đ và e khoản 1 Điều 16a đã quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định các điều kiện chung về bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn; cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan. Các yêu cầu cụ thể về an toàn sinh học, phòng ngừa thiên tai, khắc phục hậu quả được xác

				định phù hợp với tính chất, lĩnh vực thử nghiệm và pháp luật có liên quan. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do hoạt động thử nghiệm có thể liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, việc quy định bắt buộc lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành đối với mọi trường hợp có thể làm phát sinh thêm khâu xử lý hồ sơ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm tính linh hoạt và không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng.
		Về cơ chế pháp lý và dữ liệu trong thử nghiệm	Tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 2 dự thảo, đề nghị xác định rõ căn cứ, giới hạn thẩm quyền và điều kiện áp dụng các quy định được phép không áp dụng, áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế. Tại khoản 2 Điều 22a dự kiến bổ sung, sửa cụm từ "được phép áp dụng" thành "được phép áp dụng khác" để thống nhất với	**Tiếp thu** - Về cơ chế pháp lý áp dụng: Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16a về cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm, trong đó xác định các quy

			khoản 1 Điều 22 dự kiến sửa đổi. Đối với thử nghiệm trong không gian số có sử dụng dữ liệu chuyên ngành, cần xác định phạm vi dữ liệu, quyền khai thác, chuẩn kết nối, chia sẻ và biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ dữ liệu trong nội dung tổ chức, cấp phép thử nghiệm; bảo đảm cơ quan có thẩm quyền có thể quản lý, giám sát.	định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Khoản 1 Điều 22 quy định cơ chế pháp lý đặc thù phải được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm (nếu có). Dự thảo không còn quy định Điều 22a và đã thống nhất sử dụng thuật ngữ "được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác". - Về thử nghiệm trên môi trường số có sử dụng dữ liệu chuyên ngành: Khoản 3 Điều 18 đã được chỉnh lý theo hướng xác định không gian thử nghiệm căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng và phạm vi, đối tượng tham gia thử

				nghiệm, không chỉ căn cứ vào vị trí đặt hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, Quyết định cấp phép phải xác định cụ thể phạm vi, đối tượng, điều kiện thử nghiệm và các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm khả năng quản lý, giám sát và xử lý sự cố. Các yêu cầu cụ thể về phạm vi dữ liệu, quyền khai thác, kết nối, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu được thực hiện theo pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật chuyên ngành có liên quan, phù hợp với cơ chế pháp lý được phép áp dụng trong phạm vi thử nghiệm.
		Về biểu mẫu	Tại Mục 3 Mẫu số TNCNS01 thuộc khoản 12 Điều 2 dự thảo, đề nghị bổ sung trường thông tin "Ngành, lĩnh vực" để tổ chức, doanh nghiệp kê khai, phục vụ phân loại và phối hợp quản lý chuyên ngành. Rà soát, thống nhất thông tin này với các biểu mẫu liên quan; chuẩn hóa thể thức, kỹ thuật trình bày.	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý tại dự thảo Nghị định.
		Về căn cứ ban hành và thành phần hồ sơ	Đề nghị cập nhật các văn bản sửa đổi, bổ sung các luật được sử dụng làm căn cứ; rà	**Tiếp thu**

			soát cách viện dẫn theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Bổ sung dự thảo phần nội dung hợp nhất Nghị định số 353/2025/NĐ-CP vào hồ sơ khi trình Chính phủ theo quy định về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm thống nhất giữa dự thảo Nghị định, Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh và các báo cáo kèm theo.	
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Điều 2 khoản 11	Tại Điều 2 khoản 11 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, liên quan đến thời hạn xử lý thủ tục/nhiệm vụ tại khoản 3 và khoản 5 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, giữ nguyên thời hạn xử lý thủ tục/nhiệm vụ là 15 ngày như quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP (lý do: Đây là nhóm nhiệm vụ mới, công nghệ phức tạp, thay đổi nhiều, chưa có nhiều tiền lệ áp dụng trong thực tiễn, cần nhiều thời gian để nghiên cứu, đánh giá toàn diện, thẩm định kỹ lưỡng và triển khai thử nghiệm đạt hiệu quả).	**Giải trình** Việc điều chỉnh thời hạn từ 15 ngày thành 11 ngày làm việc nhằm thực hiện yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ, đồng thời bảo đảm thống nhất về cách tính thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Việc chuyển sang tính theo ngày làm việc cơ bản không làm thay đổi lớn thời gian xử lý trong điều kiện thông thường, đồng thời bảo đảm thời gian cần thiết để cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ. Đối với hoạt động

				thẩm định hồ sơ cấp phép thử nghiệm ngoài khu vực thử nghiệm, dự thảo tiếp tục giữ thời hạn 60 ngày tại khoản 4 Điều 25 để bảo đảm yêu cầu đánh giá, kiểm soát rủi ro. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên phương án tại dự thảo Nghị định.
9	Bộ Y tế	Tên Nghị định	Về tên dự thảo Nghị định: Đề nghị cân nhắc chỉnh lý thành "Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số".	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý dự thảo Nghị định
		Bố cục	Đề nghị bố cục lại tên Điều theo Mẫu số 23 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý dự thảo Nghị định
		Phân cấp	Đề nghị cân nhắc phân cấp cho cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ: "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phân cấp cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp."	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã tiếp thu, chỉnh lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu

				vực thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, phù hợp với phương án phân cấp tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc giữ thẩm quyền quyết định tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất trong quản lý, điều phối hoạt động thử nghiệm có thể liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, đồng thời gắn thẩm quyền cấp phép với trách nhiệm quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro trên địa bàn.

			Khoản 1 Điều 4: Đề nghị cân nhắc dẫn chiếu cụ thể đến điều, khoản, điểm quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý dự thảo Nghị định
			Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, điều chỉnh khoản 2, Điều 22a được bổ sung tại khoản 8, Điều 2 dự thảo Nghị định. Cụ thể, khoản 2, Điều 22a đang sử dụng cụm từ "được phép áp dụng", trong khi tại điểm b, khoản 1, Điều 22 được sửa đổi tại khoản 7, Điều 2 của dự thảo Nghị định sử dụng cụm từ "được phép áp dụng khác". Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ sử dụng cụm từ "được phép áp dụng khác" để thống nhất cách diễn đạt và cách hiểu khi áp dụng.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a; đồng thời thống nhất sử dụng cụm từ "được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác" tại điểm c khoản 1 Điều 16a và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, bảo đảm thống nhất về thuật ngữ và cách hiểu khi áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.
			Đề xuất xem xét bổ sung, làm rõ quy định về việc thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm công nghệ số do đơn vị trực thuộc Bộ triển khai hoặc phạm vi ứng dụng tại một số đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi địa lý một tỉnh/thành phố.	**Giải trình** Theo Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đáp ứng điều kiện thử nghiệm theo quy định, không phụ thuộc vào việc tổ chức triển khai là đơn vị trực thuộc Bộ hay tổ chức, doanh nghiệp khác

				thuộc đối tượng áp dụng. Đối với hoạt động kiểm thử, thí điểm ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ số phục vụ hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước mà không phát sinh vướng mắc về pháp lý thì thực hiện theo pháp luật có liên quan, không nhất thiết áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đáp ứng điều kiện thử nghiệm có kiểm soát theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, thẩm quyền cấp phép được xác định theo địa bàn trực tiếp triển khai hoạt động thử nghiệm theo Điều 16 và Điều 18 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định.
10	Bộ Tư pháp	Sự cần thiết ban hành Nghị định	Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số. Tại dự thảo Tờ trình	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung, làm rõ tại Mục I.2 dự thảo Tờ trình Chính phủ các khó khăn,

			đã nêu các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc xây dựng dự thảo Nghị định. Thực hiện Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, việc Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; đồng thời để hoàn thiện hơn các quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là cần thiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ hơn về những vướng mắc, bất cập (do quy định của pháp luật/do tổ chức thi hành) để trên cơ sở đó đề xuất cho đầy đủ, phù hợp.	vướng mắc trong quá trình thi hành Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, phân biệt giữa những bất cập của quy định pháp luật và khó khăn trong tổ chức thực hiện. Về quy định pháp luật, dự thảo Tờ trình đã làm rõ những bất cập về tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, gồm việc xác định ngưỡng thu nhập theo quốc tịch, phân loại quốc gia, phạm vi nhân sự tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ số và cách xác định tiêu chí thu nhập đối với nhân sự làm việc tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ. Đối với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, Nghị định hiện hành chưa quy định phương thức tổ chức thử nghiệm theo khu vực; một số quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cần được hoàn thiện để thống nhất với yêu cầu phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành

				chính. Về tổ chức thực hiện, hoạt động thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, đòi hỏi sự phối hợp trong thẩm định, quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro. Việc đánh giá riêng các điều kiện chung đối với từng hoạt động thử nghiệm có thể làm tăng thời gian và nguồn lực thực hiện. Trên cơ sở đó, dự thảo Tờ trình đã làm rõ sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP nhằm khắc phục các bất cập nêu trên, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
		Về nội dung dự thảo Nghị định	Liên quan đến Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản 1 Điều 21 Luật này quy định: "Thử nghiệm có kiểm soát là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, doanh nghiệp triển khai thử nghiệm đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành, trong điều kiện thực tế có giới hạn	**Tiếp thu và làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, làm rõ sự cần thiết bổ sung quy định về khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát tại dự thảo Tờ trình và Bản so sánh, thuyết minh. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện quy định cơ chế cấp phép thử nghiệm đối với từng

			về phạm vi, thời gian, không gian". Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 15a và Điều 15b để quy định về khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát với lý do thuyết minh: "Bổ sung khái niệm khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát để tạo cơ sở pháp lý cho địa phương xác định trước một phạm vi thử nghiệm theo ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật, bao gồm cả không gian số…" (nêu tại bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP). Tuy nhiên, nội dung thuyết minh chưa rõ ràng, chưa làm rõ vướng mắc, bất cập để trên cơ sở đó đưa ra sự cần thiết quy định việc bổ sung khái niệm "khu vực" để thực hiện trên một địa bàn tỉnh, thành phố. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ vấn đề này; đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (phù hợp với điều kiện thực tế có giới hạn về phạm vi, thời gian, không gian).	sản phẩm, dịch vụ, chưa có phương thức xác định trước khu vực thử nghiệm với các điều kiện chung về hạ tầng, an ninh, an toàn, cơ chế pháp lý và quản lý, giám sát để tổ chức nhiều hoạt động thử nghiệm. Việc phải đánh giá riêng các điều kiện chung đối với từng hoạt động có thể dẫn đến thẩm định trùng lặp, làm tăng thời gian và nguồn lực thực hiện. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 15a theo hướng xác định khu vực thử nghiệm là khu vực có ranh giới xác định thuộc địa bàn một tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; không sử dụng khái niệm "giới hạn kỹ thuật", "không gian số" để xác định khu vực thử nghiệm. Đây là phương thức tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, không phải một loại khu chức năng mới. Điều 15b cho phép tổ chức nhiều hoạt động

				thử nghiệm thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng khu vực nhưng từng hoạt động vẫn phải được cấp phép theo quy định. Việc bổ sung khu vực thử nghiệm không làm thay đổi bản chất và các giới hạn của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Không gian, phạm vi và đối tượng của từng hoạt động thử nghiệm được xác định theo Điều 18; thời gian thử nghiệm thực hiện theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Cơ chế pháp lý đặc thù chỉ được áp dụng trong phạm vi, điều kiện được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép thử nghiệm.
		Phân cấp	Liên quan đến Luật Tổ chức Chính phủ, dự thảo Nghị định có một số quy định cụ thể tên đơn vị chuyên môn thuộc tỉnh là chưa phù hợp với Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ và Điều 13 Luật Tổ chức Chính quyền	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm

			địa phương, theo đó, Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; không phân cấp đến các đơn vị chuyên môn thuộc tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình (khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương), trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 13: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của địa phương". Mặt khác, việc quy định cụ thể tên đơn vị (như: Sở Khoa học và Công nghệ tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 16), khoản 4 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 16a), khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 17a)… có thể không đảm bảo khả thi, tính ổn định lâu	quyền cấp phép và thực hiện các thẩm quyền liên quan đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn; quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định, quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các quy định tại Điều 16a, Điều 17a và các nội dung liên quan đã được chỉnh lý thống nhất, không quy định cụ thể tên Sở Khoa học và Công nghệ, bảo đảm phù hợp với pháp luật về tổ chức bộ máy và tính ổn định của văn bản.

			dài nếu các đơn vị chuyên môn này thay đổi tên hoặc sáp nhập. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ, đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.	
			Liên quan đến Luật Đầu tư, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại toàn bộ nội dung quy định tại dự thảo Nghị định cho phù hợp với Luật Đầu tư, trong đó, đảm bảo điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với khoản Điều 7 Luật này: "phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư theo đúng quy định", như: a) Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 17a) quy định: "phù hợp với phạm vi, lĩnh vực, điều kiện và cơ chế pháp lý"; "vượt quá phạm vi, điều kiện và cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực thử nghiệm". Quy định này còn chung chung, chưa rõ ràng. Cần quy định rõ để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện. b) Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 22a) quy định: "trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp	**a) Về quy định tại Điều 17a** **Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý Điều 17a theo hướng tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm trong khu vực thực hiện theo Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, không bổ sung điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục cấp phép riêng. Các nội dung về phạm vi, lĩnh vực, điều kiện và cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực được xác định tại Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm theo Điều 16a; từng sản phẩm, dịch vụ chỉ được triển khai thử nghiệm sau khi được cấp phép theo quy định. **b) Về yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu**

			cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ…; không yêu cầu cung cấp lại các thông tin, tài liệu đã được xác định tại các văn bản này", theo đó, được hiểu ngoài các tài liệu quy định tại dự thảo Nghị định này, tổ chức, doanh nghiệp còn phải nộp các tài liệu khác do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố yêu cầu mà pháp luật chưa quy định là không phù hợp, phát sinh thủ tục mới mà pháp luật không quy định. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ, cụ thể các tài liệu gì, tránh áp dụng không thống nhất tại mỗi địa phương, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a và không quy định việc yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin, tài liệu ngoài thành phần hồ sơ theo quy định. Việc đăng ký và thẩm định hồ sơ thử nghiệm trong khu vực thực hiện theo Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 được sửa đổi theo hướng quy định thời hạn thẩm định hồ sơ trong khu vực là 20 ngày làm việc; các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết theo quy định.
		Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản	Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6), bỏ từ "câu dẫn" cho chính xác.	**Tiếp thu** Đã chỉnh lý dự thảo Nghị định
			Dự thảo Nghị định có một số quy định còn chung chung, chưa rõ ràng, có thể dẫn đến	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý các quy định

			cách hiểu và áp dụng khác nhau trong quá trình thực hiện. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định cho rõ ràng, đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: "Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật là tiếng Việt, bảo đảm chính xác, phổ thông, thống nhất, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu". Ví dụ: quy định tại khoản 4 Điều 17a (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định) còn chung chung, định tính, khó xác định, như: "vượt quá khả năng tiếp cận", "thứ tự ưu tiên căn cứ vào tính đổi mới sáng tạo…" được thực hiện trên cơ sở nào để xác định, tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 8 Điều 25), đề nghị làm rõ quy định: "khả năng tiếp nhận tại thời điểm cấp" là khả năng gì, xác định trên cơ sở nào để thực hiện, đảm bảo quy trình, thủ tục phải rõ để doanh nghiệp biết thực hiện.	tại dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính chính xác, rõ ràng, thống nhất, phù hợp với khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, dự thảo đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục quy định các tiêu chí mang tính định tính về khả năng tiếp nhận, thứ tự ưu tiên cấp phép tại Điều 17a và Điều 25. Đồng thời, quy định về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép thử nghiệm trong khu vực được hoàn thiện theo hướng áp dụng thống nhất các quy định hiện hành, chỉ điều chỉnh thời hạn thẩm định và không phải thẩm định lại các nội dung chung đã được đánh giá tại Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, trừ trường hợp cần thiết theo quy định.
			Nội dung dự thảo Nghị định mang tính kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến các cơ quan, tổ chức có liên quan và các đối tượng chịu sự tác động của văn bản. Do	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức

			đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, người làm thực tiễn để tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý; nghiên cứu, đánh giá tổng thể việc thực hiện các quy định hiện hành để hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhưng không tạo thêm chi phí, gánh nặng thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.	có liên quan để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; đồng thời rà soát, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị định số 353/2025/NĐ-CP để hoàn thiện dự thảo Nghị định. Dự thảo đã được chỉnh lý theo hướng làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước; đơn giản hóa trình tự, thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát trong khu vực, rút ngắn thời hạn thẩm định và không phải thẩm định lại các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, trừ trường hợp cần thiết theo quy định, nhằm tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, doanh nghiệp.
		Các biểu mẫu	Về các biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát các biểu mẫu, đảm bảo thống nhất, phù hợp, đồng bộ với nội dung dự thảo Nghị định để thuận tiện, tránh dẫn đến cách hiểu, áp dụng khác nhau trong quá trình áp dụng.	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý các biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị định, bảo đảm thống nhất với các quy định về thẩm quyền,

				trình tự, thủ tục cấp phép và tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung Mẫu số TNCNS01, TNCNS02 và bổ sung Mẫu số TNCNS12 về Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, bảo đảm đồng bộ với nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
II. ĐỊA PHƯƠNG				
1	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai	Về tiêu chí, điều kiện xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát	Theo dự thảo: Điều 15a quy định khái niệm khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; Điều 16a quy định các nội dung tối thiểu của Phương án tổ chức khu vực và Quyết định xác định khu vực thử nghiệm. Đề nghị bổ sung: Quy định rõ các tiêu chí, điều kiện tối thiểu để xác định khu vực thử nghiệm, gồm: mục tiêu, nhu cầu thử nghiệm; ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật có khả năng quản lý, giám sát; hạ tầng kỹ thuật phù hợp; nhân lực và nguồn lực bảo đảm; cơ chế phối hợp quản lý; khả năng cảnh báo, kiểm soát rủi ro, tạm dừng hoạt động và xử lý sự cố; bảo vệ dữ liệu, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Các tiêu chí cần phù	**Giải trình** Khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định các nội dung phải có trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, bao gồm sự cần thiết, mục tiêu, phạm vi, lĩnh vực dự kiến thử nghiệm; cơ chế pháp lý áp dụng và các giới hạn tương ứng; yêu cầu về bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố; trách nhiệm phối hợp và nguồn lực

			hợp với tính chất, quy mô, mức độ rủi ro của lĩnh vực dự kiến thử nghiệm; Phương án tổ chức khu vực phải thuyết minh việc đáp ứng các tiêu chí này. Lý do: Dự thảo đã quy định các nội dung phải có trong phương án nhưng chưa làm rõ điều kiện tối thiểu để một khu vực được xác định và đưa vào hoạt động. Việc bổ sung tiêu chí sẽ tạo căn cứ thống nhất cho Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức kiểm tra, đánh giá trong quá trình hoạt động.	bảo đảm thực hiện. Đây là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác định khu vực thử nghiệm theo khoản 2 Điều 16a. Do tính chất, quy mô, điều kiện kỹ thuật và mức độ rủi ro của từng lĩnh vực thử nghiệm có sự khác biệt, việc quy định thống nhất các tiêu chí cụ thể về hạ tầng, nhân lực và nguồn lực cho tất cả khu vực thử nghiệm có thể hạn chế tính linh hoạt và chủ động của địa phương. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định các nội dung bắt buộc của Phương án tổ chức khu vực, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu quản lý, kiểm soát rủi ro của từng khu vực.
		Về thẩm quyền và trách nhiệm phối hợp đối với hoạt động thử nghiệm	Theo dự thảo: Điều 16 sửa đổi phân định thẩm quyền giữa Chủ tịch UBND cấp tỉnh và giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; quy định trách nhiệm phối hợp của bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan.	**Tiếp thu, làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm

			Đề nghị bổ sung: Làm rõ thẩm quyền giải quyết đối với hoạt động thử nghiệm có không gian, phạm vi hoặc đối tượng thuộc từ hai tỉnh, thành phố trở lên; quy định hoặc dẫn chiếu cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. Đồng thời, quy định rõ cơ quan chủ trì, trách nhiệm và thời hạn phối hợp của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực; cơ chế xử lý trường hợp có ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền của địa phương. Lý do: Điều 16 của Nghị định hiện hành có quy định riêng về thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên và thẩm quyền đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, trong khi Điều 16 sửa đổi (chỉ bổ sung Điều 16a) chưa thể hiện rõ các nội dung này. Việc làm rõ là cần thiết để tránh khoảng trống trong xác định thẩm quyền, nhất là đối với thử nghiệm trên không gian số hoặc có tác động vượt địa giới hành chính.	quyền cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn; phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, khoản 5 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương xem xét, cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố. Đồng thời, khoản 3 Điều 18 được sửa đổi để làm rõ việc xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm, trong đó địa điểm đặt hạ tầng kỹ thuật không phải là căn cứ duy nhất xác định thẩm quyền cấp phép.

				Đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, việc thử nghiệm thực hiện theo pháp luật về dữ liệu và pháp luật có liên quan. Khoản 4 Điều 16 đã quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm. Các vấn đề thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành được xem xét, xử lý theo thẩm quyền của cơ quan có liên quan. Do tính chất, phạm vi và lĩnh vực thử nghiệm có sự khác biệt, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không quy định cứng cơ quan chủ trì, thời hạn và trình tự phối hợp riêng cho mọi trường hợp thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực, nhằm bảo đảm tính linh

				hoạt và tránh chồng chéo trong tổ chức thực hiện.
		Về thông tin phục vụ thẩm định, cấp phép thử nghiệm trong khu vực	Theo dự thảo: Khoản 7 Điều 24 được bổ sung quy định hồ sơ đề nghị cấp phép trong khu vực gồm Đơn đề nghị; Sở Khoa học và Công nghệ được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ các nội dung riêng chưa được xác định trong Quyết định và Phương án tổ chức khu vực. Đề nghị bổ sung: bổ sung trong Mẫu số TNCNS01 các thông tin tối thiểu về rủi ro đặc thù của sản phẩm, dịch vụ; biện pháp kiểm soát rủi ro, bảo vệ dữ liệu và quyền lợi người tham gia; đầu mối chịu trách nhiệm, phương án tạm dừng và xử lý sự cố. Làm rõ thời hạn bổ sung, giải trình và cách tính thời hạn giải quyết trong trường hợp cần cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ. Lý do: Các điều kiện chung của khu vực chưa thể bao quát đầy đủ rủi ro riêng của từng sản phẩm, dịch vụ. Việc bổ sung thông tin ngay trong đơn giúp Sở Khoa học và Công nghệ có căn cứ thẩm định, hạn chế yêu cầu giải trình nhiều lần, bảo đảm đơn giản hóa thủ tục gắn với kiểm soát rủi ro và trách nhiệm cấp phép.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung khoản 7 Điều 24 về thành phần hồ sơ riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực; tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ đề nghị cấp phép theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, Mẫu số TNCNS01 đã được sửa đổi, bổ sung các nội dung về kế hoạch thử nghiệm, phương án bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và trách nhiệm bồi thường thiệt hại, làm cơ sở thẩm định đối với từng sản phẩm, dịch vụ. Việc tiếp nhận, yêu cầu hoàn thiện hồ sơ được thực hiện theo trình tự, thủ tục chung tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, không bổ sung thời hạn và thủ tục giải trình riêng đối với hoạt động

				thử nghiệm trong khu vực. Khoản 4 Điều 25 được sửa đổi theo hướng quy định thời hạn thẩm định hồ sơ trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định.
2	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Quảng Ninh	Về Điều 1 dự thảo (sửa đổi Điều 5, Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP)	- Câu dẫn khoản 2 Điều 6 sửa thành "Là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp" trong khi tên Điều 6 và khoản 1 Điều 5 vẫn giữ "nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số". Đề nghị thống nhất cụm từ "tại doanh nghiệp công nghệ số" (hoặc sửa đồng bộ tên Điều 6 và khoản 1 Điều 5 nếu chủ trương mở rộng sang mọi loại hình doanh nghiệp) để tránh cách hiểu khác nhau về phạm vi đối tượng. - Tiêu chí "thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất" tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6 chưa có căn cứ xác định cụ thể. Đề	Tiếp thu - Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP theo hướng thay cụm từ "tham gia trực tiếp hoạt động công nghiệp công nghệ số" bằng "tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số", nhằm bao quát nhân sự tham gia các hoạt động nghiên cứu, phát triển, thiết kế, sản xuất, vận hành, kiểm thử, bảo đảm chất lượng và tổ chức, quản lý, điều hành

			nghị bổ sung quy định hoặc giao Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về tài liệu chứng minh (chứng từ khấu trừ thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân,hợp đồng lao động…) và cơ quan, tổ chức xác nhận đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhân sự, xuất nhập cảnh, thuế và địa phương áp dụng thống nhất. - Khoản 6 Điều 4 (quy định chuyển tiếp) quy định cá nhân đã được xác định "tiếp tục được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí đã được áp dụng trong thời gian hưởng chính sách" là chưa rõ "thời gian hưởng chính sách" được tính đến thời điểm nào. Mặt khác, dự thảo không thay đổi các tiêu chí cụ thể tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6. Đề nghị sửa theo hướng: "Cá nhân đã được hưởng chính sách đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng chính sách đó đến hết thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc theo văn bản, hợp đồng đã ký kết"	hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, phù hợp với đặc thù tổ chức hoạt động của ngành công nghiệp bán dẫn. Đồng thời, dự thảo Nghị định không tiếp tục sửa đổi Điều 5, giữ nguyên quy định hiện hành về các nhóm đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. - Đã chỉnh sửa quy định chuyển tiếp.

		Về Điều 15a (khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát)	- Khoản 1 quy định khu vực thử nghiệm có thể là "không gian số" nhưng đồng thời phải "thuộc địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương". Đề nghị làm rõ tiêu chí gắn không gian số với địa bàn (ví dụ: theo nơi đặt hệ thống thông tin; nơi cư trú của người tham gia thử nghiệm; hoặc phạm vi người sử dụng trên địa bàn) để địa phương có cơ sở xác định thẩm quyền. - Thực tiễn các bài toán UAV, kinh tế tầm thấp, logistics, giao thông thông minh thường có tuyến, hành lang vượt ra ngoài địa giới một tỉnh (tuyến ven biển, tuyến biên giới, hành lang kinh tế liên vùng). Đề nghị bổ sung cơ chế cho phép hai hoặc nhiều địa phương phối hợp xác định khu vực thử nghiệm liên thông (thống nhất Phương án tổ chức khu vực, mỗi địa phương quyết định phần thuộc địa bàn) hoặc giao một địa phương chủ trì theo thỏa thuận.	**Tiếp thu, làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 1 Điều 15a theo hướng xác định khu vực thử nghiệm trong phạm vi địa bàn một tỉnh, không sử dụng các khái niệm "giới hạn kỹ thuật", "không gian số" để tránh cách hiểu khác nhau về phạm vi khu vực và thẩm quyền quản lý; đồng thời chỉnh lý Điều 16a và Điều 18 để bảo đảm thống nhất. Đối với hoạt động thử nghiệm triển khai trên địa bàn nhiều tỉnh, dự thảo Nghị định quy định mỗi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương tại Điều 16. Đối với hoạt động thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực, Điều 15b cho phép tổ chức nhiều hoạt động thử

				nghiệm thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng khu vực; Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
		Về Điều 16 (thẩm quyền)	- Về việc bỏ thẩm quyền cấp phép của bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên: Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với chủ trương phân cấp theo địa bàn. Tuy nhiên, theo phương án này, một doanh nghiệp thử nghiệm cùng một sản phẩm, dịch vụ tại nhiều địa phương phải lập nhiều bộ hồ sơ, được cấp nhiều Quyết định với điều kiện có thể khác nhau, làm tăng chi phí tuân thủ (mâu thuẫn với kết quả đánh giá chi phí tuân thủ trong hồ sơ dự thảo). Đề nghị bổ sung cơ chế: (i) cho phép sử dụng lại kết quả thẩm định, Quyết định cấp phép của địa phương đã cấp phép trước làm căn cứ xem xét tại địa phương khác (thủ tục rút gọn); (ii) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm điều phối, hướng dẫn bảo đảm thống nhất điều kiện cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm liên tỉnh; (iii) giữ lại quy định tại khoản 3 Điều 16 hiện hành về việc báo cáo	**Tiếp thu** - Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát và xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không quy định cụ thể thẩm quyền của Giám đốc Sở

			Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định khi có vướng mắc về thẩm quyền. - Khoản 3 chỉ quy định Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền "cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm", chưa bao gồm thẩm quyền tạm dừng, cho phép tiếp tục thử nghiệm (Điều 19), chứng nhận hoàn thành thử nghiệm (Điều 32), kiểm tra, giám sát (Điều 21, Điều 33). Đề nghị bổ sung theo hướng: "Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quy định tại Nghị định này", đồng thời bảo đảm Giám đốc Sở, cơ quan đầu mối quản lý khu vực được áp dụng cơ chế miễn, loại trừ trách nhiệm theo Điều 22 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. - Dự thảo bỏ khoản 4 Điều 16 hiện hành (thẩm quyền thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu) nhưng chưa có quy định thay thế trong văn bản; nội dung	Khoa học và Công nghệ. Việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm tính chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện. - Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm và xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; đồng thời quy định việc phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định, quản lý, giám sát. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong xử lý các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực theo chức

			“thực hiện theo pháp luật chuyên ngành” mới chỉ được nêu tại Tờ trình. Đề nghị bổ sung một khoản tại Điều 16 với nội dung: “Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực đã có pháp luật chuyên ngành quy định riêng về thử nghiệm có kiểm soát thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó” để bảo đảm rõ ràng khi áp dụng.	năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm. Khoản 5 Điều 16 bổ sung quy định về phân định thẩm quyền cấp phép theo địa bàn và phối hợp giữa các địa phương đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên. Việc quy định trách nhiệm phối hợp theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền đã được pháp luật quy định, tránh chồng chéo và không làm thay đổi thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. **- Về pháp luật chuyên ngành: Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đáp ứng điều kiện tại Điều 15. Việc áp dụng cơ chế này được xem xét trên cơ sở tính chất sản

				phẩm, dịch vụ, phạm vi hoạt động thử nghiệm và các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm không chồng chéo với cơ chế thử nghiệm theo pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định đã được sửa đổi theo hướng cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác một số quy định pháp luật được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép thử nghiệm, trong phạm vi, thời gian, đối tượng và điều kiện thử nghiệm được cấp phép. Theo đó, các yêu cầu pháp lý chuyên ngành được xem xét trong quá trình thẩm định để xác định cơ chế pháp lý áp dụng và các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro tương ứng, không mặc nhiên yêu cầu thực hiện đầy đủ các thủ tục, điều kiện chuyên ngành đã được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác. Về phối hợp thẩm định, khoản 3 và khoản 4 Điều 16

				dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công và trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc lấy ý kiến chuyên môn được thực hiện phù hợp với đặc điểm, mức độ phức tạp và rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm, không bổ sung bước tham vấn bắt buộc áp dụng chung cho mọi trường hợp. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm sự thống nhất với pháp luật chuyên ngành, đồng thời duy trì tính linh hoạt và hiệu quả của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.
		Về Điều 16a (xác định, điều chỉnh, chấm dứt khu vực thử nghiệm)	- Dự thảo chưa quy định trình tự, thời hạn xây dựng, thẩm định Phương án tổ chức khu vực và hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chưa có mẫu Phương án. Đề nghị bổ sung quy định về trình tự (xây dựng, lấy ý kiến, thẩm định, phê	**- Về Phương án tổ chức khu vực: Giải trình** Khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định các nội dung chủ yếu của Phương án tổ chức khu vực thử

			duyệt) và ban hành mẫu đề cương Phương án tổ chức khu vực tại Phụ lục để các địa phương áp dụng thống nhất. - Điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 chỉ quy định điều kiện chung "về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan". Đề nghị bổ sung các điều kiện về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân.	nghiệm công nghệ số có kiểm soát, bao gồm mục tiêu, phạm vi, lĩnh vực thử nghiệm, cơ chế pháp lý áp dụng, yêu cầu bảo đảm an toàn, quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm phối hợp và nguồn lực tổ chức thực hiện. Khoản 2 Điều 16a quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc phê duyệt Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Việc xây dựng, lấy ý kiến, thẩm định và trình phê duyệt Phương án là hoạt động tổ chức thực hiện của cơ quan nhà nước, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn và điều kiện thực tế của địa phương. Do nội dung, quy mô, lĩnh vực và yêu cầu kỹ thuật của từng khu vực thử nghiệm có sự khác biệt, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định một trình tự, thời hạn và

				mẫu Phương án riêng áp dụng thống nhất cho mọi địa phương. Các nội dung bắt buộc tại khoản 1 Điều 16a là cơ sở để địa phương xây dựng, xem xét và phê duyệt Phương án, bảo đảm thống nhất về yêu cầu quản lý và linh hoạt trong tổ chức thực hiện. **- Về điều kiện chung: Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại điểm d khoản 1 Điều 16a theo hướng bổ sung yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn trong khu vực thử nghiệm; điểm đ khoản 1 Điều 16a quy định về cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Đối với các yêu cầu cụ thể về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn tính mạng, sức khỏe, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân,

				việc thực hiện phải bảo đảm phù hợp với pháp luật chuyên ngành và cơ chế pháp lý được phép áp dụng trong phạm vi thử nghiệm theo quy định. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không liệt kê riêng toàn bộ các yêu cầu chuyên ngành tại Điều 16a.
		Về Điều 4 dự thảo (quy định chuyển tiếp)	Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các Quyết định cấp phép thử nghiệm do bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo khoản 2 Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP: cơ quan đã cấp phép tiếp tục thực hiện thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc, chứng nhận hoàn thành và giám sát đối với các hoạt động thử nghiệm này cho đến khi kết thúc, tránh khoảng trống về thẩm quyền sau ngày Nghị định có hiệu lực.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 3, theo đó hồ sơ đề nghị cấp phép và các quyết định liên quan đến hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đã được tiếp nhận, ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực được tiếp tục xử lý, thực hiện theo quy định chuyển tiếp. Cơ quan đã ban hành quyết định tiếp tục xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền và phối hợp với địa phương có liên quan, bảo đảm tính liên tục trong quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm.

3	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh	Khoản 3 Điều 2	Tại Khoản 3 Điều 2, đề nghị bổ sung quy định cơ quan chủ trì lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành đối với nội dung thử nghiệm liên ngành; xác định rõ phạm vi trách nhiệm của cơ quan cấp phép, cơ quan chuyên ngành và tổ chức thử nghiệm; quy định thời hạn, hình thức phản hồi ý kiến. Lý do: Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có thể liên quan nhiều lĩnh vực ngoài phạm vi chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ; nếu thiếu cơ chế phối hợp sẽ khó xác định trách nhiệm khi thẩm định và xử lý sự cố.	**Tiếp thu và làm rõ** Dự thảo Nghị định đã quy định tại Điều 16 về thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; phân công cơ quan chuyên môn tham mưu, thẩm định và tổ chức thực hiện. Khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 quy định việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ; Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ quan đầu mối quản lý, trách nhiệm phối hợp và biện pháp quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố. Tổ chức,

				doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện tại Quyết định cấp phép và quy định pháp luật có liên quan. Do tính chất, phạm vi và lĩnh vực thử nghiệm có sự khác biệt, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không quy định bắt buộc lấy ý kiến và thời hạn, hình thức phản hồi riêng đối với mọi trường hợp thử nghiệm liên ngành, nhằm bảo đảm tính linh hoạt và không phát sinh thêm khâu xử lý hồ sơ.
		Khoản 4 Điều 2	Tại Khoản 4 Điều 2, đề nghị quy định rõ đầu mối lấy ý kiến, thời hạn phản hồi; đề nghị có khung hướng dẫn thống nhất đối với cơ chế pháp lý áp dụng, quản lý giám sát, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro, phân công đầu mối phối hợp. Lý do: Nội dung mới, phức tạp, cần thống nhất phương pháp lập phương án giữa các tỉnh và tránh giao cơ quan chuyên môn	**Tiếp thu và làm rõ** Dự thảo Nghị định đã quy định tại khoản 1 Điều 16a về trách nhiệm của cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công chủ trì xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan. Phương

			chịu trách nhiệm thay lĩnh vực chuyên ngành.	án phải xác định các nội dung về cơ chế pháp lý áp dụng; yêu cầu quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố; cơ quan đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan. Đây là cơ sở thống nhất để các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Phương án phù hợp với đặc thù từng khu vực thử nghiệm. Khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không làm thay đổi trách nhiệm quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Do tính chất và mức độ phức tạp của từng hoạt động thử nghiệm khác nhau, dự thảo không quy định thời hạn phản hồi ý kiến và khung hướng dẫn riêng, nhằm bảo đảm tính linh hoạt, chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện.

4	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu	Tại mục II (Quan điểm xây dựng dự thảo) và Mục IV phần 3. (Nội dung cơ bản của dự thảo)	Đề nghị bổ sung định hướng về cơ chế cho phép các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau khi hoàn thành thử nghiệm an toàn, hiệu quả được áp dụng rộng rãi có điều kiện (thương mại hóa tạm thời) trên thị trường trong thời gian chờ cơ quan nhà nước sửa đổi, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Lý do: Mục tiêu cốt lõi của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) là đưa các giải pháp đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nếu thử nghiệm thành công mà thiếu cơ chế chuyển tiếp áp dụng rộng rãi, sản phẩm buộc phải dừng hoạt động đột ngột để chờ sửa đổi pháp luật, dẫn đến đứt gãy cung ứng dịch vụ và lãng phí nguồn lực đầu tư của xã hội. Việc thể chế hóa định hướng này trong Tờ trình là căn cứ chính trị, pháp lý quan trọng để thiết kế điều khoản cụ thể tại Nghị định.	**Giải trình** Theo Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho phép tổ chức, doanh nghiệp triển khai thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong phạm vi, thời gian, không gian và điều kiện xác định, nhằm đánh giá khả năng áp dụng, tác động và rủi ro, làm cơ sở hoàn thiện quy định pháp luật để triển khai rộng rãi. Theo khoản 5 Điều 13 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và khoản 5 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kết quả thử nghiệm là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét việc tiếp tục thử nghiệm hoặc hoàn thiện pháp luật để áp dụng chính thức. Việc hoàn thành thử nghiệm không đồng nghĩa với việc sản phẩm, dịch vụ đương nhiên được phép thương mại hóa rộng rãi khi

				chưa đáp ứng quy định pháp luật có liên quan. Việc cho phép thương mại hóa tạm thời trong thời gian chờ sửa đổi pháp luật là cơ chế chính sách mới, cần được nghiên cứu, đánh giá tác động và xác định cơ sở pháp lý phù hợp. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung nội dung này trong phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP lần này.
		Tại mục II (Quan điểm xây dựng dự thảo)	Đề nghị bổ sung nội dung: Kết quả thử nghiệm có kiểm soát là nguồn bằng chứng thực tế quan trọng phục vụ hoàn thiện thể chế; việc chủ trì nghiên cứu, đánh giá tác động và lập hồ sơ sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước bằng nguồn lực công. Đồng thời, xác định quan điểm Nhà nước có chính sách ưu đãi tài chính và cơ chế bảo lưu ưu thế thị trường để bảo vệ các doanh nghiệp tiên phong bỏ vốn lớn thử nghiệm. Lý do: Doanh nghiệp đã tự bỏ 100% kinh phí R&D, hạ tầng, trang thiết bị và chịu mọi rủi ro thử nghiệm để tạo dữ liệu cho	**Giải trình** Theo khoản 5 Điều 13 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và khoản 5 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kết quả thử nghiệm có kiểm soát là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét việc tiếp tục thử nghiệm hoặc hoàn thiện quy định pháp luật để áp dụng chính thức. Việc nghiên cứu, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách

			Nhà nước thấy điểm nghẽn mà sửa luật. Việc làm hồ sơ sửa luật thuộc chức năng của bộ máy nhà nước theo Luật Ban hành văn bản QPPL, không thể để doanh nghiệp vừa bỏ tiền thử nghiệm lại vừa phải tự bỏ tiền đi 'xin' sửa luật mà không có cơ chế bù đắp, bảo vệ quyền lợi chính đáng.	nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; không đặt ra nghĩa vụ tổ chức, doanh nghiệp phải tự chi trả kinh phí xây dựng, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật. Đối với đề xuất ưu đãi tài chính và cơ chế bảo lưu ưu thế thị trường cho doanh nghiệp tiên phong, đây là các chính sách mới, cần được nghiên cứu về cơ sở pháp lý, điều kiện áp dụng, nguồn lực thực hiện và đánh giá tác động, bảo đảm phù hợp với pháp luật có liên quan. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung các chính sách này trong phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP lần này.
		Tại Điều 29 (Kết thúc thử nghiệm có kiểm soát)	Đề nghị bổ sung 01 điều mới (Điều 29a) hoặc bổ sung khoản vào quy định rõ: Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau khi có Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm đạt các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, bảo	**Giải trình** Theo khoản 5 Điều 13 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và khoản 5 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới

			vệ dữ liệu và quyền lợi người dùng được cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định cho phép áp dụng rộng rãi có điều kiện (thương mại hóa tạm thời) với thời hạn tối đa không quá 24 tháng trong thời gian chờ sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả thử nghiệm thành công tại một địa phương được thừa nhận làm căn cứ để các địa phương khác cho phép áp dụng mà không bắt buộc thử nghiệm lại từ đầu. Lý do: Thực tế hiện nay, Nghị định 353 chỉ dừng lại ở khâu cấp giấy 'hoàn thành thử nghiệm' là kết thúc. Khi hết hạn giấy phép thử nghiệm, cơ chế miễn trừ pháp lý theo khoản 1 Điều 22 cũng hết hiệu lực. Nếu không có quy định này, sản phẩm rơi ngay vào 'vùng trũng pháp lý': Nếu tiếp tục bán rộng rãi ra thị trường thì vi phạm luật, nếu dừng lại thì tê liệt dịch vụ và lãng phí hàng chục, hàng trăm tỷ đồng đã đầu tư. Quy định này cũng chính là việc hiện thực hóa kinh nghiệm về 'Giấy phép tạm thời' (Temporary License) của Hàn Quốc mà Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu trong Tờ trình.	sáng tạo, kết quả thử nghiệm có kiểm soát là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét việc tiếp tục thử nghiệm hoặc hoàn thiện quy định pháp luật để áp dụng chính thức. Việc hoàn thành thử nghiệm không đồng nghĩa với việc sản phẩm, dịch vụ đương nhiên được phép triển khai, thương mại hóa rộng rãi khi chưa đáp ứng quy định pháp luật có liên quan. Đề xuất cho phép thương mại hóa tạm thời trong thời hạn tối đa 24 tháng là cơ chế chính sách mới, cần được nghiên cứu, đánh giá tác động và xác định cơ sở pháp lý, thẩm quyền, điều kiện áp dụng phù hợp. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung cơ chế này trong phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP lần này. Đối với việc thừa nhận kết quả thử nghiệm giữa các địa phương, kết quả thử nghiệm

				đã hoàn thành có thể được sử dụng làm thông tin, tài liệu tham khảo khi xem xét hồ sơ đề nghị thử nghiệm tại địa phương khác. Tuy nhiên, việc cấp phép vẫn phải căn cứ vào phạm vi, điều kiện và yêu cầu quản lý, kiểm soát rủi ro của hoạt động thử nghiệm tại địa phương tiếp nhận, không đương nhiên được áp dụng rộng rãi hoặc miễn thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định.
		Tại Điều 16 (trách nhiệm cơ quan nhà nước) và Điều 22a (cơ chế pháp lý)	Tại Điều 16: Quy định chậm nhất 06 tháng kể từ khi nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm chứng minh sản phẩm an toàn nhưng vướng luật, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phải chủ trì lập hồ sơ đề nghị sửa đổi văn bản QPPL bằng nguồn ngân sách nhà nước; doanh nghiệp chỉ đóng vai trò cung cấp dữ liệu kiểm thử và chuyên gia phối hợp. - Tại Điều 22a: Bổ sung chính sách bảo vệ doanh nghiệp tiên phong: Được tính 150% chi phí thử nghiệm thực tế vào chi phí hợp lý để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; được hưởng quyền 'Bảo lưu ưu tiên khai thác thương mại' độc quyền từ 12 đến 24	**Giải trình** - Về trách nhiệm hoàn thiện pháp luật sau thử nghiệm: Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất phương án hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm trong trường hợp cần thiết. Việc đề xuất sửa đổi

			tháng tại địa bàn đã thử nghiệm kể từ ngày chính sách mới có hiệu lực. Lý do: Bảo đảm công bằng về chi phí cơ hội và bảo vệ động lực đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp tiên phong là đơn vị trực tiếp gánh chịu chi phí đầu tư thử nghiệm và rủi ro trong quá trình hình thành khung pháp lý mới. Để tránh hiện tượng trục lợi chính sách từ các doanh nghiệp theo sau, cần thiết lập cơ chế đặc quyền hoặc ưu đãi kinh doanh có thời hạn, tạo điều kiện bù đắp rủi ro và hoàn vốn cho nhà đầu tư dẫn dắt trước khi mở rộng thị trường cạnh tranh toàn diện.	văn bản quy phạm pháp luật phải căn cứ vào kết quả thử nghiệm, yêu cầu quản lý và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Vì vậy, đề nghị không bổ sung thời hạn bắt buộc 06 tháng để lập hồ sơ sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật. - Về chính sách ưu đãi thuế: Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế tính chi phí được trừ đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển tối đa không quá 200% chi phí thực tế phát sinh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định. Việc bổ sung chính sách tính 150% chi phí thử nghiệm vào chi phí được trừ cần được xem xét trong tổng thể pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, bảo đảm thống nhất về đối tượng, điều kiện và

				phạm vi áp dụng. Do đó, đề nghị chưa bổ sung chính sách ưu đãi thuế riêng tại dự thảo Nghị định. - Về quyền ưu tiên khai thác thương mại độc quyền: Điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định nguyên tắc bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong đề xuất, đăng ký và thực hiện quyền, trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát. Việc thiết lập quyền khai thác thương mại độc quyền sau thử nghiệm là chính sách mới, cần được nghiên cứu, đánh giá tác động và xác định cơ sở pháp lý phù hợp với pháp luật về cạnh tranh và pháp luật có liên quan. Các chính sách đề xuất nêu trên không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP lần này. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định.

		Đối với các Báo cáo kèm theo	Đối với Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 353: Đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng khó khăn lớn nhất của các đợt thử nghiệm vừa qua tại các địa phương: Đó là tình trạng lúng túng, bế tắc ở giai đoạn sau thử nghiệm (hậu Sandbox) do thiếu cơ chế chuyển tiếp từ thử nghiệm sang áp dụng rộng rãi. Lý do: Báo cáo tổng kết phải phản ánh đúng điểm nghẽn thực tế này thì việc sửa đổi, bổ sung điều khoản cho phép áp dụng rộng rãi vào Nghị định mới bảo đảm tính thực tiễn và thuyết phục.	**Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, thời gian triển khai thực hiện còn ngắn, chưa có đầy đủ số liệu và kết quả thực tiễn để đánh giá tình trạng khó khăn, vướng mắc sau khi hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát tại các địa phương. Báo cáo tổng kết thi hành đã tập trung đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong quy định và tổ chức thực hiện Nghị định trên cơ sở thông tin, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Đối với đề xuất bổ sung cơ chế chuyển tiếp từ thử nghiệm sang áp dụng rộng rãi, khoản 5 Điều 13 và khoản 6 Điều 21 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định việc sử dụng kết quả thử nghiệm làm cơ sở xem xét tiếp tục thử nghiệm và nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện pháp

				luật. Việc cho phép áp dụng rộng rãi khi chưa đáp ứng quy định pháp luật hiện hành là chính sách mới, cần có cơ sở pháp lý và đánh giá tác động phù hợp. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định lần này.
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh		Dự thảo đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, thẩm định, cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tại địa phương. Tuy nhiên, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành một bộ khung hướng dẫn kỹ thuật chuẩn quốc gia cho các công nghệ mới (như AI, UAV, dữ liệu lớn, tự động hóa...), để trên cơ sở đó Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các tiêu chí kỹ thuật trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phù hợp với địa phương; đồng thời, làm giảm áp lực và rủi ro pháp lý cho cán bộ thẩm định cơ sở. - Ngoài ra, rủi ro kỹ thuật phát sinh từ công nghệ mới có thể gây thiệt hại lớn. Do đó, cần bổ sung quy định cụ thể hơn về việc bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự	**Giải trình** - Về hướng dẫn kỹ thuật: Các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, thiết bị bay không người lái, dữ liệu lớn, tự động hóa có đặc điểm kỹ thuật và mức độ rủi ro khác nhau. Yêu cầu kỹ thuật đối với từng sản phẩm, dịch vụ được xác định theo pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Đồng thời, khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định các nội dung của Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, bao gồm điều kiện, cơ chế pháp lý áp dụng, yêu cầu quản lý, giám sát,

			hoặc quỹ dự phòng rủi ro của doanh nghiệp thử nghiệm.	phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với đặc thù từng khu vực. Vì vậy, việc bổ sung quy định về bộ khung kỹ thuật bắt buộc áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực công nghệ tại dự thảo Nghị định là không phù hợp. - Về bảo hiểm trách nhiệm dân sự và quỹ dự phòng rủi ro: Điều 23 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong việc phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP cũng đã quy định các yêu cầu về phương án kiểm soát rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm. Việc mua bảo hiểm bắt buộc thực hiện theo pháp luật về

				kinh doanh bảo hiểm và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Do tính chất, quy mô và mức độ rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm khác nhau, việc quy định bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc lập quỹ dự phòng rủi ro đối với mọi hoạt động thử nghiệm có thể làm phát sinh thêm chi phí và điều kiện thực hiện. Vì vậy, xin giữ quy định tại dự thảo Nghị định.
6	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng	Ý kiến chung	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng thống nhất với sự cần thiết ban hành và các nội dung lớn của dự thảo Nghị định. Việc bổ sung phương thức thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, đẩy mạnh phân cấp cho địa phương và rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ chế khu vực thử nghiệm đáp ứng nhu cầu thực tế của Hải Phòng. Thành phố có cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các huyện đảo và địa bàn mở rộng sau sắp xếp đơn vị hành chính; đây là điều kiện để hình	**(1) Về giới hạn thẩm quyền của địa phương đối với cơ chế pháp lý đặc thù: Giải trình.** Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định hiện hành. Việc áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù phải bảo đảm nguyên tắc, giới hạn và thẩm quyền theo quy định

			thành các khu vực, hành lang thử nghiệm đối với cảng thông minh, logistics số, phương tiện tự hành, phương tiện bay không người lái (UAV) phục vụ vận chuyển ra đảo, giám sát hạ tầng và tìm kiếm cứu nạn. Để bảo đảm tính khả thi khi địa phương tổ chức thực hiện, Sở đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, làm rõ thêm bốn nhóm vấn đề: (1) giới hạn thẩm quyền của địa phương khi xác định cơ chế pháp lý đặc thù thuộc lĩnh vực chuyên ngành của các bộ; (2) cơ chế xử lý hoạt động thử nghiệm có phạm vi liên tỉnh sau khi bãi bỏ thẩm quyền cấp phép ở Trung ương; (3) yêu cầu tối thiểu về an toàn, trách nhiệm bồi thường đối với hồ sơ trong khu vực; (4) quy định chuyển tiếp đối với các quyết định cấp phép do bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành.	của pháp luật. Dự thảo Nghị định đã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16a về việc xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Khoản 1 Điều 22 quy định cơ chế pháp lý đặc thù đối với từng hoạt động thử nghiệm phải được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép. Đồng thời, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. **(2) Về hoạt động thử nghiệm liên tỉnh: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được bổ sung khoản 5 Điều 16, quy định đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương

				xem xét, quyết định cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố; việc cấp phép của từng địa phương không phụ thuộc vào kết quả cấp phép của địa phương khác. Đồng thời, khoản 3 Điều 18 được sửa đổi để làm rõ việc xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm, bảo đảm phù hợp với hoạt động thử nghiệm trên môi trường số và trường hợp hạ tầng kỹ thuật được đặt tại địa phương khác. **(3) Về yêu cầu an toàn và trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Giải trình.** Điều 23 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, khắc

				phục hậu quả và bồi thường thiệt hại trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Dự thảo Nghị định tiếp tục quy định tại Điều 16a về yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Đồng thời, Mẫu số TNCNS01 được sửa đổi, bổ sung các nội dung về kế hoạch thử nghiệm, phương án bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với từng hoạt động thử nghiệm. Vì vậy, đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định. **(4) Về quy định chuyển tiếp: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 3, theo đó hồ sơ đề nghị cấp phép và các quyết

				định liên quan đến hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đã được tiếp nhận, ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực được tiếp tục xử lý, thực hiện theo quy định chuyển tiếp. Cơ quan đã ban hành quyết định tiếp tục xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền và phối hợp với địa phương có liên quan, bảo đảm tính liên tục trong quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm.
		Điều 1	Thống nhất với việc dẫn chiếu khái niệm tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số. Đề nghị sửa câu dẫn khoản 2 Điều 6 thành "Là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp công nghệ số, thuộc một trong các trường hợp sau:" để thống nhất với tên Điều 6 và khoản 1 Điều 5, tránh hiểu là mọi loại doanh nghiệp.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý câu dẫn khoản 2 Điều 6 theo hướng xác định rõ đối tượng là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp công nghệ số, bảo đảm thống nhất với tên Điều 6, khoản 1 Điều 5 và khái niệm tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số.
		Điều 15a, Điều 15b	a) Khoản 1 Điều 15a giới hạn khu vực thử nghiệm "thuộc địa bàn của một tỉnh, thành phố". Thực tiễn các hành lang UAV, tuyến	**a) Tiếp thu, làm rõ** Dự thảo Nghị định tiếp tục quy định khu vực thử nghiệm

			vận tải, tuyến logistics thường đi qua nhiều tỉnh (ví dụ hành lang Hải Phòng - Quảng Ninh - Hưng Yên). Đề nghị bổ sung cơ chế để hai hoặc nhiều Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất xác định khu vực, hành lang thử nghiệm liên tỉnh, trong đó một địa phương làm đầu mối. b) Khoản 1 Điều 15b liệt kê cả hoạt động "nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện". Đề nghị làm rõ chỉ hoạt động có áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù hoặc có tác động đến người tham gia, bên thứ ba mới phải cấp phép; hoạt động nghiên cứu, phát triển nội bộ trong khu vực không cần giấy phép thử nghiệm, tránh phát sinh thêm yêu cầu so với hiện hành.	công nghệ số có kiểm soát thuộc địa bàn một tỉnh, thành phố theo khoản 1 Điều 15a. Đối với hoạt động thử nghiệm triển khai trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, dự thảo đã bổ sung khoản 5 Điều 16, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương xem xét, quyết định cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố. Việc cấp phép của từng địa phương không phụ thuộc vào kết quả cấp phép của địa phương khác. Quy định này nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý theo địa bàn, đồng thời tạo cơ sở phối hợp đối với hoạt động thử nghiệm liên tỉnh. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung cơ chế xác định khu

				vực thử nghiệm liên tỉnh với một địa phương làm đầu mối cấp phép chung. **b) Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý khoản 1 Điều 15b theo hướng chỉ quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm; không tiếp tục liệt kê các hoạt động nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng, đánh giá. Việc chỉnh lý nhằm bảo đảm thống nhất với phạm vi áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, tránh cách hiểu các hoạt động nghiên cứu, phát triển, kiểm thử thông thường cũng phải thực hiện thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. Các hoạt động không thuộc trường hợp áp dụng cơ chế

				thử nghiệm có kiểm soát thực hiện theo pháp luật có liên quan.
		Điều 16	a) Khoản 1 Điều 16 mới chỉ quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép đối với hoạt động ngoài khu vực, chưa quy định thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm. Khoản 3 Điều 16 quy định cho Giám đốc Sở nhưng thiếu thẩm quyền tạm dừng thử nghiệm. Đề nghị bổ sung đầy đủ để hai phương thức có thẩm quyền tương ứng. b) Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cấp phép đối với hoạt động ngoài khu vực có mức độ rủi ro thấp, phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và tạo linh hoạt cho địa phương. c) Việc bỏ khoản 1 Điều 16 hiện hành ("phối hợp với bộ chuyên ngành") và khoản 3 (báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi vướng mắc về thẩm quyền) làm mất kênh xử lý khi phát sinh tranh chấp thẩm quyền hoặc sản phẩm thuộc lĩnh vực có pháp luật chuyên ngành riêng. Đề nghị giữ lại quy định: trường hợp có vướng mắc về thẩm	**a) Về thẩm quyền cấp phép và các quyết định liên quan: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 1 Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, tiếp tục, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, bao gồm cả hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực thử nghiệm. Khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định

			quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trao đổi với Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ quản lý ngành; trường hợp không thống nhất thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. d) Đối với hoạt động liên tỉnh, dự thảo giao từng tỉnh cấp phép riêng phần trên địa bàn. Đề nghị bổ sung nguyên tắc: Ủy ban nhân dân tỉnh nơi cấp phép sau được sử dụng kết quả thẩm định của tỉnh đã cấp phép trước; tổ chức, doanh nghiệp không phải nộp lại các tài liệu đã nộp. Nếu không, doanh nghiệp phải lặp lại toàn bộ hồ sơ ở nhiều tỉnh, chi phí tuân thủ có thể tăng so với cơ chế hiện hành.	của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. **b) Về ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ: Giải trình.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát, không phân biệt hoạt động thử nghiệm trong hay ngoài khu vực. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng về ủy

				quyền cấp phép cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại dự thảo Nghị định. **c) Về phối hợp với bộ quản lý chuyên ngành và xử lý vướng mắc về thẩm quyền: Giải trình.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý các vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm. Đối với các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền hoặc có ý kiến khác nhau giữa các cơ

				quan, việc xem xét, giải quyết thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức Chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định riêng cơ chế báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại dự thảo Nghị định. **d) Về sử dụng kết quả thẩm định giữa các địa phương và thành phần hồ sơ: Tiếp thu, làm rõ.** Dự thảo Nghị định đã bổ sung khoản 5 Điều 16, quy định đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương xem xét, quyết định cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố. Việc cấp phép của từng địa phương không

				phụ thuộc vào kết quả cấp phép của địa phương khác. Quy định này tạo cơ sở để các địa phương tham khảo, sử dụng kết quả thẩm định đã có trong quá trình xem xét hồ sơ, hạn chế việc đánh giá trùng lặp. Tuy nhiên, mỗi địa phương vẫn phải xem xét điều kiện, phạm vi và rủi ro của hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Vì vậy, hồ sơ đề nghị cấp phép tại từng địa phương thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; dự thảo không bổ sung quy định miễn nộp lại tài liệu đã nộp tại địa phương khác.
		Điều 16a	a) Phối hợp với bộ quản lý ngành: điểm c khoản 1 cho phép Phương án xác định "quy định được phép không áp dụng, được áp dụng khác". Nhiều quy định liên quan (hàng không dân dụng, quản lý vùng trời, tần số vô tuyến điện, hàng hải, quốc phòng, an ninh) thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành Trung ương; địa phương khó tự đánh giá đầy đủ. Đề nghị bổ sung: khi Phương án có nội dung không áp dụng	**a) Về trách nhiệm phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ: Giải trình.** Dự thảo Nghị định đã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16a về việc xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn áp dụng và biện

			hoặc áp dụng khác quy định thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến bộ, cơ quan đó; thời hạn trả lời 10 ngày làm việc, quá thời hạn không có ý kiến thì coi như đồng ý. Cách này không biến việc phối hợp thành thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp nhưng bảo đảm tính hợp pháp của cơ chế đặc thù. b) Điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 chỉ nêu điều kiện chung về "bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân". Đề nghị bổ sung yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an toàn tính mạng, sức khỏe, an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. c) Khoản 2 (nội dung Quyết định) chưa có thời hạn hoạt động của khu vực; Mẫu số TNCNS12 ghi khu vực chấm dứt theo quyết định của Chủ tịch. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo yêu cầu thử nghiệm có giới hạn về thời gian. Đề nghị quy định thời hạn hoạt động của khu vực (hoặc thời hạn áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù) và việc gia hạn gắn với kết quả rà soát hằng năm tại khoản 6. d) Điểm c khoản 4 đề nghị sửa thành "có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội,	pháp kiểm soát rủi ro tương ứng trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Việc áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù phải bảo đảm nguyên tắc, giới hạn và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do tính chất, phạm vi và lĩnh vực thử nghiệm khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định bắt buộc lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ đối với mọi Phương án có nội dung liên quan đến pháp luật chuyên ngành; không bổ sung thời hạn phản hồi 10 ngày làm việc và cơ chế mặc nhiên đồng ý khi quá thời hạn, nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

			môi trường…” để tiêu chí chấm dứt rõ ràng, tương xứng. Điểm d khoản 4 (“theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”) đề nghị nêu rõ cơ quan nào và vì lý do gì. đ) Đề nghị bổ sung chế độ thông tin, báo cáo: trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt khu vực, Sở gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ quản lý ngành liên quan, đồng thời cập nhật lên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số. Đây là cơ sở để Trung ương hậu kiểm, theo đúng định hướng của Kết luận số 18-KL/TW. e) Đề nghị bổ sung vai trò đơn vị vận hành khu vực (đơn vị sự nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghệ cao hoặc doanh nghiệp được giao, đặt hàng) để quản lý hạ tầng dùng chung như trung tâm thử nghiệm, vùng bay, trạm giám sát; đồng thời làm rõ cơ chế phối hợp khi khu vực nằm trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, cảng hàng không.	và yêu cầu phân cấp cho địa phương. **b) Về yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Tiếp thu, làm rõ.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại điểm d khoản 1 Điều 16a theo hướng bổ sung yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn trong khu vực thử nghiệm; điểm đ khoản 1 Điều 16a quy định về cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Đối với các yêu cầu cụ thể về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn tính mạng, sức khỏe, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, việc thực hiện phải bảo đảm phù hợp với pháp luật chuyên ngành và cơ chế pháp lý được phép áp dụng trong phạm vi thử nghiệm theo quy định. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không liệt kê riêng

				toàn bộ các yêu cầu chuyên ngành tại Điều 16a. **c) Về thời hạn hoạt động của khu vực thử nghiệm: Giải trình.** Cần phân biệt thời hạn tồn tại của khu vực thử nghiệm với thời hạn thực hiện từng hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Khu vực thử nghiệm được xác định để tổ chức nhiều hoạt động thử nghiệm khác nhau; từng hoạt động phải được cấp phép và tuân thủ giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng và điều kiện thử nghiệm theo quy định. Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định thời gian thử nghiệm không quá 03 năm và được gia hạn tối đa 01 lần với thời gian không quá 03 năm. Đồng thời, khoản 1 Điều 22 được sửa đổi quy định việc áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù phải được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép thử

				nghiệm trong giới hạn tương ứng với từng hoạt động được cấp phép. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định thời hạn hoạt động chung của khu vực thử nghiệm tại Điều 16a, bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức các hoạt động thử nghiệm và tuân thủ nguyên tắc thử nghiệm có giới hạn về thời gian theo quy định của pháp luật. **d) Về căn cứ và thẩm quyền chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm: Tiếp thu, làm rõ.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không quy định riêng các trường hợp chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm tại Điều 16a. Khoản 2 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; phê duyệt, điều chỉnh Phương án tổ chức khu

				vực và thực hiện trách nhiệm quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động thử nghiệm trên địa bàn. Phương án tổ chức khu vực theo khoản 1 Điều 16a phải xác định các điều kiện về an ninh, an toàn, bảo vệ môi trường, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Đây là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoặc chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý. **đ) Về chế độ thông tin, báo cáo: Giải trình.** Điều 34 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Dự thảo Nghị định tiếp tục giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trách nhiệm quản lý,

				giám sát hoạt động thử nghiệm và khu vực thử nghiệm trên địa bàn theo Điều 16. Đối với đề xuất quy định thời hạn 05 ngày làm việc để gửi Quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt khu vực thử nghiệm và cập nhật lên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung thủ tục báo cáo riêng tại dự thảo Nghị định; việc cung cấp, cập nhật thông tin thực hiện theo quy định hiện hành và pháp luật có liên quan. **e) Về đơn vị vận hành khu vực thử nghiệm: Giải trình.** Điểm e khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban

				nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm. Việc tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng phục vụ thử nghiệm và phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, cảng hàng không được xác định phù hợp với điều kiện thực tế, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức liên quan và pháp luật chuyên ngành. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định riêng mô hình đơn vị vận hành khu vực thử nghiệm tại dự thảo Nghị định, bảo đảm tính chủ động của địa phương và không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước, cấp phép thử nghiệm theo Điều 16.
		Điều 17a	a) Khoản 4 đề nghị bổ sung nguyên tắc tiêu chí ưu tiên phải công khai trước khi tiếp	**a) Giải trình**

			nhận hồ sơ và không được phân biệt đối xử theo loại hình sở hữu, quy mô doanh nghiệp, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng. b) Đề nghị bổ sung: trường hợp khu vực bị điều chỉnh hoặc chấm dứt, Quyết định cấp phép trong khu vực được điều chỉnh hoặc hết hiệu lực tương ứng theo phương án xử lý tại khoản 3, khoản 5 Điều 16a.	Dự thảo Nghị định quy định tại điểm h khoản 1 Điều 16a về tiêu chí, thứ tự ưu tiên xem xét cấp phép trong trường hợp số lượng hồ sơ đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm. Khoản 3 Điều 17a quy định việc lựa chọn theo thứ tự ưu tiên được công khai trong Phương án tổ chức khu vực; trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Dự thảo không quy định một bộ tiêu chí định lượng cứng áp dụng thống nhất cho mọi khu vực, nhằm bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu, đặc thù và điều kiện thực tế của từng khu vực thử nghiệm; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng trong xem xét cấp phép. **b) Tiếp thu**

				Dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm trường hợp chuyển tiếp tại Điều 17a.
		Khoản 7 Điều 24 và khoản 8 Điều 25	a) Hồ sơ trong khu vực chỉ gồm Đơn, không có kế hoạch thử nghiệm và phương án an toàn riêng của sản phẩm. Phương án tổ chức khu vực chỉ xác định điều kiện chung, không thay thế được biện pháp an toàn, phương án bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của từng sản phẩm. Đề nghị bổ sung vào Mẫu số TNCNS01 một mục rút gọn về kế hoạch thử nghiệm và phương án bảo đảm an toàn, bồi thường thiệt hại riêng của sản phẩm; đối với lĩnh vực rủi ro cao (UAV, phương tiện tự hành) yêu cầu bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. b) Điểm b khoản 7 Điều 24 cho phép Sở yêu cầu bổ sung "trường hợp cần thiết". Đề nghị quy định việc yêu cầu làm rõ chỉ thực hiện một lần, bằng văn bản, nêu rõ nội dung, và thời gian doanh nghiệp bổ sung không tính vào thời hạn giải quyết; tránh yêu cầu nhiều lần, làm mất ý nghĩa rút gọn. c) Điểm d khoản 8 Điều 25 quy định thời hạn 25 ngày làm việc. Do các nội dung chung đã được thẩm định ở cấp khu vực và hồ sơ chỉ có Đơn, đề nghị rút xuống không	**a) Về hồ sơ thử nghiệm trong khu vực và yêu cầu bảo đảm an toàn: Tiếp thu, làm rõ.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung khoản 7 Điều 24 về thành phần hồ sơ riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực; thống nhất áp dụng quy định về hồ sơ tại Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đối với hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực. Đồng thời, Mẫu số TNCNS01 đã được sửa đổi, bổ sung các nội dung về kế hoạch thử nghiệm, phương án bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và bồi thường thiệt hại, làm cơ sở đánh giá đối với từng sản phẩm, dịch vụ. Các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực

			quá 15 ngày làm việc để thể hiện rõ tính rút gọn so với thủ tục ngoài khu vực. Đồng thời, Tờ trình cần so sánh cụ thể thời hạn này với tổng thời hạn của quy trình chung tại Điều 25. d) Đề nghị làm rõ việc thẩm định trong khu vực có cần lấy ý kiến hội đồng, chuyên gia hay không, để Sở chủ động bố trí nguồn lực.	không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 25. Đối với yêu cầu bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự, việc áp dụng thực hiện theo pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Do tính chất và mức độ rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung yêu cầu bắt buộc mua bảo hiểm đối với tất cả hoạt động thử nghiệm thuộc một số lĩnh vực công nghệ tại dự thảo Nghị định. **b) Về yêu cầu bổ sung, làm rõ hồ sơ: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung khoản 7 Điều 24 về thủ tục và thành phần hồ sơ riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, đồng thời không quy định riêng việc Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức, doanh

				nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung trong trường hợp cần thiết. Việc tiếp nhận, yêu cầu hoàn thiện hồ sơ được thực hiện theo trình tự, thủ tục chung tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Thời hạn thẩm định hồ sơ trong khu vực được quy định tại khoản 4 Điều 25 là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. **c) Về thời hạn thẩm định hồ sơ trong khu vực: Tiếp thu, làm rõ.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 4 Điều 25 theo hướng rút ngắn thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực từ 25 ngày xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; đối với hoạt động thử nghiệm ngoài khu vực, thời hạn thẩm định là 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

				Mặc dù các điều kiện chung đã được đánh giá khi xác định khu vực thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền vẫn phải thẩm định những nội dung đặc thù của từng sản phẩm, dịch vụ, nhất là yêu cầu về an toàn, kiểm soát rủi ro và sự phù hợp với Phương án tổ chức khu vực. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ thời hạn 20 ngày làm việc để bảo đảm yêu cầu thẩm định và phối hợp với các cơ quan liên quan. Nội dung so sánh, thuyết minh thời hạn được thể hiện tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. **d) Về việc thành lập hội đồng thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia: Giải trình.** Việc thẩm định hồ sơ thử nghiệm trong khu vực thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. Theo đó, các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu

				vực không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Dự thảo không bổ sung quy định bắt buộc phải thành lập hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến chuyên gia riêng đối với mọi hồ sơ thử nghiệm trong khu vực. Việc tổ chức thẩm định, phối hợp với các cơ quan có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 25, phù hợp với tính chất, nội dung và yêu cầu đánh giá từng hoạt động thử nghiệm. Những điểm cần lưu ý khi chốt 1. Điểm a: Cần khẳng định rõ Mẫu TNCNS01 đã được sửa đổi, bổ sung nội dung về kế hoạch thử nghiệm, an toàn và bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, không nên ghi "các nội dung chung không phải lập

				lại" nếu quy định mới chỉ miễn thẩm định lại, không miễn kê khai hoặc cung cấp tài liệu trong hồ sơ. 2. Điểm b: Vì dự thảo đã bỏ khoản 7 Điều 24, không cần giải trình về việc giới hạn yêu cầu bổ sung tài liệu một lần hoặc thời gian bổ sung hồ sơ theo cơ chế đã bị loại bỏ. 3. Điểm c: Cần phân biệt chính xác 20 ngày làm việc đối với thẩm định trong khu vực và 60 ngày đối với thẩm định ngoài khu vực. Không nên viết 20 ngày làm việc là toàn bộ thời gian từ lúc nộp hồ sơ đến khi nhận quyết định nếu chưa đối chiếu đầy đủ các bước tại Điều 25. 4. Điểm d: Không nên khẳng định dự thảo đã bổ sung quyền lấy ý kiến chuyên gia riêng đối với hồ sơ trong khu vực. Chỉ cần giải trình việc thẩm định thực hiện theo quy định chung tại Điều 25 và phối hợp với cơ quan có liên quan.

				Đề nghị sử dụng phương án trên để bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị định mới nhất, đồng thời giải trình đầy đủ các kiến nghị của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.
		Điều 4	a) Dự thảo bãi bỏ thẩm quyền cấp phép của bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với hoạt động liên tỉnh, nhưng khoản 2 Điều 4 chưa xác định cơ quan giải quyết gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc đối với các quyết định cấp phép do các cơ quan này đã ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực. Đề nghị bổ sung: các thủ tục này tiếp tục do cơ quan đã cấp phép giải quyết cho đến khi hết thời hạn thử nghiệm, hoặc chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi triển khai. b) Khoản 6 Điều 4: do Điều 1 không thay đổi các tiêu chí cụ thể, đề nghị rà soát sự cần thiết; nếu giữ, đề nghị viết gọn: "Cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hưởng chính sách cho đến khi hết thời gian hưởng theo quy định".	**a) Về xử lý các quyết định cấp phép thử nghiệm đã ban hành: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý, bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 3, theo đó các hồ sơ, quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát được tiếp nhận, ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được xử lý, thực hiện theo quy định chuyển tiếp. Cơ quan đã ban hành quyết định cấp phép tiếp tục giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến quyết định đã ban hành theo thẩm quyền và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi triển khai hoạt động thử nghiệm, bảo đảm tính liên tục trong quản

				lý, giám sát và thực hiện hoạt động thử nghiệm. **b) Về quy định chuyển tiếp đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được rà soát, chỉnh lý quy định chuyển tiếp theo hướng bảo đảm quyền lợi của cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao trước ngày Nghị định có hiệu lực, tiếp tục được hưởng chính sách trong thời gian hưởng theo quy định; đồng thời bảo đảm thống nhất với nội dung sửa đổi tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.
		Về kỹ thuật soạn thảo	Đề nghị thống nhất cách gọi "Sở Khoa học và Công nghệ" trong toàn văn (dự thảo dùng "tỉnh/thành phố", Bản so sánh dùng "cấp tỉnh"); thống nhất "khu vực thử nghiệm" thay cho "khu" tại Mẫu số TNCNS01, TNCNS02; bổ sung dấu hai	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền quyết định cấp phép thử nghiệm và

			chấm và cụm "như sau:" sau tiêu đề khoản 6 Điều 2 dự thảo; viết "01 tháng 3 năm 2027" thay cho "01 tháng 03 năm 2027" tại Điều 3.	xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định, quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao, không quy định cụ thể tên Sở Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý thống nhất thuật ngữ "khu vực thử nghiệm" trong các biểu mẫu TNCNS01, TNCNS02 và các lỗi kỹ thuật trình bày, cách diễn đạt trong dự thảo Nghị định và tài liệu kèm theo.
		Phụ lục	1. Mẫu số TNCNS01: tại mục 4, đối với trường hợp thử nghiệm trong khu vực, đề nghị thay dòng "Cơ chế pháp lý áp dụng" bằng "Nội dung cơ chế pháp lý của khu vực đề nghị được áp dụng", vì cơ chế pháp lý đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực, doanh nghiệp chỉ cần chỉ rõ nội dung liên quan. Ghi đầy đủ "Quyết định xác định khu vực số…, ngày…" thay cho "Quyết định xác định khu". Bổ sung	**1. Đối với Mẫu số TNCNS01: Tiếp thu.** Mẫu số TNCNS01 đã được chỉnh lý theo hướng phân biệt trường hợp thử nghiệm trong và ngoài khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; bổ sung thông tin về tên khu vực, Quyết định xác định khu vực thử nghiệm và ngành,

			mục rút gọn về kế hoạch thử nghiệm, phương án an toàn và bồi thường thiệt hại như ý kiến tại điểm a mục 7 phần II. 2. Mẫu số TNCNS02: tại Điều 2, đề nghị bổ sung trường hợp hết hiệu lực khi khu vực thử nghiệm bị chấm dứt hoặc điều chỉnh theo Điều 16a, hoặc khi bị tạm dừng, kết thúc trước thời hạn. Bổ sung tại Quyết định nội dung nghĩa vụ báo cáo định kỳ và biện pháp an toàn riêng mà tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện. 3. Mẫu số TNCNS12: đề nghị bổ sung mục "Thời hạn hoạt động của khu vực" (theo ý kiến tại điểm c mục 4 phần II), mục "Đơn vị vận hành hạ tầng khu vực (nếu có)" và phần "Nơi nhận" có Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý ngành liên quan. Tại khoản 1 Điều 2, cụm "Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung" đề nghị viết thành "Nghị định số 353/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số …/2026/NĐ-CP". Khoản 4 Điều 3 (hiệu lực) đề nghị chuyển thành một điều riêng, phù hợp thể thức quyết định cá biệt.	lĩnh vực thử nghiệm. Nội dung đề xuất các quy định được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác được xác định riêng đối với trường hợp thử nghiệm ngoài khu vực. Đồng thời, Mẫu số TNCNS01 quy định hồ sơ kèm theo gồm kế hoạch thử nghiệm, báo cáo đánh giá tác động, phương án bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả đối với từng sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về thành phần hồ sơ theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, không bổ sung thành phần hồ sơ riêng đối với trường hợp thử nghiệm trong khu vực. **2. Đối với Mẫu số TNCNS02: Giải trình.** Mẫu số TNCNS02 đã quy định cụ thể thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm và cơ chế pháp lý áp dụng đối với từng hoạt động

				thử nghiệm; trong đó, đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, Quyết định cấp phép xác định cơ chế pháp lý đặc thù, giới hạn áp dụng, điều kiện và biện pháp quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro tương ứng. Điều 2 Mẫu số TNCNS02 quy định Quyết định cấp phép hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm. Việc điều chỉnh, tạm dừng, tiếp tục hoặc kết thúc hoạt động thử nghiệm trước thời hạn được xem xét, quyết định theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định Quyết định cấp phép đương nhiên hết hiệu lực khi khu vực thử nghiệm bị điều chỉnh hoặc chấm dứt hoạt động. **3. Đối với Mẫu số TNCNS12: Tiếp thu, làm rõ.**

				Mẫu số TNCNS12 đã quy định thời điểm bắt đầu hoạt động, phạm vi, điều kiện chung, cơ chế pháp lý áp dụng và cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý khu vực thử nghiệm. Việc chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định; không quy định thời hạn hoạt động cố định của khu vực. Thời hạn và giới hạn áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù đối với từng hoạt động thử nghiệm được xác định tại Quyết định cấp phép theo quy định. Đối với đơn vị vận hành hạ tầng, điểm e khoản 1 Điều 16a đã quy định việc xác định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Việc tổ chức vận hành hạ tầng được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và pháp luật có liên quan, không quy định riêng

				mô hình đơn vị vận hành tại Mẫu số TNCNS12. Đối với các kiến nghị về nơi nhận, cách viện dẫn văn bản và bố cục Quyết định, cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận để tiếp tục rà soát, hoàn thiện Mẫu số TNCNS12, bảo đảm thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và quy định về thể thức văn bản.
		Tờ trình và báo cáo	1. Tờ trình, điểm c mục 3.3 phần IV chỉ nêu "duy trì 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh", chưa nêu việc bãi bỏ 04 thủ tục cấp Trung ương (mã 1.014916 đến 1.014919) như Bản đánh giá thủ tục hành chính. Đề nghị bổ sung để thống nhất giữa các tài liệu và thể hiện đầy đủ kết quả cắt giảm. 2. Tờ trình, điểm c mục 1.2 phần I trích dẫn Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không lập luận việc áp dụng. Đề nghị làm rõ dự thảo được xây dựng theo trình tự thông thường hay rút gọn; nếu không áp dụng thì bỏ nội dung trích dẫn này. 3. Tờ trình trích khoản 6 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (xử lý vấn đề phát sinh khác với luật, báo	**Tiếp thu** 1. Về thủ tục hành chính: Dự thảo Tờ trình Chính phủ đã được chỉnh lý tại Mục IV.4, làm rõ việc phân cấp 04 thủ tục hành chính từ cấp trung ương về cấp tỉnh theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; đồng thời thuyết minh việc hoàn thiện thẩm quyền, trình tự, thời hạn giải quyết và không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, doanh nghiệp. 2. Về trình tự, thủ tục xây dựng Nghị định: Dự thảo Tờ trình đã được rà soát, chỉnh lý cơ sở pháp lý về việc ban

			cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Đề nghị làm rõ dự thảo có sử dụng cơ sở này hay không; nếu có, nêu cụ thể nội dung khác với luật và phương án báo cáo theo quy định. 4. Báo cáo tổng kết thi hành mới mô tả định tính. Đề nghị bổ sung số liệu: số hồ sơ đã tiếp nhận, số quyết định cấp phép, số địa phương đã cấp phép, thời gian giải quyết thực tế, số hồ sơ liên tỉnh do bộ, cơ quan ngang bộ giải quyết. Số liệu này là cơ sở để chứng minh sự cần thiết của việc bãi bỏ thẩm quyền Trung ương và rút ngắn thời hạn. 5. Biểu mẫu đánh giá tác động (Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ-SĐBS) chưa lượng hóa chi phí tuân thủ trước và sau sửa đổi trong phần đánh giá; đề nghị tổng hợp kết quả tính chi phí tại Phụ lục 5.1 vào Tờ trình và Bản đánh giá để thấy rõ mức cắt giảm. 6. Chú thích số 3 tại trang 11 Tờ trình có đường dẫn chứa tham số "utm_source=chatgpt.com"; đề nghị chỉnh sửa, chỉ giữ đường dẫn gốc tới văn bản pháp luật của Hàn Quốc.	hành Nghị định sửa đổi, bổ sung theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; không tiếp tục viện dẫn Điều 50 về trình tự, thủ tục rút gọn khi chưa xác định việc áp dụng trình tự này. 3. Về khoản 6 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Dự thảo Tờ trình đã làm rõ cơ sở pháp lý của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và việc áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện xác định. Việc không áp dụng hoặc áp dụng khác quy định pháp luật phải bảo đảm nguyên tắc, giới hạn và thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Về số liệu tổng kết thi hành: Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, thời gian triển khai thực hiện còn ngắn, chưa có đầy đủ số liệu về kết quả giải quyết hồ sơ, cấp

				phép thử nghiệm tại các địa phương và hoạt động thử nghiệm liên tỉnh. Báo cáo tổng kết thi hành đã tập trung đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quy định và tổ chức thực hiện trên cơ sở thông tin, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. 5. Về đánh giá chi phí tuân thủ: Dự thảo Tờ trình đã được bổ sung nội dung thuyết minh về phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời hạn thẩm định hồ sơ và hạn chế thẩm định trùng lặp đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Việc đánh giá chi phí tuân thủ được thực hiện tại Bản đánh giá thủ tục hành chính và các phụ lục tính toán kèm theo theo quy định. 6. Về nguồn tài liệu tham khảo: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý cách viện dẫn và đường dẫn tài liệu tham khảo về kinh

				nghiệm quốc tế tại dự thảo Tờ trình, bảo đảm sử dụng nguồn tài liệu gốc và thống nhất về hình thức trình bày.
7	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng		1. Về cơ chế pháp lý trong thử nghiệm có kiểm soát Dự thảo đã sửa đổi khoản 1 Điều 22, bổ sung Điều 16a và Điều 22a, làm rõ cơ chế miễn trừ pháp lý quy định tại Điều 13 và Điều 22 của Nghị định số353/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các nội dung sau: - Đối với các công nghệ có tính liên ngành, liên lĩnh vực như phương tiện không người lái, cần quy định cụ thể cơ chế phối hợp, lấy ý kiến hoặc thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi quyết định áp dụng cơ chế pháp lý nêu trên đối với các điều kiện, tiêu chuẩn chuyên ngành. - Bổ sung từ "khác" sau cụm từ "được phép áp dụng" tại khoản 2 Điều 22a để thống nhất với khoản 1 Điều 22 và phần thuyết minh Điều 22a.	**Tiếp thu, làm rõ** - Về cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành: Dự thảo Nghị định đã quy định tại khoản 4 Điều 16 về trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đồng thời, điểm c khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao,

				không bổ sung thủ tục bắt buộc lấy ý kiến hoặc thống nhất riêng với cơ quan quản lý chuyên ngành đối với mọi hoạt động thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực. - Về thống nhất thuật ngữ: Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a; đồng thời thống nhất sử dụng cụm từ "được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác" tại điểm c khoản 1 Điều 16a và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, bảo đảm thống nhất về thuật ngữ và cách hiểu khi áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.
			2. Bổ sung quy định cụ thể, thống nhất về phạm vi, đối tượng, tiêu chí, mức ưu đãi và phương thức áp dụng đối với ưu đãi thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP vào dự thảo Nghị định bổ sung, sửa đổi. Hiện nay, hoạt động thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ sử dụng vốn ngân sách nhà	**Giải trình** Điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định việc ưu đãi thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 31 Luật Công nghiệp công nghệ số. Theo khoản 1 Điều 31 Luật

			nước phải được tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan về đấu thầu, ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng sản phẩm, dịch vụ. Trong đó, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành là cơ sở pháp lý chủ yếu để tổ chức lựa chọn nhà thầu, bảo đảm các nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và tuân thủ quy định của pháp luật. Do đó, nội dung về "ưu đãi thuê, mua sắm" cần được quy định cụ thể, thống nhất về phạm vi, đối tượng, tiêu chí, mức ưu đãi và phương thức áp dụng nhằm tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình xây dựng hồ sơ, tổ chức lựa chọn nhà thầu và quyết định phương thức thuê, mua sắm; bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hạn chế rủi ro trong quá trình thẩm định, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.	Công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo pháp luật về đấu thầu. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 34/2025/TT-BKHCN ngày 15/11/2025 quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong đó quy định phạm vi, đối tượng áp dụng và tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ được hưởng ưu đãi. Mức ưu đãi và phương thức áp dụng thực hiện theo Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Như vậy, các nội dung kiến

				nghị đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng tại dự thảo Nghị định, tránh trùng lặp và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
8	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi		Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số"; tuy nhiên, tại tên Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị định trình bày "Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao", "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số" là chưa đảm bảo tính thống nhất giữa tên gọi của dự thảo Nghị định với tên gọi tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị định. Đồng thời, cùng nội dung về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP nhưng lại trình bày tại 02 Điều là không phù hợp.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng thống nhất quy định toàn bộ nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP tại Điều 1, bao gồm các quy định về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; không chia thành hai điều riêng theo từng nhóm nội dung như dự thảo trước đây, bảo đảm thống nhất với tên gọi của Nghị định và phù hợp với kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

			Tại khoản 6 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng năm rà soát sự cần thiết duy trì khu vực thử nghiệm, mức độ đáp ứng mục tiêu, phạm vi, yêu cầu tổ chức, vận hành, quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm để quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt khu vực thử nghiệm" là chưa thống nhất với tên gọi của Điều 16a "Xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát". Tại khoản 5 Điều 17a dự thảo Nghị định quy định "Việc gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thực hiện theo quy định tại các Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định này"; tuy nhiên, khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi tại dự thảo Nghị định.	**1. Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng chuyển nội dung về chỉ đạo rà soát, đánh giá hằng năm hoạt động của khu vực thử nghiệm sang khoản 2 Điều 16, thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, Điều 16a được chỉnh lý, tập trung quy định về việc xây dựng, phê duyệt Phương án tổ chức khu vực và quyết định xác định khu vực thử nghiệm, bảo đảm thống nhất về nội dung và bố cục quy định. **2. Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 4 Điều 17a, quy định việc gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm trong khu vực thực hiện theo các Điều 26, 27, 28, 29, 30 và 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định đã sửa đổi thời hạn giải quyết tại khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 và khoản

				2 Điều 31. Các quy định được dẫn chiếu tại khoản 4 Điều 17a được áp dụng theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện.
9	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng	khoản 1, Điều 22a	Quy định rõ giới hạn thẩm quyền; nội dung vượt thẩm quyền của địa phương thực hiện theo khoản 6, Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo cáo cấp có thẩm quyền); + Bổ sung danh mục không được loại trừ (quốc phòng, an ninh, an toàn hàng không/hoạt động bay, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng); + Sửa khoản 1, Điều 22a theo hướng chỉ áp dụng trong phạm vi các quy định được liệt kê cụ thể tại Quyết định xác định khu vực.	**Tiếp thu, làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại điểm c khoản 1 Điều 16a, quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Việc xác định cơ chế pháp lý đặc thù phải bảo đảm nguyên tắc, giới hạn và thẩm quyền theo Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số, Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan; trường hợp vượt thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

				Đối với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an toàn hoạt động bay, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tính mạng, sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, khoản 1 Điều 16a đã quy định các điều kiện chung về bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và biện pháp kiểm soát rủi ro. Các yêu cầu cụ thể được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành có liên quan và cơ chế pháp lý được phép áp dụng trong phạm vi thử nghiệm. Vì vậy, không bổ sung danh mục loại trừ riêng tại dự thảo Nghị định. Đồng thời, dự thảo đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a. Theo khoản 1 Điều 22 được sửa đổi, cơ chế pháp lý đặc thù phải được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý áp dụng trong khu

				vực (nếu có). Việc xác định khu vực thử nghiệm không làm phát sinh quyền tự động áp dụng cơ chế pháp lý đặc thù đối với các tổ chức, doanh nghiệp trong khu vực.
		Điều 15a	Đối với thử nghiệm liên tỉnh, việc bỏ cơ chế cấp phép chung ở Trung ương làm doanh nghiệp phải nộp hồ sơ riêng tại từng tỉnh, có thể làm tăng chi phí tuân thủ, trái với mục tiêu cắt giảm thủ tục. Đề nghị bổ sung: + Tiêu chí xác định tỉnh có thẩm quyền đối với không gian số; + Cơ chế tỉnh đầu mối hoặc công nhận lẫn nhau giữa các địa phương, cơ chế xử lý khi các tỉnh có quyết định khác nhau.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 3 Điều 18 theo hướng xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng; địa điểm đặt hạ tầng kỹ thuật hoặc vận hành hệ thống tại địa phương khác không phải là căn cứ duy nhất để xác định thẩm quyền cấp phép. Đồng thời, Quyết định cấp phép phải xác định cụ thể phạm vi, đối tượng thử nghiệm và biện pháp kỹ thuật, tổ chức nhằm bảo đảm khả năng quản lý, giám sát và kiểm soát hoạt động ngoài phạm vi được cấp phép. Đối với hoạt động thử

				nghiệm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương xem xét, quyết định cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố; việc cấp phép của từng địa phương không phụ thuộc vào kết quả cấp phép của địa phương khác. Việc phân định thẩm quyền theo địa bàn nhằm xác định rõ trách nhiệm quản lý của từng địa phương, phù hợp với phạm vi và điều kiện thử nghiệm thực tế. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung cơ chế tỉnh đầu mối cấp phép chung hoặc công nhận lẫn nhau giữa các địa phương. Trường hợp các địa phương có quyết định khác nhau, mỗi quyết định

				được áp dụng đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc địa bàn được cấp phép.
10	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long		1. Về thử nghiệm liên ngành, liên địa bàn (khoản 2, khoản 3 Điều 2 (bổ sung Điều 15b, sửa đổi, bổ sung Điều 16) Dự thảo cho phép nhiều tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm trong cùng khu vực, bao gồm hoạt động liên ngành, liên lĩnh vực; đồng thời quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan. Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung, hướng dẫn cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, giám sát và xử lý sự cố đối với hoạt động thử nghiệm liên quan nhiều lĩnh vực quản lý, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện.	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã quy định tại Điều 16 về thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, thẩm định, quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan trong quá trình cấp phép và triển khai thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đồng thời, khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ chế quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố; cơ quan đầu mối

				quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Khoản 4 Điều 25 quy định việc phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ thử nghiệm. Do hoạt động thử nghiệm có thể liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực với yêu cầu quản lý khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và xác định cụ thể trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, không quy định riêng cơ chế phối hợp áp dụng chung cho tất cả các trường hợp thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực.
			2. Về trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong quản lý khu vực thử nghiệm (khoản 3, khoản 4 Điều 2 dự thảo (sửa đổi Điều 16 và bổ sung Điều 16a) Dự thảo Nghị định dự kiến giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án tổ chức khu vực, làm đầu mối	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử

			quản lý, theo dõi, giám sát; đồng thời giao Giám đốc Sở quyết định cấp phép và thực hiện các thủ tục liên quan đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung phối hợp, cung cấp ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp phép thử nghiệm trong khu vực, nhất là đối với trường hợp có các nội dung vượt phạm vi chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong tổ chức thực hiện.	nghiệm có kiểm soát trên địa bàn, bao gồm cả hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực. Khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khoản 4 Điều 25 quy định việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp phép. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, điểm e khoản 1 Điều 16a quy định

				Phương án tổ chức khu vực phải xác định cơ quan đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Như vậy, việc tham gia ý kiến chuyên môn, phối hợp thẩm định đối với các nội dung liên ngành, liên lĩnh vực được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan và yêu cầu của từng hoạt động thử nghiệm. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, không bổ sung quy trình lấy ý kiến chuyên ngành riêng đối với mọi hồ sơ thử nghiệm trong khu vực.
			3. Về cơ chế pháp lý áp dụng tại khu vực thử nghiệm (khoản 8 Điều 2 dự thảo (bổ sung Điều 22a)) Khoản 1 Điều 22a quy định việc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ có thể áp dụng cơ chế khác với quy định pháp luật hiện hành; khoản 2 quy định các nội dung này được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm.	**Tiếp thu và làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a. Đồng thời, điểm c khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép

			Kính đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn nguyên tắc và giới hạn áp dụng cơ chế này, bảo đảm việc quyết định không áp dụng hoặc áp dụng khác quy định pháp luật phải thuộc phạm vi được pháp luật cho phép và đúng thẩm quyền.	không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Khoản 1 Điều 22 được sửa đổi quy định cơ chế pháp lý đặc thù phải được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm (nếu có). Việc không áp dụng hoặc áp dụng khác quy định pháp luật phải bảo đảm nguyên tắc, giới hạn và thẩm quyền theo Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan.
			4. Về thẩm định và cấp phép thử nghiệm trong khu vực (khoản 9, khoản 10 Điều 2 dự thảo (bổ sung khoản 7 Điều 24 và khoản 8 Điều 25)) Tại điểm d khoản 8 Điều 25 dự thảo Nghị định, kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung cơ chế phối hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên ngành trong quá trình	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung thủ tục, thành phần hồ sơ riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực; tổ chức, doanh nghiệp thực hiện theo Điều 24 Nghị định số

			thẩm định hồ sơ, đồng thời tăng thời hạn giải quyết hơn 25 ngày làm việc để đảm bảo thời gian lấy ý kiến, tổng hợp, thẩm định nội dung cấp phép.	353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 được sửa đổi, quy định thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, so với 60 ngày đối với hoạt động thử nghiệm ngoài khu vực. Các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết theo quy định. Về phối hợp thẩm định, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; khoản 4 Điều 25 quy định việc phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ. Đồng thời, Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực phải xác định cơ quan đầu mối quản lý và trách nhiệm

				phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Do các điều kiện chung đã được đánh giá khi xác định khu vực thử nghiệm, việc thẩm định hồ sơ trong khu vực tập trung vào các nội dung đặc thù của từng sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ thời hạn 20 ngày làm việc, bảo đảm yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính và thời gian cần thiết để thẩm định, phối hợp với các cơ quan có liên quan.
11	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh		Tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 4 Điều 17a) quy định: "4. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào tính đổi mới sáng tạo, sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ đề nghị thử nghiệm với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	**Tiếp thu và làm rõ** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không tiếp tục quy định tiêu chí định tính về "tính đổi mới sáng tạo" để xác định thứ tự ưu tiên cấp phép. Điểm h khoản 1 Điều 16a quy định tiêu chí, thứ tự ưu tiên được xác định trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, trong đó có tiêu chí về sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ với nhu cầu,

			được tiếp nhận. Tiêu chí và thứ tự ưu tiên được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát" Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể tiêu chí xác định tính đổi mới sáng tạo làm cơ sở đánh giá, xếp thứ tự ưu tiên hồ sơ; đồng thời nghiên cứu bổ sung cơ chế ưu tiên đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.	bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, khoản 3 Điều 17a quy định việc xem xét cấp phép theo tiêu chí, thứ tự ưu tiên được xác định và công khai trong Phương án tổ chức khu vực; trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc quy định theo hướng này nhằm bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với mục tiêu, điều kiện thực tế của từng khu vực thử nghiệm. Đối với đề xuất ưu tiên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, việc xem xét cấp phép cần căn cứ vào sản phẩm, dịch vụ đề nghị thử nghiệm và các tiêu chí ưu tiên đã được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các tổ chức,

				doanh nghiệp. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung cơ chế ưu tiên riêng theo tư cách doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
III. DOANH NGHIỆP				
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)		1. Về thẩm quyền cấp phép thử nghiệm trong không gian số có phạm vi liên tỉnh (khoản 1 và khoản 3 Điều 2 dự thảo – bổ sung Điều 15a, sửa đổi Điều 16) Dự thảo cho phép khu vực thử nghiệm bao gồm không gian số nhưng giới hạn trong địa bàn một tỉnh, thành phố và giao thẩm quyền cấp phép cho cơ quan ở địa phương. Quy định này chưa phù hợp với đặc thù của nền tảng số, dịch vụ viễn thông có phạm vi liên tỉnh hoặc toàn quốc, có thể dẫn đến vướng mắc trong xác định thẩm quyền cấp phép hoặc phát sinh thủ tục tại nhiều địa phương đối với cùng một sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, đề nghị bổ sung quy định xác định thẩm quyền cấp phép đối với trường hợp này theo tiêu chí cụ thể (như nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp) hoặc giao cơ quan quản lý cấp bộ thực hiện, nhằm bảo đảm tính thống nhất và khả thi khi triển khai.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 3 Điều 18 theo hướng làm rõ việc xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đối với hoạt động thực hiện thông qua môi trường số hoặc sử dụng hạ tầng kỹ thuật đặt tại địa phương khác. Theo đó, không gian thử nghiệm được xác định căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng và phạm vi, đối tượng tham gia thử nghiệm; địa điểm đặt trụ sở doanh nghiệp hoặc hạ tầng kỹ thuật không phải là căn cứ duy nhất để xác định thẩm quyền cấp phép. Đồng thời, khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định

				trường hợp hoạt động thử nghiệm được triển khai trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng địa phương thực hiện cấp phép đối với phần hoạt động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Các địa phương có thể trao đổi thông tin, kết quả thẩm định và phối hợp trong quản lý, giám sát, xử lý sự cố. Phương án này nhằm gắn thẩm quyền cấp phép với trách nhiệm quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro đối với hoạt động thử nghiệm trên từng địa bàn. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định xác định thẩm quyền cấp phép theo nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc giao cơ quan quản lý cấp bộ cấp phép chung đối với hoạt động thử nghiệm liên tỉnh.
			2. Về cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm (khoản 8 Điều 2 dự thảo – bổ sung Điều 22a)	**Giải trình** Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 21 Luật

			Dự thảo cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xác định các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm. Trong khi đó, khoản 6 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật và trách nhiệm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội. Do vậy, đề nghị làm rõ phạm vi, giới hạn thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong việc quyết định cơ chế pháp lý đặc thù, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các quy định thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành, đề nghị bổ sung yêu cầu có ý kiến thống nhất của bộ quản lý chuyên ngành trong quá trình xây dựng, trước khi phê duyệt Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, nhằm bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và hạn chế rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định pháp luật hiện hành. Khoản 6 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giao Chính phủ quy định chi tiết và xử lý các vấn đề phát sinh khác với quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung Điều 22a. Điểm c khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, giới hạn về thời gian, không gian, phạm vi, đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Khoản 1 Điều 22 quy định cơ chế pháp lý đặc thù được xác

				định cụ thể tại Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm (nếu có). Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc không áp dụng hoặc áp dụng khác các quy định pháp luật đối với hoạt động thử nghiệm trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện được xác định cụ thể, gắn với các biện pháp quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro tương ứng. Đối với hoạt động thử nghiệm liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định đã quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung yêu cầu bắt buộc phải có ý kiến thống nhất của bộ quản lý

				chuyên ngành trước khi phê duyệt Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, nhằm bảo đảm tính chủ động của địa phương và phù hợp với mục tiêu phân cấp, phân quyền.
			3. Về quy định chuyển tiếp (Điều 4 dự thảo) Thứ nhất, đối với hoạt động thử nghiệm đã được bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp phép theo khoản 2 Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, dự thảo chưa xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục gia hạn, điều chỉnh, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm phát sinh sau khi Nghị định sửa đổi có hiệu lực. Đề nghị quy định theo hướng cơ quan đã cấp phép tiếp tục giải quyết các thủ tục này cho đến khi kết thúc thử nghiệm. Trường hợp chuyển giao thẩm quyền, cần xác định một cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý thống nhất toàn bộ hoạt động thử nghiệm, quy định rõ thời điểm và cơ chế bàn giao hồ sơ, tránh phân tách thẩm quyền quản lý giữa nhiều địa phương và làm gián đoạn hoạt động của doanh nghiệp. Thứ hai, khoản 3 Điều 4 dự thảo cho phép tổ chức, doanh nghiệp chuyển đổi sang thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công	**Tiếp thu** - Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh đối với hoạt động thử nghiệm đã được cấp phép: Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 2 Điều 3 theo hướng đối với Quyết định do bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực, cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định, bao gồm việc gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, tiếp tục, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm; đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trong quản lý, giám sát.

			nghệ số có kiểm soát được sử dụng lại thông tin đã kê khai nhưng chưa quy định việc kế thừa kết quả thẩm định, đánh giá đã thực hiện khi cấp phép trước đó. Đề nghị bổ sung cơ chế công nhận, kế thừa các kết quả thẩm định, đánh giá còn phù hợp, không thẩm định lại những nội dung không thay đổi, nhằm bảo đảm tính liên tục của hoạt động thử nghiệm và hạn chế phát sinh thủ tục, chi phí cho doanh nghiệp.	Quy định này bảo đảm tính liên tục của hoạt động thử nghiệm, không phát sinh việc chuyển giao thẩm quyền và hồ sơ đối với các Quyết định đã ban hành. - Thứ hai, về kế thừa kết quả thẩm định, đánh giá: Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng cho phép tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu chuyển sang thử nghiệm trong khu vực được sử dụng lại thông tin, tài liệu và kết quả thẩm định đã có trong hồ sơ cấp phép trước đó nếu còn phù hợp, còn hiệu lực; cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu cung cấp lại nội dung đã được xác định, đánh giá hợp lệ. Đồng thời, khoản 4 Điều 3 quy định thời gian thử nghiệm đã thực hiện theo Quyết định cấp phép cũ được tính vào thời gian thử nghiệm theo quy định, bảo đảm tính liên tục và hạn chế phát sinh thủ tục, chi phí cho doanh nghiệp.

2	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam)		1. Về quan hệ áp dụng với cơ chế thử nghiệm trí tuệ nhân tạo và dữ liệu Petrovietnam kiến nghị rà soát việc sửa đổi Điều 16 và các quy định về thử nghiệm để bảo đảm thống nhất với Điều 21 Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Chương IV Nghị định số 142/2026/NĐ-CP và pháp luật về dữ liệu. Khoản 8 Điều 21 Nghị định số 142/2026/NĐ-CP đã quy định nguyên tắc áp dụng cơ chế thử nghiệm chuyên ngành đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo; khoản 4 Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện có dẫn chiếu riêng về thẩm quyền thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ dữ liệu. Mục tiêu là cần làm rõ tiêu chí xác định cơ chế áp dụng, cơ quan đầu mối và trách nhiệm phối hợp đối với sản phẩm, dịch vụ đồng thời có thành phần trí tuệ nhân tạo hoặc thuộc phạm vi pháp luật về dữ liệu; hướng dẫn sử dụng chung thông tin, hồ sơ và kết quả đánh giá, tránh trùng lặp thủ tục nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu an toàn, quản lý rủi ro của từng lĩnh vực	**Giải trình** Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số, Điều 21 Luật Trí tuệ nhân tạo và pháp luật về dữ liệu đã quy định các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với từng lĩnh vực. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng phân định thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm và trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không tiếp tục quy định riêng về thẩm quyền thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ dữ liệu tại khoản 4 Điều 16. Đồng thời, điểm c khoản 1 Điều 16a và khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định

				việc xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, giới hạn áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Cơ chế pháp lý áp dụng được xác định tại Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý của khu vực thử nghiệm (nếu có). Đối với sản phẩm, dịch vụ có thành phần trí tuệ nhân tạo hoặc liên quan đến dữ liệu, việc xác định cơ chế thử nghiệm được xem xét trên cơ sở phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và đặc điểm của hoạt động thử nghiệm; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý có liên quan, tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, không bổ sung cơ chế phân định riêng đối với từng lĩnh vực chuyên ngành.

			2. Về phân biệt kiểm chứng kỹ thuật thông thường với thử nghiệm có kiểm soát Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP xác định điều kiện về vướng mắc pháp luật dẫn đến không triển khai được sản phẩm, dịch vụ. Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 142/2026/NĐ-CP cũng đã quy định trường hợp nghiên cứu, phát triển hoặc thử nghiệm trí tuệ nhân tạo trong môi trường mô phỏng, khép kín hoặc nội bộ, không có người tham gia thử nghiệm thực tế và không tạo tác động bên ngoài tổ chức, không thuộc cơ chế thử nghiệm có kiểm soát của Nghị định đó. Do vậy cần làm rõ quan hệ áp dụng các quy định trên để hoạt động kiểm chứng kỹ thuật, đánh giá tính khả thi (PoC) thực hiện trong khuôn khổ pháp luật hiện hành không cần phải yêu cầu làm thủ tục thử nghiệm có kiểm soát.	**Giải trình** Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định điều kiện tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ mà việc sử dụng chưa có quy định pháp luật hoặc khác với quy định pháp luật hiện hành, dẫn đến không triển khai được. Theo đó, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm tháo gỡ vướng mắc pháp lý để triển khai sản phẩm, dịch vụ mới, không áp dụng đối với mọi hoạt động nghiên cứu, phát triển, kiểm chứng kỹ thuật thông thường. Đối với hoạt động nghiên cứu, phát triển, kiểm chứng kỹ thuật, đánh giá tính khả thi (PoC) được thực hiện trong môi trường mô phỏng, khép kín hoặc nội bộ, không phát sinh vướng mắc pháp lý cần áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép thử nghiệm theo Nghị định số

				353/2025/NĐ-CP. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với nguyên tắc phân biệt hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm nội bộ và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 142/2026/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 1 Điều 15b theo hướng chỉ quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm, không tiếp tục liệt kê các hoạt động nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng, đánh giá. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, không bổ sung quy định riêng về hoạt động kiểm chứng kỹ thuật thông thường.
			3. Về kinh phí, trách nhiệm và xử lý kết quả thử nghiệm Khoản 7 Điều 21 và khoản 8 Điều 22 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã dẫn chiếu	**Giải trình** Khoản 7 Điều 21 và khoản 8 Điều 22 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã dẫn

			Điều 22 Luật số 93/2025/QH15 về miễn, loại trừ trách nhiệm. Đề nghị hướng dẫn việc sử dụng hồ sơ quản lý, nhật ký, báo cáo rủi ro và kết quả thử nghiệm để chứng minh điều kiện áp dụng, nhất là khi thử nghiệm không đạt mục tiêu; tránh phát sinh thêm thành phần hồ sơ xin cấp phép. Cần phân biệt rõ trách nhiệm đối với thiệt hại gây cho Nhà nước và trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân khác theo khoản 2 Điều 22 của Luật. Petrovietnam kiến nghị làm rõ quan hệ giữa giấy phép thử nghiệm với phê duyệt kinh phí, đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản theo pháp luật tương ứng; hướng dẫn nguyên tắc xử lý chi phí, tài sản, dữ liệu và sản phẩm khi thử nghiệm kết thúc hoặc dừng trước hạn.	chiếu áp dụng cơ chế miễn, loại trừ trách nhiệm theo Điều 22 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, việc miễn, loại trừ trách nhiệm được xem xét trên cơ sở thực hiện đúng nội dung, điều kiện thử nghiệm được cấp phép và các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro; không phụ thuộc riêng vào việc thử nghiệm có đạt mục tiêu hay không. Khoản 2 Điều 22 của Luật đã phân định trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước và thiệt hại gây ra cho tổ chức, cá nhân khác. Các Điều 28, 29, 33 và 34 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định về kết thúc, đánh giá kết quả, quản lý, giám sát và báo cáo hoạt động thử nghiệm. Theo đó, hồ sơ quản lý, tài liệu giám sát, báo cáo rủi ro và kết quả thử nghiệm là cơ sở phục vụ việc xem xét, đánh giá quá trình thực hiện và điều kiện

				áp dụng cơ chế miễn, loại trừ trách nhiệm, không cần thiết bổ sung thành phần hồ sơ cấp phép riêng. Đối với kinh phí, đầu tư, mua sắm, quản lý và xử lý tài sản, dữ liệu, sản phẩm khi kết thúc hoặc dừng thử nghiệm trước hạn, việc xác định phương án xử lý căn cứ vào nguồn kinh phí, tính chất tài sản, nội dung hoạt động thử nghiệm và cơ chế pháp lý được xác định trong Quyết định cấp phép. Các nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản được xử lý theo cơ chế tài chính tương ứng, không đồng nghĩa với việc hoạt động thử nghiệm phải thực hiện lại các yêu cầu pháp lý đã được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng về cơ chế tài chính, quản lý tài sản và hồ sơ chứng minh điều kiện

				miễn, loại trừ trách nhiệm tại dự thảo Nghị định.
			4. Về nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp đa ngành Điều 1 dự thảo sửa câu dẫn Điều 5 và khoản 2 Điều 6, nhưng khoản 1 Điều 5, Điều 6 vẫn giới hạn nhân sự tại "doanh nghiệp công nghệ số". Đề nghị rà soát đồng bộ để thống nhất phạm vi đối tượng theo khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, trong đó làm rõ việc xác định nhân lực có hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ hoặc quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp đa ngành.	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không tiếp tục sửa đổi Điều 5, giữ nguyên quy định hiện hành về đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Đồng thời, khoản 2 Điều 6 được chỉnh lý theo hướng thay cụm từ "tham gia trực tiếp" bằng "tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số", nhằm bao quát các vị trí nhân sự tham gia chuỗi hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, bao gồm hoạt động nghiên cứu, phát triển, thiết kế, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động này; không chỉ giới hạn ở nhân sự trực tiếp thực hiện công việc chuyên môn, kỹ thuật.

				Việc xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao căn cứ vào tính chất hoạt động và tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, bảo đảm phù hợp với khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số, không phân biệt doanh nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số hay doanh nghiệp hoạt động đa ngành.
3	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ("Tập đoàn Viettel")		Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau: Điều 6. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số 2. Là nhân sự tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: a) Là người đang làm việc tại Việt Nam có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong 02 năm đó theo công bố của Việt Nam;	**1. Về xác định thu nhập theo quốc gia, vùng lãnh thổ nơi làm việc: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 2 Điều 6 theo hướng xác định tiêu chí thu nhập căn cứ vào quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhân sự thực tế làm việc, không phân biệt quốc tịch; đồng thời quy định thời gian làm việc liên tục trong 02 năm gần nhất. **2. Về phân loại quốc gia và ngưỡng thu nhập: Giải trình.**

			b) Là người đã/đang làm việc tại quốc gia thuộc nhóm thu nhập cao theo công bố của Ngân hàng Thế giới (World Bank), có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 02 lần GDP bình quân đầu người trong 02 năm đó tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó; c) Là người đã hoặc đang làm việc tại quốc gia với GDP bình quân đầu người từ 7.500 USD trở lên theo công bố của Ngân hàng Thế giới (World Bank), có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 03 lần GDP bình quân đầu người trong 02 năm đó tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó; d) Là người không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người trong 02 năm đó tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó. e) Đối với người thuộc trường hợp tại điểm a, b, c, d trên đây có nhiều nguồn thu nhập từ hoạt động công nghiệp công nghệ số từ các quốc gia khác nhau trong 2 năm gần nhất thì tính bình quân tỷ lệ thu nhập	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận đề xuất sử dụng phân loại của Ngân hàng Thế giới (WB). Tuy nhiên, phân loại của WB dựa trên thu nhập quốc dân bình quân đầu người, chưa phản ánh đầy đủ trình độ phát triển và đặc điểm của các nền kinh tế có thế mạnh về công nghệ số, bán dẫn. Do đó, dự thảo lựa chọn nhóm "nền kinh tế tiên tiến" (advanced economies) theo Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới (WEO) được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố gần nhất, bảo đảm tiêu chí phân loại công khai, thống nhất và bao quát các trung tâm công nghệ quan trọng. Về ngưỡng thu nhập, dự thảo giữ mức tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người đối với nhân sự làm việc tại Việt Nam, 03 lần đối với nhân sự làm việc tại nền kinh tế tiên tiến theo phân loại IMF và 05 lần đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ còn lại, nhằm bảo

			làm căn cứ xét tiêu chí theo thời gian hưởng thu nhập ở mỗi quốc gia. Lý do: - Nếu căn cứ dựa trên GDP bình quân đầu người thì nên tính toán tại quốc gia nơi nhân sự làm việc, không quan trọng quốc tịch. Đối với người Việt Nam làm việc ở nước ngoài cũng nên dựa trên căn cứ thu nhập ở nước ngoài. - Hiện tại World Bank không còn phân loại thành nước phát triển và đang phát triển mà phân theo thu nhập, việc phân loại của World Bank tương đối rõ ràng và dễ tiếp cận. Do đó, đề nghị phân loại theo nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao trở lên để thu hút tinh hoa từ các nước tiên tiến1. - Bổ sung trường hợp ứng viên làm việc tại nhiều quốc gia trong vòng 02 năm trước thời điểm thu hút.	đảm tính chọn lọc của chính sách nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. **3. Về nhân sự làm việc tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6, quy định trường hợp nhân sự làm việc tại từ hai quốc gia, vùng lãnh thổ trở lên trong 02 năm gần nhất thì tiêu chí thu nhập được xác định theo tỷ lệ bình quân có trọng số tương ứng với thời gian làm việc tại từng quốc gia, vùng lãnh thổ; thời gian làm việc không được tính trùng và nhân sự đáp ứng tiêu chí khi tỷ lệ bình quân có trọng số đạt từ 01 trở lên.
			Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: Điều 7. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học 1. Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ các ngành đúng và các ngành gần đào tạo về công nghệ số, công nghệ thông tin tại cơ sở giáo dục đại	**Giải trình** Điều 7 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao đối với người tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học, trên cơ sở kết

			học thuộc danh sách 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới theo một trong những bảng xếp hạng được công bố gần nhất của các tổ chức: Quacquarelli Symonds của Anh, Times Higher Education của Anh, Shanghai Ranking Consultancy của Trung Quốc, U.S. News & World Report của Mỹ hoặc bảng xếp hạng theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có). 2. Tốt nghiệp đại học loại xuất sắc trở lên các ngành đúng và các ngành gần đào tạo về công nghệ số, công nghệ thông tin tại cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 50 cơ sở giáo dục hàng đầu của bảng xếp hạng có uy tín trong nước theo pháp luật về giáo dục đại học. 3. Đạt các giải thưởng quốc gia, quốc tế uy tín trong lĩnh vực STEM theo công bố của Bộ giáo dục và Đào tạo (nếu có). Lý do: - Bổ sung các trường hợp tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ các trường top đầu trong tiêu chí thu hút từ các cơ sở giáo dục đại học. - Bổ sung tiêu chí về giải thưởng quốc gia, quốc tế uy tín trong lĩnh vực STEM – có quan hệ mật thiếtvới hoạt động công nghiệp, công nghệ số.	quả học tập, chuyên ngành đào tạo và thứ hạng của cơ sở giáo dục đại học. Đối với đề xuất bổ sung người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và mở rộng sang các ngành đào tạo gần, việc xác định tiêu chí cần bảo đảm phù hợp với mục tiêu, đối tượng của chính sách, đồng thời có căn cứ xác định thống nhất phạm vi ngành đào tạo và điều kiện áp dụng. Đối với đề xuất bổ sung tiêu chí về giải thưởng quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực STEM, cần xác định cụ thể danh mục giải thưởng, cơ quan công nhận và mối liên hệ với hoạt động công nghiệp công nghệ số để bảo đảm tính khách quan, minh bạch và khả thi trong thực hiện. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên Điều 7 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, chưa bổ sung các tiêu chí nêu trên tại

				dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung lần này.
			Đề xuất sửa đổi như sau: "Điều 15a. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là khu vực do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phạm vi, quy mô thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số". Lý do: - Thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ số cụ thể từng trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, trong quyết định phải xác định rõ phạm vi, quy mô thực hiện thử nghiệm trên địa bàn tỉnh/thành phố. - Phạm vi hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát đã cụ thể tại Điều 15b. Tại Điều 15a diễn giải khu vực thử nghiệm "là khu vực có ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật, bao gồm khu vực địa lý, tuyến, hành lang, không gian số hoặc phạm vi vận hành cụ thể, thuộc địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương" không bao quát hết nội hàm "khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát".	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 1 Điều 15a theo hướng xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là khu vực có ranh giới xác định thuộc địa bàn một tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; không tiếp tục liệt kê các hình thức không gian, phạm vi thử nghiệm nhằm bảo đảm tính bao quát, linh hoạt trong áp dụng. Về thẩm quyền, khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm. Điều 16a quy định việc xác định cụ thể mục tiêu, địa điểm, ranh giới địa lý, lĩnh vực và các điều kiện tổ chức

				hoạt động trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định nhằm phân biệt giữa việc xác định khu vực thử nghiệm và việc cấp phép thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ.
			Đề xuất bổ sung như sau: Điều 16a. Xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trong một trong các trường hợp sau đây: c) Việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường trên cơ sở báo cáo đánh giá môi trường của cơ quan/ tổ chức có chức năng thẩm định, đánh giá tác động môi trường; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; d) Việc chấm dứt hoạt động là cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do yêu cầu quản lý nhà nước phát sinh mà việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm không còn phù	**1. Về điều kiện chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm: Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 4 Điều 16a theo hướng quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm khi không còn đáp ứng mục tiêu hoặc không bảo đảm các điều kiện chung theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm đã được phê duyệt; không tiếp tục quy định các trường hợp chấm dứt mang tính định tính như dự thảo trước đây. Đồng thời, Quyết định chấm dứt hoạt động phải xác định thời điểm chấm dứt và

			hợp. Đề xuất sửa đổi như sau: “4. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào các tiêu chí tối thiểu sau: tính đổi mới sáng tạo; mức độ đáp ứng yêu cầu an toàn, kiểm soát rủi ro; khả năng nhân rộng kết quả thử nghiệm; sự phù hợp với mục tiêu, lĩnh vực của khu vực thử nghiệm đã được xác định trong Phương án tổ chức khu vực. Trường hợp các tiêu chí tối thiểu nêu trên của các hồ sơ tương đương nhau sẽ ưu tiên hồ sơ có thứ tự nộp trước, đáp ứng nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiêu chí, thứ tự ưu tiên được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm.” Lý do: - Cụm từ "có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường" hoặc "do yêu cầu quản lý nhà nước phát sinh mà việc tiếp tục không còn phù hợp" chưa xác định rõ. Việc “nguy cơ ảnh hưởng môi trường” cần dựa trên đánh giá cụ thể để xác định là không còn phù hợp.	phương án xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện, nhằm bảo đảm tính liên tục và hạn chế ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm. **2. Về tiêu chí ưu tiên xem xét cấp phép trong khu vực thử nghiệm: Giải trình.** Điểm h khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định tiêu chí, thứ tự ưu tiên xem xét cấp phép trong trường hợp số lượng hồ sơ đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận, trong đó có tiêu chí về sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Khoản 3 Điều 17a quy định việc xem xét cấp phép theo tiêu chí, thứ tự ưu tiên đã được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu

			- Hoạt động R&D và thử nghiệm công nghệ số đòi hỏi vốn đầu tư lớn vào hạ tầng, thiết bị, nhân sự. Việc có thể bị chấm dứt đột ngột mà không có tiêu chí xác định "nguy cơ" và "nhu cầu phát sinh nhận thấy không còn phù hợp" một cách rõ ràng sẽ triệt tiêu động lực đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Mặt khác, gây ra khó khăn cho doanh nghiệp khi có những tiêu chí định tính dẫn đến thực tế áp dụng thiếu cơ sở.	vực thử nghiệm; trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận. Do mục tiêu, lĩnh vực và điều kiện tổ chức thử nghiệm tại các địa phương khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định các tiêu chí ưu tiên cố định áp dụng chung cho mọi khu vực thử nghiệm, nhằm bảo đảm tính linh hoạt, công khai, minh bạch trong quá trình xem xét cấp phép.
			Đề xuất sửa đổi như sau: "4. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào các tiêu chí tối thiểu sau: tính đổi mới sáng tạo; mức độ đáp ứng yêu cầu an toàn, kiểm soát rủi ro; khả năng nhân rộng kết quả thử nghiệm; sự phù hợp với mục tiêu, lĩnh vực của khu vực thử nghiệm đã được xác định trong Phương án tổ chức khu vực.	**Tiếp thu, làm rõ** Điểm h khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã chỉnh lý theo hướng quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định tiêu chí, thứ tự ưu tiên xem xét cấp phép trong trường hợp số lượng hồ sơ đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, trong đó có tiêu chí về sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ

			Trường hợp các tiêu chí tối thiểu nêu trên của các hồ sơ tương đương nhau sẽ ưu tiên hồ sơ có thứ tự nộp trước, đáp ứng nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiêu chí, thứ tự ưu tiên được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm." Lý do: Tiêu chí "sự phù hợp với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương" mang tính định tính, không có phương pháp lượng hóa, tạo bất lợi cho doanh nghiệp ngoài địa bàn, xung đột với nguyên tắc bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp tại điểm b khoản 2 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và định hướng thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị mà Tờ trình viện dẫn làm cơ sở chính trị. Tiêu chí tối thiểu khách quan cần được quy định ở cấp Nghị định để bảo đảm áp dụng thống nhất ở mọi địa phương, không để cho từng phương án tổ chức khu vực. Điều này cũng phù hợp với Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật 93/2025/QH15 yêu cầu công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá lựa chọn.	với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Khoản 3 Điều 17a quy định tiêu chí, thứ tự ưu tiên phải được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận. Tiêu chí về sự phù hợp với nhu cầu, bài toán thực tiễn của địa phương nhằm bảo đảm hoạt động thử nghiệm gắn với mục tiêu, điều kiện và khả năng tổ chức, quản lý của khu vực thử nghiệm; không phải là tiêu chí ưu tiên theo địa bàn đặt trụ sở hoặc quốc tịch của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm. Việc áp dụng tiêu chí này đối với các hồ sơ phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch theo khoản 2 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

				Do mục tiêu, lĩnh vực, quy mô và điều kiện tổ chức thử nghiệm của các địa phương khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định bộ tiêu chí định lượng cố định áp dụng chung cho mọi khu vực thử nghiệm. Việc xác định, công khai tiêu chí và thứ tự ưu tiên trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và tạo cơ sở để tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tham gia thử nghiệm bình đẳng.
			Đề xuất bổ sung như sau: “b) Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố yêu cầu tổ chức doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải được lập thành văn bản, nêu rõ nội dung	**Tiếp thu, làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không bổ sung khoản 7 Điều 24; thống nhất áp dụng thành phần hồ sơ theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đối với hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực, bảo đảm thống nhất trong tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và đánh giá

			cần làm rõ. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổng hợp yêu cầu của các cơ quan tham gia thẩm định để yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung một lần. Không yêu cầu cung cấp lại các thông tin, tài liệu đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm. Lý do: Quy định yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải được lập bằng văn bản, nêu rõ nội dung cần làm rõ giúp doanh nghiệp xác định đúng nội dung phải đáp ứng, đồng thời tạo cơ sở kiểm tra trách nhiệm của cơ quan xử lý. Việc tổng hợp yêu cầu của các cơ quan tham gia thẩm định để đề nghị bổ sung một lần giúp hạn chế yêu cầu rời rạc, trùng lặp hoặc thiếu thống nhất. Tuy nhiên, cần cho phép yêu cầu bổ sung tiếp khi xuất hiện tình tiết mới ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện cấp phép hoặc an toàn thử nghiệm; ngoại lệ này phải được giải trình để bảo đảm khả năng kiểm soát rủi ro mà không tạo quyền yêu cầu bổ sung không giới hạn. Đối với thử nghiệm trong khu vực đã được xác định, việc đơn giản hóa hồ sơ chỉ có ý	các điều kiện, rủi ro đặc thù của từng sản phẩm, dịch vụ. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định đã được sửa đổi theo hướng các nội dung chung về khu vực thử nghiệm, điều kiện vận hành, cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm được phê duyệt thì không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng về trình tự yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, tránh

			nghĩa thực chất khi các nội dung đã được đánh giá chung được sử dụng lại. Yêu cầu bổ sung cần tập trung vào phần thay đổi, nội dung chưa được bao quát và rủi ro riêng của sản phẩm, dịch vụ; tránh yêu cầu doanh nghiệp lập lại toàn bộ tài liệu đã được xem xét khi xác định khu vực thử nghiệm.	phát sinh quy trình bổ sung hồ sơ riêng và bảo đảm thống nhất với thủ tục cấp phép hiện hành.
4	Công ty Cổ phần FPT (Tập đoàn FPT)	Điều 15a	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ sự cần thiết, mục tiêu quản lý và cơ sở lựa chọn mô hình khu vực thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; đồng thời đánh giá mối quan hệ giữa mô hình này với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và các cơ chế thử nghiệm, đổi mới sáng tạo theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc thù của sản phẩm, dịch vụ công nghệ số là có thể được phát triển, cung cấp và vận hành trên nền tảng số, không nhất thiết gắn với một khu vực địa lý xác định. Vì vậy, việc thiết lập một "khu vực thử nghiệm" cần chứng minh được giá trị quản lý bổ sung so với việc cấp phép thử nghiệm theo từng sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt về khả năng dùng chung hạ tầng, tổ	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung thuyết minh tại Tờ trình Chính phủ và các báo cáo kèm theo, làm rõ sự cần thiết, mục tiêu và cơ sở lựa chọn phương thức tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Theo đó, khu vực thử nghiệm là phương thức tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên một địa bàn xác định, cho phép nhiều tổ chức, doanh nghiệp triển khai các hoạt động thử nghiệm trên cơ sở sử dụng chung hạ tầng, điều kiện quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro. Việc xác định khu vực thử nghiệm nhằm tạo điều kiện tổ chức,

			chức giám sát, quản lý rủi ro và giảm chi phí tuân thủ. Kiến nghị: Bổ sung quy định hoặc nội dung giải trình về tiêu chí xác định trường hợp cần thiết lập khu vực thử nghiệm; làm rõ điểm khác biệt và mối quan hệ giữa thử nghiệm trong khu vực với thử nghiệm theo từng sản phẩm, dịch vụ, tránh hình thành thêm một tầng thủ tục quản lý nhưng không tạo ra lợi ích tương xứng.	quản lý tập trung, hạn chế thẩm định trùng lặp các điều kiện chung và tạo thuận lợi cho hoạt động thử nghiệm. Dự thảo Nghị định đã quy định tại Điều 15a, Điều 15b và Điều 17a theo hướng khu vực thử nghiệm không phải là một loại khu chức năng mới và không thay thế cơ chế cấp phép theo từng sản phẩm, dịch vụ. Tổ chức, doanh nghiệp chỉ được triển khai thử nghiệm sau khi được cấp phép; việc thử nghiệm trong khu vực tiếp tục thực hiện theo Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 được sửa đổi theo hướng không thẩm định lại các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực, trừ trường hợp cần thiết theo quy định; thời hạn thẩm định hồ sơ trong khu vực là 20 ngày làm việc. Việc xác định khu vực thử nghiệm căn cứ vào sự cần

				thiết, mục tiêu, lĩnh vực và hoạt động dự kiến thử nghiệm, điều kiện quản lý, giám sát và nguồn lực tổ chức thực hiện được xác định trong Phương án tổ chức khu vực theo Điều 16a dự thảo Nghị định.
		Khoản 1, 2, 3 Điều 16	Theo dự thảo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm có kiểm soát; trong khi Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Đề nghị làm rõ cơ sở và sự cần thiết của việc phân định thẩm quyền cấp phép theo tiêu chí địa điểm hoặc hình thức tổ chức thử nghiệm, trong khi đối tượng được xem xét cấp phép về bản chất đều là sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Việc quy định hai chủ thể có thẩm quyền quyết định đối với hai trường hợp thử nghiệm có thể dẫn đến sự khác biệt trong quy trình giải quyết, tiêu chí thẩm định và trách nhiệm quản lý, đặc biệt đối với hoạt động thử nghiệm có nội dung tương tự nhưng được triển khai trong hoặc ngoài khu vực.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép, gia hạn, tạm dừng, tiếp tục, điều chỉnh, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn, không phân biệt hoạt động thử nghiệm trong hay ngoài khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Đồng thời, khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm

			Kiến nghị: Nghiên cứu thống nhất đầu mối có thẩm quyền cấp phép, theo hướng tăng cường phân cấp cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ nếu đáp ứng yêu cầu về căn cứ pháp lý và năng lực thực hiện. Quy định thống nhất như vậy sẽ bảo đảm xử lý nhanh hơn khi hoạt động thử nghiệm chuyển từ ngoài khu vực vào trong khu vực và ngược lại.	theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc thống nhất thẩm quyền cấp phép nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong tổ chức thực hiện, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp khi triển khai hoặc chuyển đổi hoạt động thử nghiệm giữa trong và ngoài khu vực thử nghiệm.
		Điểm d khoản 1 Điều 16a	Đề nghị cân nhắc quy định ngay tại Nghị định những nguyên tắc, yêu cầu tối thiểu và trách nhiệm cơ bản trong quản lý khu vực thử nghiệm, thay vì để toàn bộ nội dung này do từng địa phương xác định. Nếu thiếu một khung quản lý thống nhất ở cấp Nghị định, có thể dẫn đến sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương về điều kiện quản lý, yêu cầu giám sát và nghĩa vụ của doanh nghiệp, làm giảm tính minh bạch và khả năng dự báo của chính sách. Kiến nghị: Bổ sung các quy định tối thiểu về trách nhiệm giám sát, chế độ báo cáo, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố, bảo vệ người	**Giải trình** Dự thảo Nghị định đã quy định các nguyên tắc, yêu cầu và trách nhiệm cơ bản trong tổ chức, quản lý khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Cụ thể, khoản 1 Điều 16a quy định các nội dung tối thiểu phải xác định trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, bao gồm: mục tiêu, địa điểm, ranh giới địa lý, lĩnh vực và hoạt động dự kiến thử nghiệm; cơ chế pháp

			tham gia thử nghiệm, công khai thông tin và phối hợp liên ngành. Phương án tổ chức khu vực chỉ nên cụ thể hóa các yêu cầu này phù hợp với điều kiện thực tế, không tự đặt ra những nghĩa vụ hoặc điều kiện mới ngoài phạm vi được Nghị định cho phép.	lý áp dụng; điều kiện bảo vệ môi trường, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan và nguồn lực bảo đảm triển khai. Đồng thời, Điều 16 quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý, giám sát, rà soát, đánh giá hằng năm hoạt động của khu vực thử nghiệm và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan. Khoản 3 và khoản 4 Điều 16a quy định việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm và xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện. Việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động thử nghiệm được thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; nội dung, hình thức và địa chỉ công khai thông tin về

				khu vực thử nghiệm được thể hiện tại Mẫu số TNCNS12. Các quy định nêu trên đã xác lập khung quản lý chung đối với khu vực thử nghiệm. Phương án tổ chức khu vực có trách nhiệm cụ thể hóa các yêu cầu này phù hợp với mục tiêu, lĩnh vực, quy mô, điều kiện thực tế và mức độ rủi ro của hoạt động thử nghiệm. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung các tiêu chí, điều kiện kỹ thuật và quản lý chi tiết áp dụng thống nhất cho mọi khu vực thử nghiệm, nhằm bảo đảm tính linh hoạt và chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện.
		Điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 16a	Dự thảo yêu cầu Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm và Quyết định xác định khu vực thử nghiệm phải xác định "các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm" về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, khái niệm "điều kiện chung" chưa được xác định rõ về nội hàm, tính chất pháp lý và phạm vi áp dụng.	**Giải trình** Điểm d khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định các điều kiện chung về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan là những yêu cầu quản lý áp dụng đối với khu

			Đề nghị làm rõ đây là các yêu cầu quản lý chung được áp dụng đối với mọi hoạt động trong khu vực hay là điều kiện mà từng tổ chức, doanh nghiệp phải đáp ứng để được cấp phép thử nghiệm. Việc sử dụng thuật ngữ có nội hàm chưa rõ có thể dẫn đến tình trạng địa phương quy định thêm các điều kiện riêng, làm phát sinh yêu cầu tuân thủ hoặc điều kiện tiếp cận hoạt động thử nghiệm ngoài những nội dung đã được Nghị định quy định. Kiến nghị: Quy định rõ nội dung tối thiểu của các điều kiện chung, giới hạn phạm vi cụ thể hóa của địa phương và nguyên tắc không đặt ra thêm điều kiện kinh doanh, điều kiện cấp phép hoặc thành phần hồ sơ ngoài quy định pháp luật.	vực thử nghiệm, được xác định trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phù hợp với mục tiêu, phạm vi, lĩnh vực và đặc thù hoạt động thử nghiệm. Các điều kiện chung này là cơ sở tổ chức quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro trong khu vực thử nghiệm, không đồng nghĩa với việc bổ sung điều kiện cấp phép riêng đối với từng tổ chức, doanh nghiệp. Việc cấp phép đối với từng sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo Điều 15, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; dự thảo Nghị định không bổ sung thành phần hồ sơ hoặc thủ tục cấp phép riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định quy định các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm không phải thẩm

				định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm Phương án tổ chức khu vực cụ thể hóa các yêu cầu quản lý chung, không làm phát sinh thủ tục, thành phần hồ sơ hoặc điều kiện cấp phép ngoài quy định của Nghị định.
		Điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 16a	Đề nghị làm rõ khái niệm "cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý" và xác định liệu đơn vị đầu mối quản lý khu vực thử nghiệm có thể là tổ chức ngoài khu vực nhà nước, bao gồm doanh nghiệp hoặc đơn vị vận hành hạ tầng thử nghiệm, hay không. Trường hợp cho phép tổ chức tư nhân tham gia quản lý hoặc vận hành khu vực thử nghiệm, cần phân định rõ giữa hoạt động vận hành kỹ thuật, cung cấp hạ tầng, hỗ trợ giám sát với việc thực hiện thẩm quyền quản lý nhà nước. Việc cấp phép, quyết định cơ chế pháp lý áp dụng, thanh tra,	**Tiếp thu và làm rõ** Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm. Điểm e khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý

			kiểm tra và xử lý vi phạm phải được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật; trong khi các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và vận hành hạ tầng có thể xem xét huy động sự tham gia của doanh nghiệp nhằm tận dụng nguồn lực xã hội. Kiến nghị: Quy định rõ chủ thể được giao làm đầu mối quản lý nhà nước và chủ thể có thể được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ, vận hành kỹ thuật; đồng thời xác định trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế giám sát tương ứng.	và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Theo đó, cơ quan đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với khu vực thử nghiệm được xác định theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các tổ chức, doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp hạ tầng, vận hành kỹ thuật và hỗ trợ hoạt động thử nghiệm theo Phương án tổ chức khu vực, nhưng không thực hiện thay thẩm quyền quản lý nhà nước, cấp phép, kiểm tra và xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm phân định trách nhiệm quản lý nhà nước với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời tạo điều kiện huy động nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp tham gia tổ chức hoạt động thử nghiệm.

		Khoản 2 Điều 18	Trường hợp khu vực thử nghiệm được xác định bằng giới hạn kỹ thuật hoặc không gian số, đề nghị quy định rõ tiêu chí xác lập ranh giới, phạm vi quản lý và cách thức kiểm soát hoạt động vượt ra ngoài giới hạn được phép thử nghiệm.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 1 Điều 15a theo hướng xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là khu vực có ranh giới xác định thuộc địa bàn một tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; không quy định việc xác định khu vực thử nghiệm độc lập theo giới hạn kỹ thuật hoặc không gian số. Đối với hoạt động thử nghiệm trên môi trường số hoặc sử dụng hạ tầng kỹ thuật đặt tại địa phương khác, khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị định quy định việc xác định không gian thử nghiệm căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng và phạm vi, đối tượng tham gia thử nghiệm; địa điểm đặt hạ tầng kỹ thuật không phải là căn cứ duy nhất để xác định không gian thử nghiệm. Đồng thời, Quyết định cấp

				phép thử nghiệm phải xác định phạm vi, đối tượng, điều kiện thử nghiệm và các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm kiểm soát, ngăn ngừa hoạt động thử nghiệm vượt quá phạm vi, đối tượng được cấp phép, bảo đảm khả năng quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.
		Điều 22a	Dự thảo cho phép xác định các quy định pháp luật được áp dụng, được phép không áp dụng, được áp dụng khác hoặc được thay thế bằng biện pháp quản lý khác trong khu vực thử nghiệm. Tuy nhiên, nhiều địa phương chưa có quy định của văn bản cấp trên về cơ chế đặc thù nên có thể không ban hành được cơ chế pháp lý đặc biệt do không có thẩm quyền. Kiến nghị: Làm rõ cơ chế pháp lý áp dụng ngay tại Nghị định này, đồng thời nghiên cứu, bổ sung các quy định miễn trừ pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.	**Giải trình** Điều 8 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định cơ sở pháp lý cho việc thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đó, Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác một số quy định pháp luật trong phạm vi, thời gian và

				điều kiện thử nghiệm được cấp phép. Dự thảo Nghị định tiếp tục cụ thể hóa cơ chế này tại Điều 16a theo hướng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, phạm vi, giới hạn áp dụng và biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro tương ứng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác định khu vực thử nghiệm, phê duyệt Phương án tổ chức khu vực và cấp phép thử nghiệm theo thẩm quyền quy định tại Điều 16. Theo đó, cơ chế pháp lý đặc thù được xác định cụ thể trong Quyết định xác định khu vực thử nghiệm và Quyết định cấp phép đối với từng sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với mục tiêu, phạm vi, đối tượng và điều kiện thử nghiệm. Việc áp dụng cơ chế này thực hiện trong giới hạn

				được pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát cho phép, không phụ thuộc vào việc địa phương đã ban hành cơ chế đặc thù riêng. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, không quy định một danh mục miễn trừ pháp lý áp dụng chung cho mọi khu vực thử nghiệm do tính chất, lĩnh vực và yêu cầu quản lý rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm có sự khác biệt.
		Điều 24	Quy định về thủ tục hành chính hiện chưa thực sự rõ ràng, minh bạch. Kiến nghị: Tách hồ sơ đề nghị thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thành điều riêng; tách Mẫu đơn thành 02 trường hợp (trong khu vực và ngoài khu vực thử nghiệm); chuyển điểm b khoản 7 Điều 24 xuống Điều 25 về quy trình cấp phép.	**Giải trình** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng thống nhất áp dụng quy định về hồ sơ tại Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đối với hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực thử nghiệm; không bổ sung khoản 7 Điều 24 và không tách thành thủ tục, thành phần hồ sơ hoặc mẫu đơn riêng nhằm tránh trùng lặp và bảo đảm thống

				nhất trong thực hiện. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định đã được sửa đổi, quy định thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, so với 60 ngày đối với hoạt động thử nghiệm ngoài khu vực. Các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm thống nhất về hồ sơ, trình tự cấp phép, đồng thời đơn giản hóa việc thẩm định đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực.

		Điều 25	Cần làm rõ cách thức cơ quan có thẩm quyền đánh giá việc sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các điều kiện, tiêu chí thử nghiệm theo Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Nếu hồ sơ không có nội dung thể hiện hoặc tài liệu chứng minh việc đáp ứng các tiêu chí này, quá trình thẩm định có thể thiếu căn cứ, dẫn đến việc cơ quan giải quyết yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thông tin ngoài thành phần hồ sơ đã công bố. Bên cạnh đó, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cần được quy định rõ (đề xuất phân cấp cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ như ý kiến tại mục 2); quy trình cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát nên tách thành điều riêng. Kiến nghị: - Bổ sung vào Mẫu số TNCNS01 phần kê khai, tự đánh giá sự phù hợp với từng điều kiện, tiêu chí tại Điều 15, kèm thông tin hoặc tài liệu chứng minh tương ứng nếu thực sự cần thiết. - Nghiên cứu ban hành Phiếu đánh giá hoặc bảng tiêu chí thẩm định để cơ quan có thẩm quyền sử dụng thống nhất, minh bạch hóa căn cứ chấp thuận hoặc từ chối cấp phép.	**Tiếp thu, làm rõ** 1. Về hồ sơ và căn cứ đánh giá điều kiện thử nghiệm: Hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm tiếp tục thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và Mẫu số TNCNS01, bao gồm các nội dung thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ, kế hoạch thử nghiệm, phương án quản lý, kiểm soát rủi ro và tài liệu liên quan để cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện tại Điều 15. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung bảng tự đánh giá và tài liệu chứng minh riêng cho từng tiêu chí tại Điều 15 nhằm tránh phát sinh yêu cầu hồ sơ trùng lặp. 2. Về thẩm quyền và quy trình cấp phép: Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm

			- Xem xét cơ chế tham vấn chuyên gia hoặc hội đồng đánh giá đối với sản phẩm, dịch vụ.	trong và ngoài khu vực. Cơ quan chuyên môn được phân công thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý và giám sát hoạt động thử nghiệm. Quy trình cấp phép tiếp tục thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, không tách thành thủ tục riêng. Khoản 4 Điều 25 được sửa đổi, quy định thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; các nội dung chung đã được đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. 3. Về phiếu đánh giá, bảng tiêu chí thẩm định và tham vấn chuyên gia: Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở điều kiện thử nghiệm tại

				Điều 15, thành phần hồ sơ theo Điều 24 và trình tự tại Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung phiếu đánh giá, bảng tiêu chí thẩm định hoặc cơ chế tham vấn chuyên gia thành quy định bắt buộc riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, bảo đảm thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép và phù hợp với tính chất đa dạng của sản phẩm, dịch vụ được thử nghiệm.
		Mẫu số TNCNS01, điểm b khoản 5	Đề nghị chỉnh sửa dẫn chiếu "điểm b khoản 7 Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP" thành "điểm a khoản 7 Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP".	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không bổ sung khoản 7 Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Do đó, nội dung dẫn chiếu nêu tại ý kiến góp ý không còn trong dự thảo Nghị định.
5	Công ty TNHH Amkor Technology Việt Nam		Ngưỡng thu nhập bình quân tối thiểu bằng 03 lần GDP bình quân đầu người của quốc gia phát triển đối với người lao động nước ngoài là quá cao so với mặt bằng thu nhập	**Giải trình** Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận kiến nghị giảm ngưỡng thu nhập từ 03 lần xuống 1,5

			phổ biến của nhiều chuyên gia kỹ thuật và quản lý chuyên môn. Trên thực tế, rất ít người lao động có thể đáp ứng điều kiện này. Tiêu chí quá cao làm thu hẹp đáng kể đối tượng được hưởng ưu đãi, khiến chính sách khó phát huy mục tiêu thu hút chuyên gia nước ngoài có trình độ cao đến Việt Nam; đồng thời giảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp trong tuyển dụng nhân lực cho ngành bán dẫn và công nghiệp công nghệ số. Đề nghị xem xét điều chỉnh ngưỡng thu nhập đối với người nước ngoài đã làm việc tại quốc gia phát triển từ 03 lần xuống 1,5 lần GDP bình quân đầu người của quốc gia nơi người đó làm việc. Mức đề xuất này vẫn bảo đảm sàng lọc nhân lực có chuyên môn, kinh nghiệm và thu nhập cao, đồng thời phù hợp hơn với mặt bằng thu nhập thực tế tại các thị trường bán dẫn lớn và nâng cao khả năng thu hút nhân lực chất lượng cao vào Việt Nam. Cơ sở định lượng của kiến nghị được trình bày tại Mục 3 và Mục 4 của Công văn, bao gồm số liệu tham chiếu về nhóm lao động có thu nhập cao và kỹ sư bán dẫn cấp cao tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ có ngành bán dẫn phát triển.	lần GDP bình quân đầu người nhằm mở rộng khả năng thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là công nghiệp bán dẫn. Tuy nhiên, tiêu chí thu nhập tại khoản 2 Điều 6 được xác định nhằm lựa chọn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi. Việc giảm ngưỡng xuống 1,5 lần GDP bình quân đầu người có thể mở rộng đáng kể phạm vi đối tượng, chưa bảo đảm tính chọn lọc của chính sách. Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng sử dụng phân loại "nền kinh tế tiên tiến" (advanced economies) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), qua đó bao quát các trung tâm công nghệ, bán dẫn quan trọng như Singapore, Đài Loan và Hồng Kông trong nhóm áp dụng ngưỡng 03 lần GDP bình quân đầu người.

				Bên cạnh đó, kinh nghiệm của Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy việc sử dụng hệ số thu nhập cao hơn mức tham chiếu chung là một phương thức xác định nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, các quốc gia sử dụng cơ sở tính khác nhau nên chỉ có giá trị tham khảo. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ ngưỡng 03 lần GDP bình quân đầu người đối với nhân sự làm việc tại các nền kinh tế tiên tiến theo phân loại IMF nhằm bảo đảm tính chọn lọc của chính sách, đồng thời tạo điều kiện thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.
			Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện hành yêu cầu nhân sự "tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số". Dự thảo đã bỏ cụm từ "tham gia trực tiếp" nhưng vẫn dẫn chiếu khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số, theo đó doanh nghiệp phải chứng minh từng cá nhân có chuyên môn công nghệ số và tham gia sản	**Tiếp thu, làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP theo hướng thay cụm từ "tham gia trực tiếp hoạt động công nghiệp công nghệ số" bằng "tham gia thực hiện

			xuất, cung cấp dịch vụ hoặc quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số. Cách dẫn chiếu này chưa giải quyết triệt để việc phân định giữa khối kỹ thuật, sản xuất, quản lý và các chức năng hỗ trợ thiết yếu tại doanh nghiệp công nghệ số. Trong doanh nghiệp bán dẫn, toàn bộ hoạt động nghiên cứu, kỹ thuật, sản xuất, vận hành thiết bị, kiểm thử, bảo đảm chất lượng, nhân sự, tài chính, mua hàng, logistics, công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, an toàn và tuân thủ được tổ chức thành một chuỗi khép kín, liên tục và phụ thuộc lẫn nhau. Các chức năng hỗ trợ tuy không trực tiếp thao tác trên sản phẩm nhưng bảo đảm nhân lực, thiết bị, vật tư, dữ liệu, tài chính và điều kiện vận hành để sản phẩm được hoàn thành. Việc tiếp tục phân loại mức độ "tham gia" theo từng cá nhân làm tăng đáng kể hồ sơ chứng minh, dễ phát sinh cách hiểu khác nhau và có thể loại trừ nhân lực chất lượng cao đang thực hiện chức năng quản lý hoặc hỗ trợ thiết yếu. Đề nghị giữ nguyên Điều 5 theo hướng không dẫn chiếu khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số và sửa câu dẫn khoản 2 Điều 6 thành: "2. Là nhân lực làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số, thuộc một trong các trường hợp sau đây:". Theo đó, đối tượng	hoạt động công nghiệp công nghệ số", nhằm bao quát nhân sự tham gia các hoạt động nghiên cứu, phát triển, thiết kế, sản xuất, vận hành, kiểm thử, bảo đảm chất lượng và tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, phù hợp với đặc thù tổ chức hoạt động của ngành công nghiệp bán dẫn. Đồng thời, dự thảo Nghị định không tiếp tục sửa đổi Điều 5, giữ nguyên quy định hiện hành về các nhóm đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Đối với đề xuất xác định đối tượng chỉ căn cứ vào quan hệ làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định về việc tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số để bảo đảm phù hợp với khái niệm nhân lực công nghiệp công nghệ số tại khoản 4 Điều 3 Luật Công

			được xác định trên cơ sở quan hệ làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số và việc đáp ứng các tiêu chí về chức danh, trình độ, kinh nghiệm hoặc thu nhập tại Điều 6; không yêu cầu doanh nghiệp chứng minh thêm mức độ tham gia của từng cá nhân. Cách tiếp cận này phù hợp với bản chất vận hành tích hợp của doanh nghiệp công nghệ số, bao quát cả nhân sự kỹ thuật, sản xuất, quản lý và hỗ trợ thiết yếu, nhưng không đồng nghĩa toàn bộ người lao động mặc nhiên được hưởng ưu đãi vì mỗi cá nhân vẫn phải đáp ứng các tiêu chí chất lượng cao tương ứng. Hồ sơ chứng minh nên giới hạn ở hợp đồng lao động, hồ sơ chuyên môn, cơ cấu tổ chức, chức năng phòng ban và tài liệu chứng minh hoạt động công nghiệp công nghệ số của doanh nghiệp.	nghiệp công nghệ số. Theo đó, việc xác định đối tượng căn cứ vào tính chất công việc và sự tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số của nhân sự, không mặc nhiên xác định toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp công nghệ số là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.
			Điều 3 của dự thảo quy định Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/03/2027; đồng thời quy định chuyển tiếp tại Điều 4 chỉ xác nhận cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP trước ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thì tiếp tục được công nhận trong thời gian hưởng chính sách. Tuy nhiên, đối với chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân, kỳ tính thuế	**Giải trình** Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, không sửa đổi chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân, thời điểm hưởng ưu đãi và các quy định

			đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công thông thường được xác định theo năm dương lịch. Việc áp dụng tiêu chí sửa đổi từ ngày 01/03/2027 có thể tạo ra hai căn cứ xác định đối tượng trong cùng kỳ tính thuế năm 2027 và chưa làm rõ quyền lợi đối với kỳ tính thuế năm 2026. Thời điểm hiệu lực giữa kỳ tính thuế gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định danh sách người lao động đủ điều kiện, thời điểm bắt đầu miễn thuế, số thuế phải khấu trừ theo tháng và nghĩa vụ quyết toán năm. Doanh nghiệp có thể phải đồng thời áp dụng tiêu chí cũ cho tháng 01 và tháng 02/2027, tiêu chí mới từ tháng 03/2027, sau đó phân bổ lại thu nhập, thuế đã khấu trừ và hồ sơ chứng minh trong cùng một năm. Điều này làm tăng đáng kể khối lượng rà soát dữ liệu lịch sử, phân tích hợp đồng lao động, chức danh, thu nhập và chứng từ của từng cá nhân; phát sinh điều chỉnh bảng lương, kê khai bổ sung, hoàn trả hoặc hoàn thuế; đồng thời có nguy cơ áp dụng không thống nhất giữa doanh nghiệp, người lao động và cơ quan thuế. Quy định chuyển tiếp hiện tại cũng chưa xử lý rõ trường hợp cá nhân đáp ứng tiêu chí sửa đổi nhưng chưa được xác định chính thức trước ngày 01/03/2027, hoặc	về khấu trừ, kê khai, quyết toán, hoàn thuế. Về thời điểm áp dụng, Điều 2 dự thảo Nghị định quy định hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2027. Việc áp dụng tiêu chí sửa đổi được thực hiện kể từ thời điểm Nghị định có hiệu lực. Đề xuất áp dụng tiêu chí sửa đổi cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2026 hoặc từ ngày 01/01/2027 là áp dụng quy định cho thời gian trước ngày Nghị định có hiệu lực, cần có cơ sở pháp lý và đánh giá tác động theo quy định về hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định việc xử lý chuyển tiếp đối với các hồ sơ, quyết định được tiếp nhận, ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực. Việc xác định thu nhập được miễn thuế, khấu trừ, kê khai, quyết toán, bù trừ hoặc hoàn thuế thực hiện theo pháp luật về

			trường hợp doanh nghiệp đã khấu trừ thuế trong năm 2026 trước khi có hướng dẫn đầy đủ. Đề nghị bổ sung quy định riêng đối với chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo hướng các tiêu chí sửa đổi được áp dụng thống nhất cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2026. Việc áp dụng theo trọn năm dương lịch phù hợp với nguyên tắc xác định kỳ tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, bảo đảm cùng một cá nhân chỉ áp dụng một hệ tiêu chí trong một kỳ quyết toán và tạo cơ sở nhất quán để doanh nghiệp rà soát, khấu trừ, quyết toán hoặc điều chỉnh thuế. Đồng thời, đề nghị quy định rõ: (i) cá nhân đáp ứng tiêu chí sửa đổi trong kỳ tính thuế năm 2026 được xác định thuộc diện miễn thuế cho phần thu nhập đủ điều kiện phát sinh trong kỳ tính thuế năm 2026; (ii) số thuế thu nhập cá nhân doanh nghiệp đã khấu trừ, kê khai hoặc nộp trong năm 2026 được bù trừ, hoàn trả hoặc hoàn thuế theo thủ tục đơn giản trên cơ sở hồ sơ chứng minh điều kiện; (iii) doanh nghiệp được kê khai bổ sung mà không bị xử phạt vi phạm hành chính và không tính tiền chậm nộp đối với phần điều chỉnh phát sinh do thời điểm ban hành hoặc hiệu lực của quy định; và (iv)	thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ thời điểm có hiệu lực và quy định chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định; không bổ sung quy định áp dụng hồi tố tiêu chí sửa đổi cho kỳ tính thuế năm 2026 hoặc cơ chế miễn xử phạt, miễn tiền chậm nộp riêng tại Nghị định này.

			quy định chuyển tiếp tại Điều 4 cần bao quát cả cá nhân đã đáp ứng điều kiện trong năm 2026 nhưng chưa hoàn tất thủ tục xác định trước ngày 01/03/2027. Trường hợp cơ quan soạn thảo chưa thể áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026, đề nghị tối thiểu quy định việc áp dụng từ ngày 01/01/2027 cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2027, thay vì bắt đầu từ ngày 01/03/2027.	
			Khái niệm "người nước ngoài đang làm việc tại quốc gia phát triển" tại nghị định 353 điều 6 khoản b chưa làm rõ thời điểm xác định là trước khi sang Việt Nam hay tại thời điểm xét ưu đãi. Khó xác định đối tượng ưu đãi, hồ sơ chứng minh và chính sách thu nhập; có rủi ro truy thu thuế hoặc ảnh hưởng đến cam kết với chuyên gia. Hướng dẫn cụm từ này được hiểu là người lao động đã có quá trình làm việc tại quốc gia phát triển trước khi sang Việt Nam; quy định rõ thời điểm xác định, thời gian làm việc tối thiểu và chứng từ hợp lệ.	**Tiếp thu.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP theo hướng xác định tiêu chí thu nhập căn cứ vào quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhân sự thực tế làm việc liên tục trong 02 năm gần nhất, không phân biệt quốc tịch và không yêu cầu nhân sự phải đang làm việc tại nước ngoài tại thời điểm xét hưởng chính sách. Đối với trường hợp nhân sự làm việc tại từ hai quốc gia, vùng lãnh thổ trở lên trong 02 năm gần nhất, bao gồm trường hợp đã chuyển về làm việc tại Việt Nam, điểm d khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị

				định quy định việc xác định tiêu chí thu nhập trên cơ sở tỷ lệ bình quân có trọng số theo thời gian làm việc tại từng quốc gia, vùng lãnh thổ; nhân sự đáp ứng tiêu chí khi tỷ lệ bình quân đạt từ 01 trở lên. Việc chỉnh lý này làm rõ thời gian và căn cứ xác định tiêu chí thu nhập, khắc phục cách hiểu khác nhau về đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.
			Chưa có phương pháp quy đổi tiền tệ, tính bình quân gia quyền và lựa chọn ngưỡng GDP khi thu nhập phát sinh tại nhiều quốc gia. Cùng một hồ sơ có thể cho kết quả đánh giá khác nhau; doanh nghiệp có nguy cơ xác định sai đối tượng, điều chỉnh hồ sơ hoặc bị truy thu thuế. Ban hành công thức chuẩn: quy đổi thu nhập theo tỷ giá do cơ quan có thẩm quyền công bố; tính bình quân theo số tháng làm việc thực tế; đối chiếu từng phần thu nhập với ngưỡng GDP của quốc gia nơi khoản thu nhập đó phát sinh, sau đó tổng hợp theo tỷ trọng thời gian.	**Tiếp thu một phần.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, quy định phương pháp xác định tiêu chí thu nhập đối với nhân sự làm việc tại từ hai quốc gia, vùng lãnh thổ trở lên trong 02 năm gần nhất. Theo đó, tiêu chí được xác định trên cơ sở tính bình quân tỷ lệ giữa thu nhập từ hoạt động công nghiệp công nghệ số và mức thu nhập tối thiểu tương ứng quy định tại các điểm a, b và

				c khoản này, có tính đến thời gian làm việc tại từng quốc gia, vùng lãnh thổ; nhân sự đáp ứng tiêu chí khi tỷ lệ bình quân đạt từ 01 trở lên. Việc quy định nguyên tắc tính bình quân có trọng số theo thời gian làm việc và đối chiếu với mức thu nhập tối thiểu tương ứng tại từng quốc gia, vùng lãnh thổ nhằm bảo đảm thống nhất phương pháp xác định tiêu chí đối với nhân sự làm việc tại nhiều nơi. Đối với kiến nghị quy định công thức tính chi tiết, tỷ giá quy đổi tiền tệ và phương pháp xác định số liệu GDP tham chiếu, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung tại Điều 6 nhằm tránh quy định quá chi tiết về phương pháp tính toán; việc quy đổi tiền tệ và xác định số liệu tham chiếu thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan và nguồn công bố được xác định tại Điều 6.

			Chưa có danh mục chứng từ thay thế khi tài liệu thu nhập do nước ngoài cấp không đồng nhất về mẫu, ngôn ngữ hoặc kỳ xác nhận. Doanh nghiệp mất nhiều thời gian hợp pháp hóa, dịch thuật và bổ sung hồ sơ; việc áp dụng ưu đãi có thể bị chậm. Đề nghị công bố danh mục hồ sơ tối thiểu theo hướng đơn giản, gồm: chứng từ khấu trừ thuế tại nước sở tại; hoặc văn bản, chứng nhận xác nhận thu nhập và số thuế đã khấu trừ, đã kê khai hoặc đã nộp do người sử dụng lao động, cơ quan thuế hoặc tổ chức có thẩm quyền của nước sở tại cấp. Trường hợp quốc gia nơi người lao động làm việc không cấp đúng loại chứng từ nêu trên, cho phép sử dụng tài liệu có giá trị tương đương kèm bản dịch theo quy định.	**Tiếp thu một phần.** Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao căn cứ vào thu nhập, thời gian và quốc gia, vùng lãnh thổ nơi nhân sự làm việc; không quy định riêng về thành phần hồ sơ, chứng từ chứng minh thu nhập. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận kiến nghị về việc chấp nhận các loại chứng từ chứng minh thu nhập có giá trị tương đương do người sử dụng lao động, cơ quan thuế hoặc tổ chức có thẩm quyền tại nước ngoài cấp. Tuy nhiên, do hình thức, giá trị pháp lý và yêu cầu xác thực chứng từ tại các quốc gia, vùng lãnh thổ có sự khác biệt, việc quy định danh mục chứng từ cụ thể hoặc cơ chế công nhận tài liệu thay thế cần bảo đảm thống nhất với

				pháp luật về chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự và pháp luật có liên quan. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung danh mục chứng từ chứng minh thu nhập tại Điều 6 dự thảo Nghị định; việc sử dụng, dịch thuật và xác thực tài liệu do nước ngoài cấp thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.
IV. VIỆN, TRƯỜNG				
1	Học viện Kỹ thuật mật mã	Tại điểm đ khoản 1 Điều 16a	1. Tại điểm đ khoản 1 Điều 16a, dự thảo Nghị định đã quy định về cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Đồng thời, Điều 22a quy định về cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm. Đây là những nội dung quan trọng nhằm tạo điều kiện cho việc thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong môi trường có kiểm soát. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm, dịch vụ có kết nối mạng, xử lý dữ liệu hoặc liên quan đến các hệ thống thông tin quan trọng, cần quan tâm đầy đủ hơn đến các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong suốt quá trình thử	**Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định các yêu cầu về bảo đảm an toàn, an ninh và kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm tại Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 24 và Điều 33. Đồng thời, điểm đ khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Đối với từng sản phẩm, dịch vụ,

			nghiệm. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung các yêu cầu cụ thể về bảo vệ dữ liệu, kiểm soát truy cập, đánh giá lỗ hổng bảo mật, giám sát và ứng phó sự cố. Đồng thời, xem xét yêu cầu đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng trước và trong quá trình thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ có rủi ro cao. Các yêu cầu cần được xác định phù hợp với tính chất và mức độ rủi ro của từng sản phẩm, dịch vụ, bảo đảm an toàn mà không tạo ra rào cản không cần thiết đối với hoạt động đổi mới sáng tạo.	các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu, kiểm soát truy cập, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng và ứng phó sự cố được xem xét, xác định trên cơ sở đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, đối tượng và mức độ rủi ro của hoạt động thử nghiệm, làm cơ sở quyết định các điều kiện, biện pháp kiểm soát rủi ro trong Quyết định cấp phép thử nghiệm. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định đã quy định cơ chế áp dụng pháp luật trong quá trình thử nghiệm, bao gồm việc cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác một số quy định pháp luật trong phạm vi, thời gian, đối tượng và điều kiện thử nghiệm được cấp phép theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung các yêu cầu kỹ thuật chi tiết, áp dụng chung cho mọi sản phẩm, dịch vụ tại Nghị định

				này nhằm tránh trùng lặp quy định, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong xác định và áp dụng các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro phù hợp với từng hoạt động thử nghiệm.
		Khoản 2, khoản 3 Điều 16 và khoản 8 Điều 25	2. Khoản 2, khoản 3 Điều 16 và khoản 8 Điều 25 dự thảo quy định trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong quản lý, thẩm định và cấp phép thử nghiệm tại khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Tuy nhiên, dự thảo chưa quy định cơ chế lấy ý kiến cơ quan chuyên ngành, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và chuyên gia có năng lực phù hợp khi thẩm định các sản phẩm, dịch vụ có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc tiềm ẩn rủi ro cao (đặc biệt trong lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng). Đề nghị xem xét bổ sung cơ chế tham vấn bắt buộc đối với các trường hợp này, với nội dung tham vấn tập trung vào tính an toàn, khả năng kiểm soát rủi ro và phương án xử lý sự cố. Trong đó, quy định rõ thời hạn lấy ý kiến, trách nhiệm phối hợp, xử lý ý kiến chuyên môn và cơ chế giải quyết khi có ý kiến trái chiều, bảo đảm việc thẩm định có căn cứ, khách quan và khả thi.	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 16 theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn; cơ quan chuyên môn được phân công thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý và giám sát hoạt động thử nghiệm. Đồng thời, khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Điểm e khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của

				các cơ quan, đơn vị có liên quan. Đây là cơ sở để tổ chức phối hợp, lấy ý kiến chuyên môn trong quá trình thẩm định các sản phẩm, dịch vụ có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc tiềm ẩn rủi ro cao. Việc quy định tham vấn bắt buộc đối với tất cả các trường hợp có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc rủi ro cao có thể phát sinh thêm khâu xử lý, kéo dài thời gian thẩm định. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy trình tham vấn bắt buộc riêng tại Nghị định này; việc phối hợp, lấy ý kiến chuyên môn được thực hiện phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.
2	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 1 Điều 2 (bổ sung khoản 1 Điều 15a), trang 2	Đề xuất bổ sung nội dung: Nguyên tắc xác định địa bàn quản lý khi nền tảng số/AI có máy chủ, dữ liệu hoặc người sử dụng ở nhiều tỉnh: căn cứ phạm vi hoạt động và đối tượng thử nghiệm tại địa phương, không chỉ vị trí máy chủ. Làm	**Tiếp thu** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại khoản 3 Điều 18 theo hướng xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đối với hoạt động

			rõ trường hợp phải xin phép ở từng tỉnh khi phạm vi thử nghiệm vượt một địa phương.	trên môi trường số căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng và phạm vi, đối tượng tham gia thử nghiệm; địa điểm đặt máy chủ, hạ tầng kỹ thuật hoặc nơi vận hành nền tảng không phải là căn cứ duy nhất để xác định địa bàn quản lý. Đồng thời, Quyết định cấp phép phải xác định các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm kiểm soát hoạt động thử nghiệm trong phạm vi, đối tượng được cấp phép. Đối với hoạt động thử nghiệm được triển khai trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc địa bàn quản lý của mình; các địa phương có trách nhiệm phối hợp trong quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro và xử lý sự

				cố phát sinh trong quá trình thử nghiệm.
		Khoản 2 Điều 2 (bổ sung khoản 2 Điều 15b), trang 2	Đề xuất bổ sung nội dung: Hướng dẫn hồ sơ đối với dự án hợp tác giữa trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện và doanh nghiệp: ghi rõ tư cách pháp lý, vai trò của từng bên, đơn vị vận hành, đầu mối xử lý sự cố và trách nhiệm quản lý dữ liệu.	**Giải trình** Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm, trong đó có các tài liệu về nội dung, kế hoạch thử nghiệm, phương án bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Đối với hoạt động thử nghiệm có sự tham gia của nhiều tổ chức như trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện và doanh nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép có trách nhiệm xác định vai trò, nhiệm vụ của các bên tham gia, đơn vị vận hành, đầu mối xử lý sự cố và phương án quản lý dữ liệu trong hồ sơ, phù hợp với tính chất, phạm vi hoạt động thử nghiệm. Các nội dung này được xem xét trong quá trình thẩm định hồ sơ và xác định điều kiện cấp phép đối với

				từng sản phẩm, dịch vụ. Do mô hình hợp tác và trách nhiệm của các bên có sự khác biệt tùy theo từng hoạt động thử nghiệm, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung thành phần hồ sơ riêng đối với dự án hợp tác nhiều bên, bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 24 và tránh phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết.
		Khoản 3 Điều 2 (sửa đổi Điều 16), trang 2–3	Đề xuất bổ sung nội dung: Cơ chế phối hợp với thử nghiệm cùng một sản phẩm tại nhiều tỉnh: xác định đầu mối trao đổi liên tỉnh, chia sẻ hồ sơ và kết quả thẩm định phần kỹ thuật chung bằng phương thức điện tử; mỗi địa phương chỉ thẩm định bổ sung điều kiện, rủi ro riêng của địa bàn và tự quyết định cấp phép theo thẩm quyền. Tránh buộc đơn vị nộp lại nhiều bộ tài liệu giống nhau.	**Tiếp thu một phần** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định, quy định trường hợp hoạt động thử nghiệm được triển khai trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc địa bàn quản lý của mình. Đồng thời, các địa phương được trao đổi, sử dụng kết quả thẩm định đã thực hiện đối với những nội dung chung của hoạt động thử

				nghiệm và phối hợp trong quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố phát sinh. Đối với kiến nghị quy định cụ thể đầu mối trao đổi liên tỉnh, phương thức chia sẻ hồ sơ điện tử và giới hạn nội dung thẩm định của từng địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định bắt buộc tại Nghị định, nhằm bảo đảm tính chủ động của địa phương trong tổ chức thẩm định, cấp phép và chịu trách nhiệm đối với hoạt động thử nghiệm thuộc phạm vi quản lý.
		Khoản 3 Điều 2 (sửa đổi khoản 4 Điều 16), trang 3	Đề xuất bổ sung nội dung: Quy định rõ quan hệ với pháp luật chuyên ngành: nếu lĩnh vực đã có cơ chế thử nghiệm riêng thì áp dụng quy định chuyên ngành; giấy phép thử nghiệm theo Nghị định này không thay thế chấp thuận/giấy phép chuyên ngành khác. Với hồ sơ cần ý kiến chuyên môn về y tế, dữ liệu, an toàn hệ thống..., xác định đầu mối lấy ý kiến và cách phối hợp, không tạo thêm bước tham vấn bắt buộc cho mọi trường hợp.	**Giải trình** Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đáp ứng điều kiện tại Điều 15. Việc áp dụng cơ chế này được xem xét trên cơ sở tính chất sản phẩm, dịch vụ, phạm vi hoạt động thử nghiệm và các quy định của pháp luật có liên

				quan, bảo đảm không chồng chéo với cơ chế thử nghiệm theo pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định đã được sửa đổi theo hướng cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác một số quy định pháp luật được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép thử nghiệm, trong phạm vi, thời gian, đối tượng và điều kiện thử nghiệm được cấp phép. Theo đó, các yêu cầu pháp lý chuyên ngành được xem xét trong quá trình thẩm định để xác định cơ chế pháp lý áp dụng và các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro tương ứng, không mặc nhiên yêu cầu thực hiện đầy đủ các thủ tục, điều kiện chuyên ngành đã được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác. Về phối hợp thẩm định, khoản 3 và khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan chuyên môn được Ủy ban

				nhân dân cấp tỉnh phân công và trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc lấy ý kiến chuyên môn được thực hiện phù hợp với đặc điểm, mức độ phức tạp và rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm, không bổ sung bước tham vấn bắt buộc áp dụng chung cho mọi trường hợp. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định, bảo đảm sự thống nhất với pháp luật chuyên ngành, đồng thời duy trì tính linh hoạt và hiệu quả của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.
		Khoản 4 Điều 2 (bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 16a), trang 3	Đề xuất bổ sung nội dung: Quy định nội dung tối thiểu của cơ chế quản lý rủi ro theo mức độ ảnh hưởng: chủ thể chịu trách nhiệm; nhật ký và quyền truy cập hệ thống; chỉ số giám sát, ngưỡng cảnh báo/tạm dừng; kênh thông báo sự cố, biện pháp khắc phục. Với AI ảnh hưởng sức khỏe hoặc quyền lợi cá nhân, yêu cầu xác định cách kiểm tra an toàn và giám sát	**Giải trình** Điều 15, Điều 19, Điều 22 và Điều 33 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định các yêu cầu về bảo đảm an toàn, quản lý, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và giám sát hoạt động thử nghiệm. Đồng thời, điểm đ khoản 1 Điều

			của con người theo pháp luật chuyên ngành.	16a dự thảo Nghị định quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố. Theo đó, các nội dung cụ thể về chủ thể chịu trách nhiệm, nhật ký hệ thống, chỉ số giám sát, ngưỡng cảnh báo, tạm dừng thử nghiệm, thông báo và khắc phục sự cố được xác định phù hợp với tính chất, phạm vi và mức độ rủi ro của từng hoạt động thử nghiệm, làm cơ sở xem xét, quyết định các điều kiện và biện pháp kiểm soát rủi ro trong Quyết định cấp phép. Đối với hoạt động thử nghiệm hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, các yêu cầu về đánh giá an toàn, quản lý rủi ro và giám sát của con người được xem xét trên cơ sở Luật Trí tuệ nhân tạo, Nghị định số 142/2026/NĐ-CP và cơ chế pháp lý được phép áp dụng trong quá trình

				thử nghiệm. Do tính chất và mức độ rủi ro của các sản phẩm, dịch vụ khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung một bộ yêu cầu kỹ thuật chi tiết áp dụng chung cho mọi hoạt động thử nghiệm, nhằm tránh trùng lặp quy định và bảo đảm tính linh hoạt của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.
		Khoản 4 Điều 2 (bổ sung điểm g khoản 1 Điều 16a), trang 4	Đề xuất bổ sung nội dung: Phương án nêu tối thiểu đơn vị vận hành, hạ tầng thiết yếu, nhân sự giám sát kỹ thuật, kinh phí duy trì và nguồn lực ứng phó sự cố. Cho phép huy động nguồn lực hợp pháp từ trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý khi phối hợp, tránh giả định mọi địa phương đều có sẵn năng lực chuyên môn tương đương.	**Giải trình** Điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố; cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan và nguồn lực bảo đảm tổ chức triển khai. Đây là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cụ thể yêu cầu về đơn vị vận hành, hạ tầng, nhân sự kỹ

				thuật, kinh phí và nguồn lực ứng phó sự cố phù hợp với mục tiêu, quy mô, tính chất của từng khu vực thử nghiệm. Dự thảo Nghị định không hạn chế việc huy động các nguồn lực hợp pháp từ trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan để tham gia cung cấp hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, vận hành và giám sát hoạt động thử nghiệm. Việc xác định trách nhiệm phối hợp được thực hiện trong Phương án tổ chức khu vực, không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 16. Do điều kiện hạ tầng, nhân lực, nguồn lực và yêu cầu kỹ thuật của từng khu vực thử nghiệm khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định một mô hình tổ chức vận hành và định mức nguồn lực bắt buộc áp dụng chung cho mọi khu vực,

				nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực tổ chức thực hiện của từng địa phương.
		Khoản 4 Điều 2 (bổ sung khoản 5 Điều 16a), trang 5	Đề xuất bổ sung nội dung: Quy định tối thiểu trong phương án chuyển tiếp: thời điểm dừng hoạt động/thu thập dữ liệu; thông báo cho bên tham gia (trừ trường hợp cần dừng khẩn cấp); trách nhiệm lưu trữ, hoàn trả hoặc xóa dữ liệu theo pháp luật; bảo vệ quyền lợi người tham gia; xử lý sự cố và nghĩa vụ báo cáo sau khi kết thúc. Tránh chấm dứt khu vực nhưng bỏ ngỏ trách nhiệm với dữ liệu và người tham gia.	**Giải trình** Khoản 3 và khoản 4 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm phải xác định phương án xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện. Đồng thời, khoản 5 Điều 17a quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động thử nghiệm và xử lý các vấn đề chuyển tiếp có liên quan. Theo đó, các nội dung về thời điểm dừng hoạt động, thông báo cho các bên tham gia, xử lý dữ liệu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, khắc phục sự cố và thực hiện nghĩa vụ báo cáo được xem xét, xác định trong

				phương án xử lý, chuyển tiếp phù hợp với tính chất, phạm vi và điều kiện của từng hoạt động thử nghiệm. Do các hoạt động thử nghiệm có đặc điểm, mức độ rủi ro và yêu cầu xử lý dữ liệu khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định chi tiết một phương án chuyển tiếp áp dụng chung cho mọi trường hợp, bảo đảm tính linh hoạt trong xử lý, đồng thời duy trì trách nhiệm của các bên liên quan đối với dữ liệu, an toàn và quyền lợi của người tham gia thử nghiệm.
		Khoản 8 Điều 2 (bổ sung khoản 2 Điều 22a), trang 6	Đề xuất chỉnh sửa nội dung: Thống nhất thuật ngữ ở Điều 22a khoản 2: cụm "được phép áp dụng" cần đối chiếu với "được phép áp dụng khác" tại Điều 22 khoản 1.	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a; đồng thời thống nhất sử dụng cụm từ "được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác" tại điểm c khoản 1 Điều 16a và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, bảo đảm

				thống nhất về thuật ngữ và cơ chế pháp lý áp dụng trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.
		Khoản 3 Điều 4. Quy định chuyển tiếp, trang 8	Đề xuất bổ sung nội dung: Nguyên tắc tái sử dụng kết quả thẩm định kỹ thuật, đánh giá an toàn và tài liệu còn hiệu lực từ hồ sơ cấp phép trước khi chuyển vào khu vực (nếu phù hợp Phương án khu vực), thay vì chỉ cho sử dụng lại nội dung đã kê khai trong Đơn. Chỉ thẩm định bổ sung những điểm thay đổi; tránh phát sinh việc thẩm định lại toàn bộ hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét.	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng cho phép tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động thử nghiệm đã được cấp phép trước ngày Nghị định có hiệu lực, khi chuyển vào khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, được sử dụng lại hồ sơ, tài liệu và kết quả thẩm định đã có, còn hiệu lực và phù hợp với Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; không phải cung cấp, thẩm định lại các nội dung đã được đánh giá và không có thay đổi. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định quy định các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm không phải thẩm

				định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Các quy định này nhằm hạn chế việc cung cấp lại tài liệu, thẩm định trùng lặp, đồng thời bảo đảm đánh giá các nội dung thay đổi và rủi ro phát sinh khi chuyển hoạt động thử nghiệm vào khu vực.
3	Trường Đại học Vinh	Điều 1 dự thảo, sửa câu dẫn Điều 5 NĐ 353 (và câu dẫn khoản 2 Điều 6 NĐ 353).	Dẫn khoản 4 Điều 3 Luật CNCNS, nhưng làm rõ để không thu hẹp nhóm người làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học (Điều 8 NĐ 353). Đề xuất bổ sung sau cụm dẫn Luật: "tham gia hoạt động quy định tại Điều 13 Luật này, kể cả nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, kiểm thử sản phẩm và đào tạo,"; hoặc nêu rõ cách hiểu này trong thuyết minh.	**Tiếp thu** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không tiếp tục sửa đổi Điều 5 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, giữ nguyên quy định hiện hành về các nhóm đối tượng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, trong đó có nhóm nhân lực làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học theo Điều 8. Việc sửa đổi khoản 2 Điều 6 chỉ nhằm làm rõ tiêu chí đối

				với nhân sự tham gia thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, bảo đảm phù hợp với khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số, không làm thay đổi hoặc thu hẹp phạm vi đối tượng quy định tại Điều 8 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung dẫn chiếu Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số như kiến nghị.
		Khoản 1, 2, 4 Điều 2 dự thảo (Điều 15a, 15b, 16a mới): vai trò của cơ sở giáo dục đại học; ranh giới hoạt động phải cấp phép; huy động nguồn lực.	(a) Điều 15a, 15b: làm rõ tiêu chí phân biệt hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng thông thường (thực hiện theo pháp luật hiện hành) với hoạt động phải cấp phép thử nghiệm, dựa trên khoản 1 Điều 21 Luật KHCN&ĐMST và Điều 15 NĐ 353 (sản phẩm, dịch vụ mà pháp luật chưa quy định hoặc quy định khác, được giới hạn về phạm vi, thời gian, không gian). (b) Điều 16a khoản 1 (điểm e, g): làm rõ vai trò của tổ chức đề xuất, tổ chức phối hợp, tổ chức cung cấp hạ tầng, kỹ thuật (kể cả cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên	**a) Tiếp thu.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 1 Điều 15b dự thảo Nghị định theo hướng chỉ quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm; không tiếp tục liệt kê các hoạt động nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng, đánh giá. Việc chỉnh lý nhằm bảo đảm

			cứu), và việc các bên thỏa thuận bằng văn bản về phạm vi trách nhiệm, kinh phí vận hành, quyền đối với dữ liệu và kết quả nghiên cứu. (c) Làm rõ tại Điều 16a hoặc Mẫu TNCNS12: việc sử dụng tài sản công, hạ tầng của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo thỏa thuận; việc xác định khu vực không có nghĩa là được dùng miễn phí tài sản công, hay được chuyển quyền sở hữu dữ liệu, kết quả nghiên cứu.	thống nhất với khoản 1 Điều 21 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, tránh cách hiểu các hoạt động nghiên cứu, phát triển, trình diễn, kiểm chứng thông thường cũng thuộc diện phải cấp phép thử nghiệm có kiểm soát. **b) Giải trình.** Điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan và nguồn lực bảo đảm tổ chức triển khai. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan có thể tham gia cung cấp hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, vận hành hoạt động thử nghiệm. Vai trò, trách nhiệm,

				kinh phí và quyền lợi của các bên được xác định theo phạm vi tham gia, thỏa thuận hợp tác và quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, khoản 3 Điều 15b không yêu cầu xác định trước từng sản phẩm, dịch vụ và tổ chức, doanh nghiệp tham gia khi xác định khu vực thử nghiệm. Do đó, việc yêu cầu Phương án tổ chức khu vực phải xác định đầy đủ các bên tham gia và thỏa thuận cụ thể ngay từ thời điểm xác định khu vực là chưa phù hợp. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định tại dự thảo Nghị định. **c) Giải trình.** Việc xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát không làm phát sinh quyền sử dụng miễn phí tài sản công, hạ tầng của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc chuyển giao quyền sở hữu, quyền khai thác dữ liệu, kết quả nghiên cứu cho tổ chức,

				doanh nghiệp tham gia thử nghiệm. Việc huy động, sử dụng tài sản công, hạ tầng và xác lập quyền đối với dữ liệu, kết quả nghiên cứu được thực hiện theo pháp luật có liên quan và thỏa thuận hợp pháp giữa các bên. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng tại Điều 16a hoặc Mẫu số TNCNS12 nhằm tránh trùng lặp với các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, dữ liệu và sở hữu trí tuệ.
		Khoản 3, 4, 6 Điều 2 dự thảo (Điều 16, 16a, khoản 2 Điều 18), Mẫu TNCNS01: thử nghiệm có địa bàn, người dùng, hạ tầng hoặc dữ liệu ở từ 02 tỉnh trở lên, kể cả không gian số.	Bổ sung nguyên tắc vào Điều 16 hoặc Điều 18: khi thử nghiệm có không gian, đối tượng, hạ tầng hoặc dữ liệu ở từ 02 tỉnh trở lên (kể cả không gian số): (i) xác định cơ quan đầu mối tiếp nhận; (ii) các tỉnh chia sẻ thông tin qua Cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số, không yêu cầu tổ chức nộp lại cùng hồ sơ hoặc làm lại báo cáo cho từng tỉnh; (iii) báo cáo theo Điều 34 NĐ 353 nộp một lần; (iv) cách xử lý khi quyết định của các tỉnh khác nhau về cùng	**Tiếp thu một phần** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định, quy định trường hợp hoạt động thử nghiệm được triển khai trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp phép đối với phần hoạt động thử nghiệm thuộc địa bàn quản lý của mình. Các địa phương được

			nội dung. Khoản 2 Điều 18 (không gian số): làm rõ cơ quan có thẩm quyền khi hệ thống, nền tảng hoặc nhóm người dùng ở nhiều tỉnh.	trao đổi, sử dụng kết quả thẩm định đối với những nội dung chung đã được đánh giá và phối hợp trong quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố phát sinh. Đồng thời, khoản 3 Điều 18 đã được chỉnh lý theo hướng xác định không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đối với hoạt động trên môi trường số căn cứ vào địa bàn nơi sản phẩm, dịch vụ được trực tiếp triển khai, cung cấp, sử dụng và phạm vi, đối tượng tham gia thử nghiệm; địa điểm đặt máy chủ, hạ tầng kỹ thuật hoặc nơi vận hành nền tảng không phải là căn cứ duy nhất để xác định địa bàn quản lý. Quyết định cấp phép phải xác định các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm kiểm soát hoạt động thử nghiệm trong phạm vi, đối tượng được cấp phép. Đối với kiến nghị quy định một đầu mối tiếp nhận, chia sẻ hồ sơ qua các hệ thống

				thông tin, nộp báo cáo một lần và cơ chế xử lý khi quyết định của các tỉnh khác nhau, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị chưa bổ sung cơ chế bắt buộc tại Nghị định. Việc cấp phép và quản lý hoạt động thử nghiệm thuộc thẩm quyền của từng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với phần hoạt động trên địa bàn; việc trao đổi thông tin, sử dụng kết quả thẩm định và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh được thực hiện theo khoản 5 Điều 16, bảo đảm trách nhiệm của từng địa phương trong phạm vi quản lý.
		Khoản 3, 5 Điều 2 dự thảo (Điều 16, 17a) và Điều 19, 26 đến 31 NĐ 353: thẩm quyền tạm dừng, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc; phối hợp với cơ quan quản lý ngành.	(a) Điều 16: ghi rõ trong Nghị định thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc, đánh giá kết quả đối với thử nghiệm ngoài khu vực (điểm a khoản 1 chỉ nêu cấp phép; Báo cáo đánh giá TTHC nêu "theo cơ quan đã cấp phép"); và thẩm quyền tạm dừng đối với thử nghiệm trong khu vực (khoản 3 không nêu tạm dừng), kèm dẫn chiếu Điều 19 NĐ 353. (b) Điều 16a khoản 1 và Điều 22a: quy	**a) Tiếp thu.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định theo hướng thống nhất giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền cấp phép, gia hạn, tạm dừng, tiếp tục, điều chỉnh, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm

			định thời điểm và hình thức tham gia ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh khi Phương án xác định quy định được không áp dụng hoặc áp dụng khác; không thêm bước bắt buộc đối với từng hồ sơ cấp phép trong khu vực; nêu rõ giấy phép thử nghiệm không thay thế giấy phép, điều kiện chuyên ngành mà Phương án không xác định.	có kiểm soát trên địa bàn, bao gồm cả hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực thử nghiệm. Khoản 3 Điều 16 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quản lý, theo dõi và giám sát hoạt động thử nghiệm; việc phân công không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. **b) Giải trình.** Điểm c khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, phạm vi, giới hạn áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Điểm e khoản 1 Điều 16a quy định cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp

				của các cơ quan, đơn vị có liên quan; khoản 4 Điều 16 quy định trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng về thời điểm, hình thức và thời hạn tham gia ý kiến của cơ quan chuyên ngành tại Nghị định nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức phối hợp, không phát sinh thêm thủ tục bắt buộc đối với từng hồ sơ cấp phép. Đối với việc áp dụng pháp luật chuyên ngành, khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định đã quy định cơ chế cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác các quy định pháp luật được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép thử nghiệm, phù hợp với cơ chế pháp lý của khu vực thử nghiệm. Các quy định

				chuyên ngành không thuộc phạm vi cơ chế pháp lý được cấp phép tiếp tục được áp dụng theo quy định tương ứng.
		Khoản 7, 8, 12 Điều 2 dự thảo (khoản 1 Điều 22 NĐ 353, Điều 22a mới, Mẫu TNCNS01, 02, 12): căn cứ và giới hạn của quy định được không áp dụng, áp dụng khác; bảo vệ người tham gia, nhất là người học.	(a) Điều 22a khoản 2 và Mẫu TNCNS12: yêu cầu quyết định nêu rõ từng văn bản, điều, khoản được không áp dụng, áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế, kèm biện pháp bảo vệ người tham gia tương ứng; phân biệt trường hợp "pháp luật chưa quy định" với "quy định khác". Đối với quy định tại văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý và trình tự (có liên hệ khoản 6 Điều 21 Luật KHCN&ĐMST) để quyết định cấp tỉnh không vượt phạm vi Nghị định cho phép. (b) Rà soát, thống nhất cụm từ "được phép áp dụng khác" tại khoản 2 Điều 22a với khoản 1 Điều 22 và các biểu mẫu liên quan; làm rõ phạm vi áp dụng biện pháp quản lý thay thế đối với thử nghiệm trong và ngoài khu vực. (c) Kiến nghị chính sách: với thử nghiệm trong giáo dục có dùng dữ liệu người học, trí tuệ nhân tạo, phân tích học tập hoặc đánh giá, đề nghị Phương án và Quyết	**a) Tiếp thu, làm rõ** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng không tiếp tục bổ sung Điều 22a. Điểm c khoản 1 Điều 16a quy định Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phải xác định cụ thể các quy định pháp luật được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác, căn cứ pháp lý, phạm vi, giới hạn áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng. Các nội dung này được cụ thể hóa tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm và Quyết định cấp phép đối với từng hoạt động thử nghiệm. Việc xác định cơ chế pháp lý đặc thù phải bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, phạm vi và giới hạn thẩm quyền theo Điều 21 Luật Khoa học, công

			định (điểm d khoản 1, 2 Điều 16a; mục 7 Mẫu TNCNS12) nêu rõ biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền lợi người học: thông tin, sự đồng ý theo pháp luật, quyền không tham gia mà không ảnh hưởng quyền lợi học tập, xem xét lại kết quả đánh giá tự động, xử lý dữ liệu khi kết thúc. Xem xét loại bỏ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của người tham gia ra khỏi diện miễn áp dụng.	nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có khoản 6 Điều 21. Trường hợp pháp luật chưa có quy định được phân biệt với trường hợp cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác quy định pháp luật hiện hành. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định danh mục miễn trừ pháp lý áp dụng chung cho mọi khu vực thử nghiệm mà xác định cụ thể theo tính chất, phạm vi và điều kiện của từng hoạt động thử nghiệm. **b) Tiếp thu.** Dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng không bổ sung Điều 22a; đồng thời thống nhất sử dụng cụm từ "được phép không áp dụng hoặc áp dụng khác" tại điểm c khoản 1 Điều 16a, khoản 1 Điều 22 và các biểu mẫu liên quan. Cơ chế pháp lý áp dụng đối với từng hoạt động thử nghiệm được xác định cụ thể

				trong Quyết định cấp phép. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, cơ chế này phải phù hợp với cơ chế pháp lý được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm; đối với hoạt động ngoài khu vực, được xem xét, quyết định theo hồ sơ và phương án thử nghiệm tương ứng. **c) Giải trình.** Điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định các yêu cầu về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm an toàn, an ninh; quản lý, giám sát, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố trong khu vực thử nghiệm. Đối với hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực giáo dục có sử dụng dữ liệu người học hoặc hệ thống trí tuệ nhân tạo, các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm quyền lợi người học, giám sát

				kết quả đánh giá và xử lý dữ liệu khi kết thúc thử nghiệm được xem xét, xác định phù hợp với tính chất, phạm vi, mức độ rủi ro và cơ chế pháp lý áp dụng đối với từng hoạt động thử nghiệm. Khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định đã quy định cơ chế cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác các quy định pháp luật được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép, trong phạm vi, thời gian, đối tượng và điều kiện thử nghiệm. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung quy định riêng về các biện pháp bảo vệ dữ liệu và quyền lợi người học tại Nghị định này, bảo đảm tính thống nhất, linh hoạt của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và yêu cầu quản lý rủi ro đối với từng sản phẩm, dịch vụ.
		Khoản 9, 10, 11 Điều 2 dự thảo (khoản 7 Điều 24, khoản 8 Điều 25;	(a) Điểm b khoản 7 Điều 24 và điểm c, d khoản 8 Điều 25: giữ giới hạn "không yêu cầu cung cấp lại"; làm rõ việc yêu cầu	**a) Giải trình.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Nghị định

		thay “15 ngày” tại khoản 3, 5 Điều 25, khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 31 NĐ 353).	thông tin trong quá trình thẩm định: bằng văn bản, nêu rõ nội dung cần làm rõ, số lần, thời hạn tổ chức trả lời, và thời gian chờ có được tính vào 25 ngày làm việc hay không. (b) Khoản 11 Điều 2: rà soát từng vị trí thay “15 ngày”. Phân biệt thời hạn dành cho tổ chức (bổ sung, giải trình tại khoản 3, 5 Điều 25), thời hạn xử lý của cơ quan (khoản 2 Điều 29, 31) và mốc gắn với ngày kết thúc thử nghiệm (khoản 2 Điều 27); nêu rõ cách tính (ngày hay ngày làm việc) trong thuyết minh và Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-SĐBS.	theo hướng không tiếp tục bổ sung khoản 7 Điều 24 và khoản 8 Điều 25 về hồ sơ, trình tự cấp phép riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Việc tiếp nhận, yêu cầu bổ sung, giải trình và thẩm định hồ sơ được thực hiện thống nhất theo Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định quy định thời hạn thẩm định hồ sơ đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Các nội dung chung đã được xác định, đánh giá trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm không phải thẩm định lại, trừ trường hợp cần thiết để đánh giá rủi ro cụ thể của hoạt động thử nghiệm hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến các điều kiện đã được xác định. Do đó, cơ quan chủ trì soạn

				thảo đề nghị không bổ sung quy trình riêng về yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. **b) Tiếp thu.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý quy định về thời hạn tại dự thảo Nghị định theo hướng thay cụm từ "15 ngày" bằng "11 ngày làm việc" tại khoản 3, khoản 5 Điều 25 và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; đồng thời chỉnh lý khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31 theo hướng quy định rõ thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Việc chỉnh lý nhằm làm rõ và thống nhất đơn vị tính thời hạn, đồng thời phân biệt thời hạn tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc bổ sung, giải trình hồ sơ; thời hạn xử lý hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền; và thời hạn gắn với thời điểm kết thúc thử nghiệm.

				Các nội dung điều chỉnh thời hạn được rà soát, cập nhật tương ứng trong tài liệu thuyết minh và hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính.
		Điều 4 dự thảo (khoản 1, 2, 3, 5) và khoản 4 Điều 2 dự thảo (khoản 3, 5 Điều 16a): chuyển tiếp giấy phép liên tỉnh; điều chỉnh, chấm dứt khu vực thử nghiệm.	(a) Bổ sung vào Điều 4: xác định cơ quan kế thừa, thời điểm chuyển giao và phạm vi trách nhiệm đối với giấy phép do Bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp trước ngày 01/3/2027 (gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, kết thúc, xác nhận hoàn thành, báo cáo, hồ sơ). Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc một trong hai phương án: (1) cơ quan đã cấp phép tiếp tục xử lý đến hết hạn giấy phép; hoặc (2) bàn giao hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền vào thời điểm xác định, có thông báo cho tổ chức và các tỉnh liên quan. (b) Khoản 3, 5 Điều 16a: giữ yêu cầu xác định biện pháp xử lý, chuyển tiếp; làm rõ nội dung tối thiểu gồm thời hạn thông báo trước cho tổ chức và người tham gia, quyền lợi của người tham gia, xử lý dữ liệu, hạ tầng và kết quả nghiên cứu đã hình thành.	**a) Tiếp thu.** Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý quy định chuyển tiếp tại Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng các quyết định cấp phép thử nghiệm được ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục có giá trị theo thời hạn và nội dung đã được cấp phép. Đối với các giấy phép do Bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực, cơ quan đã ban hành quyết định tiếp tục thực hiện thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thử nghiệm, bao gồm gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, tiếp tục, kết thúc và đánh giá kết quả thử nghiệm; đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân

				dân cấp tỉnh có liên quan trong quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm trên địa bàn. Như vậy, dự thảo đã xác định rõ trách nhiệm của cơ quan đã cấp phép đối với các hoạt động thử nghiệm chuyển tiếp, không đặt ra việc bàn giao đồng loạt hồ sơ, giấy phép cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi Nghị định có hiệu lực. **b) Giải trình.** Khoản 3 và khoản 4 Điều 16a dự thảo Nghị định đã quy định việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động khu vực thử nghiệm phải xác định phương án xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện. Đồng thời, khoản 5 Điều 17a quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động thử nghiệm và xử lý các

				vấn đề chuyển tiếp có liên quan. Theo đó, các nội dung về thời điểm, hình thức thông báo, bảo vệ quyền lợi người tham gia, xử lý dữ liệu, hạ tầng và kết quả nghiên cứu được xem xét, xác định trong phương án xử lý, chuyển tiếp phù hợp với tính chất, phạm vi và điều kiện thực tế của từng hoạt động thử nghiệm. Do tính chất, mức độ rủi ro và yêu cầu xử lý chuyển tiếp của từng trường hợp khác nhau, đặc biệt đối với trường hợp cần chấm dứt khẩn cấp để bảo đảm an toàn, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định cứng thời hạn thông báo trước và các nội dung chi tiết áp dụng chung cho mọi trường hợp; giữ quy định tại dự thảo Nghị định để bảo đảm tính linh hoạt và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.
		Báo cáo đánh giá TTHC; Bảng chi phí tuân thủ	(a) Tính riêng chi phí tuân thủ cho ba trường hợp: trong khu vực (hồ sơ chỉ gồm	**Tiếp thu**

		(Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM); Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-SĐBS.	Mẫu TNCNS01), ngoài khu vực, liên tỉnh. (b) Giải trình giả định của mức giảm 50% (233.711.200 đồng/năm xuống 116.855.600 đồng/năm): chi phí đơn vị giữ nguyên (3.728.165 đồng/lần với thủ tục đề nghị thử nghiệm; 2.652.465 đồng/lần với gia hạn, điều chỉnh, kết thúc), mức giảm chỉ do bỏ 04 thủ tục cấp Bộ. Nêu rõ phần thử nghiệm liên tỉnh chuyển về các tỉnh có còn phát sinh chi phí ở cấp tỉnh hay không (nhiều quyết định, nhiều hồ sơ). (c) Phần "sau sửa đổi" của thủ tục đề nghị thử nghiệm vẫn tính đủ 06 thành phần hồ sơ (mục 1.1 đến 1.6) như trước, chưa phản ánh nhánh trong khu vực chỉ nộp Mẫu TNCNS01. (d) Rà soát, làm rõ nội dung đánh giá đối với gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm trong khu vực tại Biểu mẫu 02/ĐGTĐ-SĐBS; bảo đảm thống nhất với dự thảo và so sánh thời gian trên cùng cơ sở tính.	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính và các biểu mẫu đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo nội dung dự thảo Nghị định gửi thẩm định, cụ thể: a) Về chi phí tuân thủ đối với các trường hợp thử nghiệm: Việc đánh giá được rà soát trên cơ sở thống nhất áp dụng thành phần hồ sơ theo Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đối với hoạt động thử nghiệm trong và ngoài khu vực. Dự thảo không quy định hồ sơ thử nghiệm trong khu vực chỉ gồm Mẫu số TNCNS01. Đối với hoạt động thử nghiệm triển khai tại nhiều tỉnh, việc cấp phép được thực hiện theo thẩm quyền của từng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với phần hoạt động trên địa bàn. b) Về mức giảm chi phí tuân thủ: Rà soát lại cơ sở tính toán chi phí trước và sau sửa

				đổi, phân biệt việc thay đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính với việc cắt giảm thủ tục, thành phần hồ sơ và thời gian thực hiện. Việc chuyển thẩm quyền cấp phép từ cấp Bộ về cấp tỉnh không đồng nghĩa với việc loại bỏ chi phí tuân thủ tương ứng; đối với hoạt động thử nghiệm tại nhiều tỉnh, cần tính đến việc thực hiện thủ tục tại từng địa phương theo quy định. c) Về thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép: Thống nhất đánh giá chi phí trên cơ sở thành phần hồ sơ quy định tại Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và các biểu mẫu được sửa đổi, bổ sung; không tính toán theo giả định thử nghiệm trong khu vực được miễn các thành phần hồ sơ kèm theo Mẫu số TNCNS01. d) Về thủ tục gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm: Rà soát, cập nhật nội dung đánh giá tại Biểu mẫu số

				02/ĐGTĐ-SĐBS phù hợp với quy định về thẩm quyền, trình tự và thời hạn thực hiện tại dự thảo Nghị định; phân biệt thời hạn tính theo ngày và ngày làm việc để bảo đảm thống nhất cơ sở so sánh trước và sau sửa đổi.